

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



**ISO 9001:2008**

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Huế  
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ**

**HẢI PHÒNG - 2015**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**ĐỀ TÀI: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN  
CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CPXD BẠCH ĐĂNG 234.**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Huệ  
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ**

**HẢI PHÒNG - 2015**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Thị Huệ Mã SV: 1112401378  
Lớp: QT1504K Ngành: Kế toán - Kiểm toán  
Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại  
Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp:  
(Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ)

- Khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.

- Phản ánh được thực trạng tổ chức công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.

- Đánh giá được ưu, nhược điểm của tổ chức công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán:

- Sử dụng số liệu năm 2014 của Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Thụ**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên: .....

Học hàm, học vị: .....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 27 tháng 04 năm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 18 tháng 07 năm 2015.

Đã nhận nhiệm vụ tốt nghiệp

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

*Ths. Nguyễn Văn Thụ*

*Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm 2015*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị**

# PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

## 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao cho.

## 2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Bài viết của sinh viên *Nguyễn Thị Huệ* đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý được chia làm 3 chương:

**Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán tài sản cố định.** Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán tài sản cố định theo quy định hiện hành.

**Chương 2: Thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.** Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về Công ty như: lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán... Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2014). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

**Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.** Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

## 3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số: ..... Bằng chữ: .....

Hải Phòng, ngày 04 tháng 07 năm 2015

**Cán bộ hướng dẫn**

**Ths. Nguyễn Văn Thu**

## MUC LUC

<b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP.....</b>	<b>2</b>
1.1 Những vấn đề chung về Tài sản cố định trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.....	2
1.1.2 Khái niệm, đặc điểm và tiêu chuẩn ghi nhận Tài sản cố định.....	2
1.1.2.1. Khái niệm và đặc điểm TSCĐ.....	2
1.1.2.2 Tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ.....	3
1.1.3 Phân loại và đánh giá TSCĐ.....	4
1.1.3.1 Phân loại TSCĐ.....	4
1.1.3.2 Đánh giá TSCĐ.....	6
1.1.4 Nguyên tắc quản lý và nhiệm vụ của kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.....	12
1.1.4.1 Nguyên tắc quản lý.....	12
1.1.4.2 Nhiệm vụ kế toán TSCĐ.....	12
1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.....	13
1.2.1 Kế toán chi tiết TSCĐ trong doanh nghiệp.....	13
1.2.2 Kế toán tổng hợp tăng giảm TSCĐ trong doanh nghiệp.....	14
1.2.2.1 Chứng từ sử dụng.....	14
1.2.2.2 Tài khoản sử dụng.....	14
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán TSCĐ.....	15
1.2.3 Kế toán khấu hao TSCĐ.....	19
1.2.3.1 Xác định thời gian trích khấu hao của TSCĐ.....	19
1.2.3.2 Các phương pháp trích khấu hao TSCĐ.....	20
1.2.3.3 Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	23
1.2.3.4 Phương pháp hạch toán.....	24
1.2.4 Kế toán sửa chữa TSCĐ.....	24
1.2.4.1 Sửa chữa thường xuyên TSCĐ.....	25
1.2.4.2 Sửa chữa lớn TSCĐ.....	25
1.3 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.....	27
<b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 234.....</b>	<b>29</b>

2.1 Khái quát chung về Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234. ....	29
2.1.1 Sự hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234. ....	29
2.1.2 Chức năng, nhiệm vụ của Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.....	29
2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty. ....	31
2.1.4 Công tác kế toán tại công ty CPXD Bạch Đằng 234. ....	33
2.1.4.1 Bộ máy kế toán.....	33
2.1.4.2 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty. ....	35
2.2 Thực trạng công tác kế toán TSCĐ tại Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.....	37
2.2.1 Phân loại và đánh giá TSCĐ tại công ty. ....	37
2.2.2 Kế toán TSCĐ tại Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.....	38
2.2.2.1 Kế toán chi tiết tăng giảm TSCĐ.....	38
2.2.2.2 Kế toán tổng hợp TSCĐ. ....	56
2.2.2.3 Kế toán khấu hao TSCĐ.....	65
2.2.2.4 Kế toán sửa chữa TSCĐ. ....	74
2.2.2.5 Kiểm kê TSCĐ tại doanh nghiệp.....	84
<b>CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CPXD BẠCH ĐẰNG 234. ....</b>	<b>87</b>
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán TSCĐ tại Công ty CPXD Bạch Đằng 234. ....	87
3.1.1 Ưu điểm.....	87
3.1.2 Hạn chế.....	90
3.2 Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty CPXD Bạch Đằng 234. ....	92
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty.....	92
3.2.2 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán TSCĐ tại Công ty CPXD Bạch Đằng 234. ....	93
3.2.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty CPXD Bạch Đằng 234... ..	94
<b>KẾT LUẬN</b> .....	<b>99</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>100</b>



## LỜI MỞ ĐẦU

Kế toán là một công việc quan trọng phục vụ cho việc hạch toán và quản lý kinh tế, nó đóng vai trò tích cực đối với việc quản lý tài sản và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đứng dưới góc độ kế toán, việc quản lý và sử dụng TSCĐ có ý nghĩa hết sức to lớn. Vì TSCĐ là vốn đầu tư dưới dạng tài sản, thường có giá trị lớn, chiếm tỷ trọng cao trong giá trị tài sản của doanh nghiệp, việc tăng giảm khấu hao TSCĐ hợp lý thúc đẩy sản xuất kinh doanh, thu hồi vốn nhanh và tái đầu tư, mở rộng sản xuất tiến tới phát triển bền vững...

Tài sản cố định (TSCĐ) có vị trí rất quan trọng và cần thiết trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, nó phản ánh năng lực, trình độ tiến bộ khoa học kỹ thuật và trang bị cơ sở vật chất của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp, TSCĐ là điều kiện cần thiết để giảm sức lao động và tăng năng suất lao động; là yếu tố quan trọng để tạo nên sức mạnh cạnh tranh cho các doanh nghiệp.

Đối với ngành xây dựng, kế toán TSCĐ là một khâu quan trọng trong toàn bộ khối lượng kế toán. Nó cung cấp toàn bộ nguồn số liệu đáng tin cậy về tình hình Tài sản hiện có của DN và tình hình tăng giảm TSCĐ... Từ đó, tăng cường biện pháp kiểm tra, quản lý chặt chẽ các TSCĐ của công ty. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán TSCĐ luôn là sự quan tâm của các doanh nghiệp cũng như các nhà quản lý kinh tế Nhà nước.

Vì vậy, trên cơ sở những kiến thức đã học cùng với thời gian thực tập, tìm hiểu, nghiên cứu tại Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234 em đã lựa chọn đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234”** để làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

Nội dung của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận bao gồm ba chương:

***Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán Tài sản cố định trong doanh nghiệp.***

***Chương 2: Thực trạng công tác kế toán TSCĐ tại công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.***

***Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.***

Vì thời gian thực tập, sự hiểu biết và trình độ nghiệp vụ còn hạn chế nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Em kính mong các thầy cô chỉ bảo, tạo điều kiện thuận lợi để em hoàn thành tốt bài khóa luận này.

*Em xin chân thành cảm ơn!*

# CHƯƠNG 1

## LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP.

### **1.1.Những vấn đề chung về Tài sản cố định trong doanh nghiệp.**

#### **1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.**

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp cần phải có đầy đủ các yếu tố đầu vào là: tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động. Tài sản cố định (TSCĐ) là một bộ phận chủ yếu của tư liệu lao động. Nó là tiền đề, là cơ sở để duy trì và thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời nó là yếu tố quyết định đến năng lực sản xuất, trình độ kỹ thuật và quy mô hoạt động của từng doanh nghiệp.

Việc đầu tư trang thiết bị và tổ chức quản lý, sử dụng tài sản cố định một cách hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm từ đó có biện pháp tăng khả năng cạnh tranh của những sản phẩm doanh nghiệp sản xuất và cung ứng trên thị trường.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý trên, kế toán TSCĐ với tư cách là một công cụ quản lý kinh tế tài chính phải phát huy các nhiệm vụ vai trò chức năng của mình: tổ chức ghi chép, phản ánh, tập hợp một cách chính xác đầy đủ, kịp thời về số lượng và giá trị hiện có, nhằm giám sát chặt chẽ việc mua sắm đầu tư, bảo quản và sử dụng TSCĐ. Phản ánh kịp thời giá trị hao mòn của TSCĐ trong giá trị sử dụng, tính phân bổ chính xác khấu hao, nhằm thu hồi lại giá trị của TSCĐ.

#### **1.1.2 Khái niệm, đặc điểm và tiêu chuẩn ghi nhận Tài sản cố định**

##### **1.1.2.1.Khái niệm và đặc điểm TSCĐ.**

Tài sản cố định (TSCĐ) là những tư liệu lao động chủ yếu và các tài sản khác có giá trị lớn thời gian sử dụng dài, tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh và giá trị của nó được chuyển dịch dần dần, từng phần vào giá trị sản phẩm, dịch vụ được sản xuất ra trong các chu kỳ sản xuất.

TSCĐ có những đặc điểm chính như sau:

- TSCĐ tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh mà không thay đổi hình thái vật chất ban đầu.

- Giá trị sử dụng và giá trị của TSCĐ bị giảm dần khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh do sự hao mòn và giá trị hao mòn được chuyển dịch

từng phần vào giá trị sản phẩm sản xuất ra. Bộ phận giá trị chuyển dịch này cấu thành một yếu tố chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được bồi đắp mỗi khi sản phẩm được tiêu thụ.

- Đối với TSCĐ vô hình, khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh cũng bị hao mòn do tiến bộ khoa học kỹ thuật và do hạn chế về pháp luật. Giá trị của TSCĐ vô hình cũng dịch chuyển dần từng phần vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

### **1.1.2.2 Tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ.**

Theo thông tư số 45/2013/TT-BTC về “**Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**”:

(1) Tư liệu lao động là những tài sản hữu hình có kết cấu độc lập, hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định mà nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào thì cả hệ thống không thể hoạt động được, nếu thoả mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây thì được coi là tài sản cố định:

- + Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó.
- + Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm.
- + Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trở lên.

Trường hợp một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và nếu thiếu một bộ phận nào đó mà cả hệ thống vẫn thực hiện được chức năng hoạt động chính của nó nhưng do yêu cầu quản lý, sử dụng tài sản cố định đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản thì mỗi bộ phận tài sản đó nếu cùng thoả mãn đồng thời ba tiêu chuẩn của tài sản cố định được coi là một tài sản cố định hữu hình độc lập.

Đối với súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm, thì từng con súc vật thoả mãn đồng thời ba tiêu chuẩn của tài sản cố định được coi là một TSCĐ hữu hình.

Đối với vườn cây lâu năm thì từng mảnh vườn cây, hoặc cây thoả mãn đồng thời ba tiêu chuẩn của TSCĐ được coi là một TSCĐ hữu hình.

(2) Tiêu chuẩn và nhận biết TSCĐ vô hình:

Mọi khoản chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thoả mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn nêu trên của TSCĐ, mà không hình thành TSCĐ hữu hình được coi là TSCĐ vô hình. Những khoản chi phí không đồng thời thoả mãn cả ba tiêu chuẩn nêu trên thì được hạch toán trực tiếp hoặc được phân bổ dần vào chi phí

kinh doanh của doanh nghiệp.

*Riêng các chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là TSCĐ vô hình tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp nếu thỏa mãn đồng thời bảy điều kiện sau:*

- a) Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản vô hình vào sử dụng theo dự tính hoặc để bán;
- b) Doanh nghiệp dự định hoàn thành tài sản vô hình để sử dụng hoặc để bán;
- c) Doanh nghiệp có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản vô hình đó;
- d) Tài sản vô hình đó phải tạo ra được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- đ) Có đầy đủ các nguồn lực về kỹ thuật, tài chính và các nguồn lực khác để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản vô hình đó;
- e) Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản vô hình đó;
- g) Ước tính có đủ tiêu chuẩn về thời gian sử dụng và giá trị theo quy định cho tài sản cố định vô hình.

Chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo phát sinh trước khi thành lập doanh nghiệp, chi phí cho giai đoạn nghiên cứu, chi phí chuyển dịch địa điểm, chi phí mua để có và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế, giấy phép chuyển giao công nghệ, nhãn hiệu thương mại, lợi thế kinh doanh không phải là tài sản cố định vô hình mà được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian tối đa không quá 3 năm theo quy định của Luật thuế TNDN.

### **1.1.3 Phân loại và đánh giá TSCĐ.**

#### **1.1.3.1 Phân loại TSCĐ.**

- ***Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện:***

Theo cách phân loại này TSCĐ của doanh nghiệp bao gồm hai loại đó là:

- **Tài sản cố định hữu hình:** Là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất thỏa mãn các tiêu chuẩn của TSCĐ hữu hình.

- **Tài sản cố định vô hình:** Là những tài sản không có hình thái vật chất, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư thỏa mãn các tiêu chuẩn của TSCĐ vô hình.

Với cách phân loại này giúp cho các nhà quản lý có được cái nhìn tổng quát về cơ cấu đầu tư vào TSCĐ của doanh nghiệp. Đây là căn cứ quan trọng để xây dựng hoặc tự điều chỉnh phương hướng đầu tư cho phù hợp với thực tế. Đồng thời các nhà quản lý có thể căn cứ vào tiêu thức phân loại này để đưa ra

biện pháp quản lý tài sản, quản lý vốn và tính khấu hao chính xác và hợp lý.

- **Phân loại TSCĐ theo nguồn hình thành:**

Theo cách phân loại này TSCĐ được phân loại thành:

- TSCĐ được mua sắm do nguồn vốn Nhà nước cấp.
- TSCĐ được mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn vay.
- TSCĐ được mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn tự bổ sung.
- TSCĐ nhận góp vốn, vốn liên doanh bằng hiện vật.

Qua cách phân loại này, ta biết được TSCĐ của doanh nghiệp được hình thành từ nguồn vốn nào để từ đó có kế hoạch đầu tư hợp lý trong việc mua sắm.

- **Phân loại theo quyền sở hữu:**

Theo phương pháp này TSCĐ được chia thành 02 loại, đó là:

- *TSCĐ tự có*: Là những TSCĐ được mua sắm và đầu tư bằng nguồn vốn tự có (ngân sách cấp, do đi vay của ngân hàng hoặc trích quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp) để phục vụ cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- *TSCĐ thuê ngoài*: Là những TSCĐ không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, được hình thành do việc doanh nghiệp đi thuê sử dụng trong một thời gian nhất định theo hợp đồng thuê tài sản cố định. TSCĐ thuê ngoài có 02 loại:

- + *TSCĐ thuê tài chính*: Là những TSCĐ mà doanh nghiệp thuê của công ty thuê tài chính, theo đó bên cho thuê có quyền chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê, quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

- + *TSCĐ thuê hoạt động*: Là những tài sản thuê không thỏa mãn các quy định về thuê tài chính đều được coi là TSCĐ thuê hoạt động. Doanh nghiệp đi thuê phải có trách nhiệm quản lý, sử dụng TSCĐ theo quy định trong hợp đồng thuê. Chi phí đi thuê được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Doanh nghiệp cho thuê với tư cách là chủ sở hữu phải theo dõi, quản lý tài sản cho thuê.

Với cách phân loại này giúp cho việc tổ chức và hạch toán TSCĐ được chặt chẽ, chính xác và sử dụng TSCĐ có hiệu quả nhất.

- **Phân loại TSCĐ theo công dụng kinh tế:**

Theo tiêu thức phân loại này, TSCĐ của doanh nghiệp được chia thành 2 loại:

- TSCĐ dùng trong sản xuất kinh doanh là những TSCĐ trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bao

gồm: nhà cửa, vật kiến trúc, thiết bị truyền dẫn, máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải,...và những TSCĐ không có hình thái vật chất khác.

- TSCĐ dùng ngoài sản xuất kinh doanh: là những TSCĐ dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh phụ trợ doanh nghiệp; và những tài sản dùng cho phúc lợi công cộng, không mang tính chất sản xuất kinh doanh. Bao gồm: nhà cửa, phương tiện dùng cho sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao, nhà ở và các công trình phúc lợi tập thể...

Cách phân loại này giúp cho người quản lý thấy rõ kết cấu TSCĐ và vai trò, tác dụng của TSCĐ trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, sử dụng TSCĐ và tính toán khấu hao chính xác.

• ***Phân loại TSCĐ theo tình hình sử dụng:***

Theo cách phân loại này, TSCĐ được phân thành:

- TSCĐ đang dùng: là những TSCĐ của doanh nghiệp đang được sử dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc các hoạt động phúc lợi, sự nghiệp an ninh quốc phòng của doanh nghiệp.

- TSCĐ chưa dùng: là những TSCĐ cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh hay các hoạt động khác của doanh nghiệp, song hiện tại chưa cần dùng tới, đang được dự trữ cần sử dụng sau này.

- TSCĐ không dùng chờ thanh lý, nhượng bán:

+ Là những TSCĐ không cần dùng đến,

+ TSCĐ bán có lãi nên doanh nghiệp bán đi để kiếm lời.

+ TSCĐ bị hư hỏng không thể sử dụng.

+ TSCĐ sử dụng không hiệu quả do lạc hậu về kỹ thuật, không còn phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

TSCĐ không còn phù hợp với nhu cầu sản xuất cầu sản xuất của doanh nghiệp mà không thể nhượng bán thì doanh nghiệp tiến hành thanh lý.

Với cách phân loại này, nhằm thấy được mức độ sử dụng hiệu quả các TSCĐ của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ của doanh nghiệp trong tương lai.

**1.1.3.2 Đánh giá TSCĐ.**

Việc đánh giá TSCĐ trong doanh nghiệp là vô cùng quan trọng vì nó là cơ sở để hạch toán TSCĐ, tính và phân bổ khấu hao một cách chính xác. Đánh giá tài sản cố định là việc xác định giá trị ghi sổ của tài sản cố định. TSCĐ của

doanh nghiệp được đánh giá theo các chỉ tiêu: Nguyên giá, Giá trị hao mòn và giá trị còn lại của TSCĐ.

**a) Nguyên giá.**

Nguyên giá của TSCĐ là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản đó và đưa TSCĐ đó vào tư thế sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá TSCĐ được xác định theo nguyên tắc giá phí, tức là nguyên giá TSCĐ bao gồm toàn bộ các chi phí liên quan đến việc mua hoặc xây dựng, chế tạo TSCĐ kể cả các chi phí vận chuyển, lắp đặt chạy thử và các chi phí hợp lý cần thiết khác trước khi sử dụng tài sản.

Nguyên giá TSCĐ được xác định cho từng đối tượng ghi TSCĐ là từng đơn vị tài sản có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau để thực hiện một số chức năng nhất định.

➤ **Với TSCĐ hữu hình:**

**- Nguyên giá TSCĐ hữu hình do mua sắm:**

*Nguyên giá TSCĐ hữu hình do mua sắm (kể cả với mua cũ và mới) gồm:*

+ Giá mua thực tế phải trả.

+ Các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại).

+ Các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: lãi tiền vay phát sinh trong quá trình đầu tư mua sắm; chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

*Nguyên giá TSCĐ hữu hình do mua trả chậm, trả góp gồm:*

+ Giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua.

+ Các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại).

+ Các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ (nếu có).

Khoản chênh lệch giữa giá mua trả chậm và giá mua trả tiền ngay được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo kỳ hạn thanh toán. Lãi trả chậm, trả góp không được tính vào nguyên giá của TSCĐ.

Ngoài ra, trường hợp mua TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất phải xác định riêng và ghi nhận là TSCĐ vô hình nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định, còn TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc thì nguyên giá là giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ hữu hình vào sử dụng.

**- Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua theo hình thức trao đổi:**

Nguyên giá TSCĐ mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác gồm:

+ Giá trị hợp lý của TSCĐ hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của TSCĐ đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về).

+ Các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như: chi phí vận chuyển; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ (nếu có).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự là giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đem trao đổi.

**- Nguyên giá TSCĐ hữu hình do tự xây dựng hoặc tự sản xuất.**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng là giá trị quyết toán công trình khi đưa vào sử dụng. Trường hợp TSCĐ đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì doanh nghiệp hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự sản xuất gồm:

+ Giá thành thực tế của TSCĐ hữu hình.

+ Các chi phí lắp đặt chạy thử, các chi phí khác trực tiếp liên quan tính đến thời điểm đưa TSCĐ hữu hình vào trạng thái sẵn sàng sử dụng (trừ các khoản lãi nội bộ, giá trị sản phẩm thu hồi được trong quá trình chạy thử, sản xuất thử, các chi phí không hợp lý như vật liệu lãng phí, lao động hoặc các khoản chi phí khác vượt quá định mức quy định trong xây dựng hoặc sản xuất).

**- Nguyên giá TSCĐ hữu hình do đầu tư xây dựng:**

Nguyên giá TSCĐ do đầu tư xây dựng cơ bản hình thành theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định tại Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành cộng (+) lệ phí trước bạ, các chi phí liên quan trực tiếp khác. Trường hợp TSCĐ do đầu tư xây dựng đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì doanh nghiệp hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành.

**- TSCĐ hữu hình được tài trợ, được biếu, được tặng, do phát hiện thừa:**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình được tài trợ, được biếu, được tặng, do phát hiện thừa là giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận hoặc tổ chức



định giá chuyên nghiệp.

**- TSCĐ hữu hình được cấp, được điều chuyển đến:**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình được cấp, được điều chuyển đến bao gồm giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ kế toán ở đơn vị cấp, đơn vị điều chuyển hoặc giá trị theo đánh giá thực tế của tổ chức định giá chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật, cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp mà bên nhận tài sản phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như chi phí thuê tổ chức định giá; chi phí nâng cấp, lắp đặt, chạy thử...

**- TSCĐ hữu hình nhận góp vốn, nhận lại vốn góp:**

TSCĐ nhận góp vốn, nhận lại vốn góp là giá trị do các thành viên, cổ đông sáng lập định giá nhất trí; hoặc doanh nghiệp và người góp vốn thoả thuận; hoặc do tổ chức chuyên nghiệp định giá theo quy định của pháp luật và được các thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận.

➤ **Với TSCĐ vô hình:**

**- TSCĐ vô hình mua sắm:**

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua sắm là giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

Trường hợp TSCĐ vô hình mua sắm theo hình thức trả chậm, trả góp, nguyên giá là giá mua tài sản theo phương thức trả tiền ngay tại thời điểm mua (không bao gồm lãi trả chậm).

**- TSCĐ vô hình mua theo hình thức trao đổi:**

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình không tương tự hoặc tài sản khác là giá trị hợp lý của TSCĐ vô hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về) cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng theo dự tính.

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự là giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đem trao đổi.

**- TSCĐ vô hình được cấp, được biếu, được tặng, được điều chuyển đến:**

Nguyên giá TSCĐ vô hình được cấp, được biếu, được tặng là giá trị hợp lý ban đầu cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến việc đưa tài sản vào sử dụng. Nguyên giá TSCĐ được điều chuyển đến là nguyên giá ghi

trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp có tài sản điều chuyển. Doanh nghiệp tiếp nhận tài sản điều chuyển có trách nhiệm hạch toán nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại của tài sản theo quy định.

**- TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp:**

Nguyên giá TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp là các chi phí liên quan trực tiếp đến khâu xây dựng, sản xuất thử nghiệm phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ đó vào sử dụng theo dự tính.

Riêng các chi phí phát sinh trong nội bộ để doanh nghiệp có nhãn hiệu hàng hoá, quyền phát hành, danh sách khách hàng, chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu và các khoản mục tương tự không đáp ứng được tiêu chuẩn và nhận biết TSCĐ vô hình được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

**- TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất:**

*TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:*

+ Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).

+ Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là năm năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

*Quyền sử dụng đất không ghi nhận là TSCĐ vô hình gồm:*

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất.

Thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê (thời gian thuê đất sau ngày có hiệu lực thi hành của Luật đất đai năm 2003, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thì tiền thuê đất được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm thuê đất.

Thuê đất trả tiền thuê hàng năm thì tiền thuê đất được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ tương ứng số tiền thuê đất trả hàng năm.

*Đối với các loại tài sản là nhà, đất đai để bán, để kinh doanh của công ty kinh doanh bất động sản thì doanh nghiệp không được hạch toán là TSCĐ và không được trích khấu hao.*

**- Nguyên giá của TSCĐ vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ:**

Là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra để có được quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

**- Nguyên giá TSCĐ vô hình là các chương trình phần mềm:**

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

➤ **Với TSCĐ thuê tài chính**

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính phản ánh ở đơn vị thuê là giá trị của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản cộng (+) với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

❖ **Giá trị hao mòn:**

Trong quá trình sử dụng, TSCĐ bị hao mòn dần về giá trị và giá trị sử dụng. Giá trị hao mòn này được dịch chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp dưới hình thức khấu hao nhằm mục đích thu hồi lại vốn đầu tư trong một thời gian nhất định để tái sản xuất. TSCĐ bị hao mòn dưới hai hình thức:

- Hao mòn hữu hình: Là sự giảm sút về giá trị và giá trị sử dụng của TSCĐ do TSCĐ tham gia vào sản xuất kinh doanh và do các nguyên nhân tự nhiên.

- Hao mòn vô hình: Là sự giảm sút thuần túy về giá trị của TSCĐ do nguyên nhân tiến bộ khoa học kỹ thuật gây ra.

❖ **Giá trị còn lại.**

Việc xác định giá trị còn lại của TSCĐ là để phản ánh được tình trạng kỹ thuật của TSCĐ, cho biết số tiền còn lại phải tiếp tục thu hồi dưới hình thức khấu hao và là căn cứ để lập kế hoạch tăng cường, đổi mới TSCĐ.

Giá trị còn lại = Nguyên giá TSCĐ - Hao mòn lũy kế

Trường hợp nguyên giá TSCĐ được đánh giá lại thì giá trị còn lại của TSCĐ cũng được xác định lại. Thông thường giá trị còn lại của TSCĐ sau khi đánh giá lại

được điều chỉnh theo công thức:

$$\text{Giá trị còn lại của TSCĐ sau khi đánh giá lại} = \text{Giá trị còn lại TSCĐ trước khi đánh giá lại} \times \frac{\text{NG TSCĐ sau khi đánh giá lại}}{\text{NG TSCĐ trước khi đánh giá lại}}$$

Đánh giá TSCĐ theo giá trị còn lại giúp doanh nghiệp xác định được số vốn chưa thu hồi của TSCĐ, biết được hiện trạng của TSCĐ là cũ hay mới để có phương hướng đầu tư và có biện pháp để bảo toàn được vốn cố định.

#### **1.1.4 Nguyên tắc quản lý và nhiệm vụ của kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.**

##### **1.1.4.1 Nguyên tắc quản lý.**

**Những nguyên tắc quản lý tài sản cố định trong doanh nghiệp theo Điều 5 Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ tài chính:**

(1). Mọi TSCĐ trong doanh nghiệp phải có bộ hồ sơ riêng (gồm biên bản giao nhận TSCĐ, hợp đồng, hoá đơn mua TSCĐ và các chứng từ, giấy tờ khác có liên quan). Mỗi TSCĐ phải được phân loại, đánh số và có thẻ riêng, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng ghi TSCĐ và được phản ánh trong sổ theo dõi TSCĐ.

(2). Mỗi TSCĐ phải được quản lý theo nguyên giá, số hao mòn lũy kế và giá trị còn lại trên sổ sách kế toán:

$$\text{Giá trị còn lại trên sổ kế toán của TSCĐ} = \text{Nguyên giá của tài sản cố định} - \text{Số hao mòn lũy kế của TSCĐ}$$

(3). Đối với những TSCĐ không cần dùng, chờ thanh lý nhưng chưa hết khấu hao, doanh nghiệp phải thực hiện quản lý, theo dõi, bảo quản theo quy định hiện hành và trích khấu hao theo quy định tại Thông tư 45.

(4). Doanh nghiệp phải thực hiện việc quản lý đối với những tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn tham gia vào hoạt động kinh doanh như những TSCĐ thông thường.

##### **1.1.4.2 Nhiệm vụ kế toán TSCĐ.**

Kế toán TSCĐ với tư cách là một công cụ của quản lý kinh tế tài chính phải phát huy chức năng của mình để thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

+ Tổ chức ghi chép phản ánh tổng hợp số liệu một cách chính xác đầy đủ kịp thời về số lượng hiện trạng và giá trị TSCĐ hiện có tình hình tăng, giảm và di chuyển TSCĐ trong nội bộ doanh nghiệp nhằm giám sát chặt chẽ việc mua sắm đầu tư việc bảo quản và sử dụng TSCĐ.

+ Phản ánh kịp thời giá trị hao mòn của TSCĐ trong quá trình sử dụng, tính

toán phân bổ chính xác số khấu hao vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

+ Tham gia lập kế hoạch sửa chữa, dự toán sửa chữa TSCĐ phản ánh chính xác chi phí sửa chữa TSCĐ, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sửa chữa và dự toán chi phí sửa chữa TSCĐ.

+ Tham gia các công tác kiểm kê, kiểm tra định kỳ hay bất thường TSCĐ tham gia đánh giá lại TSCĐ khi cần thiết, tổ chức phân tích tình hình bảo quản và sử dụng TSCĐ ở doanh nghiệp.

## **1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.**

### **1.2.1 Kế toán chi tiết TSCĐ trong doanh nghiệp.**

Kế toán chi tiết TSCĐ được thực hiện cho từng TSCĐ, từng nhóm (hoặc từng loại) TSCĐ theo nơi sử dụng TSCĐ.

Yêu cầu quản lý tài sản cố định của doanh nghiệp đòi hỏi phải có kế toán chi tiết TSCĐ. Đây là khâu quan trọng và phức tạp nhất trong toàn bộ công tác kế toán TSCĐ. Thông qua kế toán chi tiết TSCĐ, kế toán sẽ cung cấp những chỉ tiêu quan trọng về cơ cấu TSCĐ, tình hình phân bổ TSCĐ theo địa điểm sử dụng cũng như tình hình bảo quản và sử dụng TSCĐ. Phân bổ chính xác TSCĐ, nâng cao trách nhiệm vật chất trong bảo quản và sử dụng TSCĐ.

Nội dung chính của kế toán chi tiết TSCĐ bao gồm:

- Lập và thu thập các chứng từ ban đầu liên quan đến TSCĐ tại doanh nghiệp: Hóa đơn GTGT, Biên bản giao nhận TSCĐ, Biên bản thanh lý TSCĐ, Biên bản đánh giá lại TSCĐ,....

- Tổ chức kế toán chi tiết TSCĐ ở bộ phận kế toán: Kế toán chi tiết TSCĐ được thực hiện ở thẻ TSCĐ (Mẫu số S23- DN). Thẻ TSCĐ do phòng kế toán lập khi TSCĐ bắt đầu xuất hiện tại doanh nghiệp. Thẻ được lập cho từng loại TSCĐ và được lưu ở phòng kế toán. Căn cứ lập thẻ TSCĐ gồm: bộ hồ sơ TSCĐ, biên bản giao nhận TSCĐ, biên bản thanh lý TSCĐ, biên bản đánh giá lại TSCĐ,...

- Tổ chức kế toán chi tiết TSCĐ ở các đơn vị, bộ phận quản lý sử dụng: Để theo dõi địa điểm đặt TSCĐ, tình hình tăng giảm TSCĐ do từng đơn vị, bộ phận phân xưởng (đội, trại) hoặc phòng ban mỗi đơn vị sử dụng phải mở một sổ riêng - Sổ TSCĐ trong đó ghi TSCĐ tăng, giảm của đơn vị mình theo từng chứng từ, tăng, giảm TSCĐ theo trình tự thời gian phát sinh ngược. Căn cứ để ghi sổ là các chứng từ tăng, giảm TSCĐ.

**1.2.2 Kế toán tổng hợp tăng giảm TSCĐ trong doanh nghiệp.****1.2.2.1 Chứng từ sử dụng.**

Những chứng từ mà doanh nghiệp sử dụng trong hạch toán TSCĐ gồm:

- Biên bản giao nhận TSCĐ (Mẫu 01- TSCĐ).
- Biên bản thanh lý TSCĐ (Mẫu 02-TSCĐ).
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ (Mẫu 04-TSCĐ).
- Các chứng từ khác liên quan:

+ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ)

+ Các hợp đồng, hóa đơn mua – bán, các chứng từ, tài liệu kỹ thuật có liên quan khác, các hồ sơ đầu tư TSCĐ (Nếu qua đầu tư).....

**1.2.2.2 Tài khoản sử dụng.*****a/ Tài khoản 211: “ TSCĐ hữu hình”***

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm toàn bộ tài sản cố định của doanh nghiệp theo nguyên giá.

**\* Kết cấu và nội dung phản ánh TK 211:****Bên Nợ:**

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình tăng do XDCB hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, do mua sắm, do nhận vốn góp liên doanh, do được cấp, do được tặng biếu, tài trợ. . . ;

- Điều chỉnh tăng nguyên giá của TSCĐ do xây lắp, trang bị thêm hoặc do cải tạo nâng cấp. . . ;

- Điều chỉnh tăng nguyên giá TSCĐ do đánh giá lại.

**Bên Có:**

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình giảm do điều chuyển cho đơn vị khác, do nhượng bán, thanh lý hoặc đem đi góp vốn liên doanh, . . . ;

- Nguyên giá của TSCĐ giảm do tháo bớt một hoặc một số bộ phận;

- Điều chỉnh giảm nguyên giá TSCĐ do đánh giá lại.

**Số dư bên Nợ:**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình hiện có ở doanh nghiệp.

**\* TK 211 chi tiết thành 6 tiểu khoản:**

- 2111: Nhà cửa, vật kiến trúc.
- 2112: máy móc, thiết bị.
- 2113: Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn.
- 2114: Thiết bị dụng cụ quản lý.
- 2115: Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc.
- 2118: TSCĐ khác.

**b/ Tài khoản 212: “TSCĐ thuê tài chính”.**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của toàn bộ TSCĐ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Không phản ánh vào tài khoản này giá trị của TSCĐ thuê hoạt động.

Tài khoản 212 được mở chi tiết để theo dõi từng loại, từng TSCĐ thuê.

**\* Kết cấu và nội dung phản ánh TK 212:**

**Bên Nợ:**

- Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính tăng.

**Bên Có:**

- Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính giảm do điều chuyển trả lại cho bên cho thuê khi hết hạn hợp đồng hoặc mua lại thành TSCĐ của doanh nghiệp.

**Số dư bên Nợ:**

- Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính hiện có.

**c/ Tài khoản 213: “TSCĐ vô hình”.**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm TSCĐ vô hình của doanh nghiệp.

**\* Kết cấu và nội dung phản ánh TK 213:**

**Bên Nợ:** - Nguyên giá TSCĐ vô hình tăng.

**Bên Có:** - Nguyên giá TSCĐ vô hình giảm.

**Số dư bên Nợ:** - Nguyên giá TSCĐ vô hình hiện có ở doanh nghiệp.

**\* TK 213 chi tiết thành 7 tiểu tài khoản.**

- 2131: Quyền sử dụng đất.

- 2132: Quyền phát sinh.

- 2133: Bản quyền, bằng sáng chế.

- 2134: Nhãn hiệu hàng hoá.

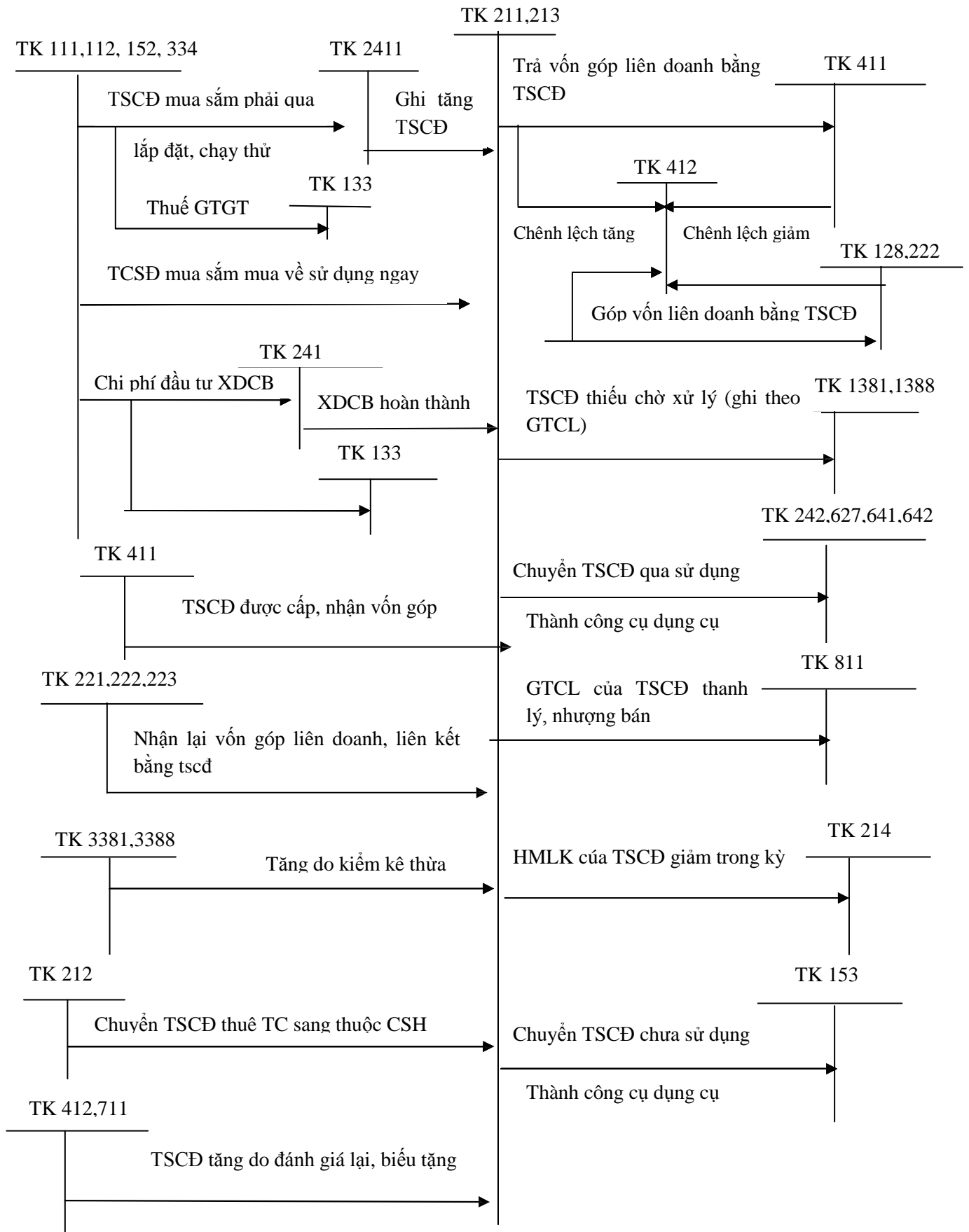
- 2135: Phần mềm máy vi tính.

- 2136: Giấy phép và giấy phép nhượng quyền.

- 2138: TSCĐ vô hình khác.

**1.2.2.3 Phương pháp hạch toán TSCĐ.**

**a. Phương pháp hạch toán tăng, giảm TSCĐ hữu hình, vô hình được khái quát qua sơ đồ sau:**



Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp tình hình tăng giảm TSCĐ hữu hình và vô hình.



**b. Hạch toán TSCĐ đi thuê và cho thuê:**

Thuê TSCĐ được thực hiện dưới hình thức thuê hoạt động hay thuê tài chính, điều này còn phụ thuộc vào nhu cầu sử dụng TSCĐ trong doanh nghiệp.

**❖ Hạch toán TSCĐ thuê hoạt động:****• Tại đơn vị đi thuê hoạt động:**

- Đơn vị có trách nhiệm quản lý và sử dụng TSCĐ theo các quy định trong hợp đồng thuê, doanh nghiệp không tính khấu hao đối với những TSCĐ đi thuê này, chi phí thuê TSCĐ được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

- Căn cứ vào hợp đồng thuê TSCĐ và các chi phí khác có liên quan đến việc thuê ngoài (vận chuyển, bốc dỡ....) kế toán ghi:

Nợ TK 627,641,642 : tiền thuê và các chi phí khác có liên quan (cả thuế nếu tính theo phương pháp trực tiếp)

Nợ TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ.

Có TK 331 : Số tiền thuê phải trả.

Có TK 111,112 : Các chi phí khác

**• Tại đơn vị cho thuê:**

- TSCĐ cho thuê hoạt động vẫn thuộc sở hữu của doanh nghiệp nên hàng tháng vẫn phải tính khấu hao.

- Các chi phí liên quan đến việc cho thuê như khấu hao TSCĐ, chi phí môi giới, giao dịch, vận chuyển... kế toán phản ánh như sau:

Nợ TK 811: tập hợp chi phí cho thuê

Có TK 214: Khấu hao TSCĐ cho thuê

Có TK 111, 112, 331: Các chi phí khác

- Các khoản thu về cho thuê, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112: tổng số thu

Có TK 711: số tiền cho thuê (bao gồm thuế GTGT nếu tính theo PP trực tiếp)

Có TK 3331: thuế GTGT phải nộp

**❖ Hạch toán TSCĐ thuê tài chính:**

**• Tại đơn vị đi thuê:** Đối với đơn vị đi thuê tài chính TSCĐ về dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh thì khi nhận TSCĐ thuê tài chính kế toán căn cứ vào hoạt động thuê tài chính và chứng từ có liên quan để phản ánh các tài khoản kế toán sau:

- Khi nhận TSCĐ thuê ngoài, căn cứ vào chứng từ liên quan (hoá đơn dịch vụ cho thuê tài chính, hợp đồng thuê tài chính...) ghi:

Nợ TK 212: Nguyên giá TSCĐ ở thời điểm thuê

Nợ TK 242 : Số lãi cho thuê phải trả

Có TK 342: Tổng số tiền thuê phải trả (giá chưa có thuế)

- Định kỳ thanh toán tiền thuê theo hợp đồng

Nợ TK 342 : Số tiền thuê phải trả

Nợ TK 133 (1332): Thuế VAT đầu vào

Có TK liên quan (111, 112...): Tổng số đã thanh toán

- Hàng kỳ trích khấu hao TSCĐ đi thuê :

Nợ TK liên quan (627, 641, 642)

Có TK 214: Số khấu hao phải trích

- Khi kết thúc hợp đồng thuê:

+ Nếu trả lại TSCĐ cho bên thuê:

Nợ TK 242: Chuyển giá trị còn lại chưa khấu hao hết

Nợ TK 214 (2142): Giá trị hao mòn

Có TK 212: Nguyên giá TSCĐ đi thuê

+ Nếu bên đi thuê được quyền sở hữu hoàn toàn:

(1) Kết chuyển nguyên giá TSCĐ:

Nợ TK 211, 213

Có TK 212: Nguyên giá

(2) Kết chuyển giá trị hao mòn lũy kế:

Nợ TK 214 (2142)

Có TK 214 (2141, 2143): Giá trị hao mòn

+ Nếu bên đi thuê được mua lại:

Ngoài hai bút toán phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn giống như khi được giao quyền sở hữu hoàn toàn, kế toán còn phản ánh số tiền phải trả về mua lại hay chuyển quyền sở hữu (tính vào nguyên giá TSCĐ)

Nợ TK 211, 213: Giá trị trả thêm

Nợ TK 133 (1332):

Có TK: 111, 112, 342

• **Tại đơn vị cho thuê:**

Về thực chất TSCĐ cho thuê vẫn thuộc quyền sở hữu của bên cho thuê, bởi vậy kế toán phải mở sổ chi tiết theo dõi cả về hiện vật và giá trị của TSCĐ cho thuê. Theo chế độ quy định, bên cho thuê tài chính là đối tượng không chịu thuế VAT đối với dịch vụ cho thuê tài chính. Số thuế VAT đầu vào khi mua

TSCĐ đã nộp sẽ được bên đi thuê trả dần trong thời gian cho thuê theo nguyên tắc phân bổ đều cho thời gian thuê.

- Khi giao TSCĐ cho bên đi thuê:

Nợ TK 228: Giá trị TSCĐ cho thuê

Nợ TK 214 (2141, 2143): GTHM (nếu có)

Có TK 211, 213: nguyên giá TSCĐ cho thuê

Có TK 241: Chuyển giá trị XDCB hoàn thành sang cho thuê.

- Nếu chuyển quyền sở hữu hoặc bán cho bên đi thuê trước khi hết hạn hoặc khi hết hạn cho thuê.

(1): Phản ánh số thu về chuyển nhượng tài sản

Nợ TK 111, 112, 131,...

Có TK 711

(2): Phản ánh số vốn đầu tư còn lại chưa thu hồi

Nợ TK 811

Có TK 228

- Nếu nhận lại TSCĐ khi hết hạn cho thuê, căn cứ giá trị được đánh giá lại (nếu có).

Nợ TK 211, 213: Giá trị đánh giá lại hoặc GTCL

Nợ TK 811 (hoặc có TK 711): Phần chênh lệch giữa GTCL chưa thu hồi với giá trị được đánh giá lại.

Có TK 228: GTCL chưa thu hồi.

### **1.2.3 Kế toán khấu hao TSCĐ.**

#### **1.2.3.1 Xác định thời gian trích khấu hao của TSCĐ.**

##### **❖ Đối với TSCĐ hữu hình**

- Đối với TSCĐ hữu hình còn mới (chưa qua sử dụng), doanh nghiệp phải căn cứ vào khung thời gian trích khấu hao tài sản cố định quy định tại *Phụ lục 1 Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013* để xác định thời gian trích khấu hao của TSCĐ.

- Đối với tài sản cố định hữu hình đã qua sử dụng, thời gian trích khấu hao của tài sản cố định được xác định như sau:

$$\text{Thời gian trích khấu hao của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị hợp lý của TSCĐ}}{\text{Giá bán của TSCĐ cùng loại mới 100\% (hoặc của TSCĐ tương đương trên thị trường)}} \times \text{Thời gian trích khấu hao của TSCĐ mới cùng loại xác định theo Phụ lục 1 (ban hành kèm theo Thông tư 45)}$$

**Trong đó:**

Giá trị hợp lý của TSCĐ là giá mua hoặc trao đổi thực tế (trong trường hợp mua bán, trao đổi), giá trị còn lại của TSCĐ hoặc giá trị theo đánh giá của tổ chức có chức năng thẩm định giá (trong trường hợp được cho, được biếu, được tặng, được cấp, được điều chuyển đến) và các trường hợp khác.

**❖ Đối với TSCĐ vô hình**

- Doanh nghiệp tự xác định thời gian trích khấu hao của tài sản cố định vô hình nhưng tối đa không quá 20 năm.

- Đối với TSCĐ vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất thuê, thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất đó.

- Đối với tài sản cố định vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ, quyền đối với giống cây trồng, thì thời gian trích khấu hao là thời hạn bảo hộ được ghi trên văn bằng bảo hộ theo quy định (không được tính thời hạn bảo hộ được gia hạn thêm).

**1.2.3.2 Các phương pháp trích khấu hao TSCĐ.**

**a. Phương pháp khấu hao đường thẳng**

Là phương pháp trích khấu hao theo mức tính ổn định từng năm vào chi phí sản xuất kinh doanh của TSCĐ tham gia vào hoạt động kinh doanh.

**► Nội dung của phương pháp:**

(1) Xác định mức trích khấu hao trung bình hàng năm cho tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm của tài sản cố định} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản cố định}}{\text{Năm sử dụng}}$$

(2) Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

(3) Trường hợp thời gian trích khấu hao hay nguyên giá của TSCĐ thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao trung bình của TSCĐ bằng cách lấy giá trị còn lại trên sổ kế toán chia (:) cho thời gian trích khấu hao xác định lại hoặc thời gian trích khấu hao còn lại (được xác định là chênh lệch giữa thời gian trích khấu hao đã đăng ký trừ thời gian đã trích khấu hao) của TSCĐ.

(4) Mức trích khấu hao cho năm cuối cùng của thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là hiệu số giữa nguyên giá tài sản cố định và số khấu hao lũy kế đã thực hiện đến năm trước năm cuối cùng của tài sản cố định đó.

(5) Xác định mức trích khấu hao đối với những tài sản cố định đưa vào sử dụng trước ngày 01/01/2013:

- Căn cứ các số liệu trên sổ kế toán, hồ sơ của tài sản cố định để xác định giá trị còn lại trên sổ kế toán của tài sản cố định.
- Xác định thời gian trích khấu hao còn lại của TSCĐ theo công thức sau:

$$T = T_2 \left( 1 - \frac{t_1}{T_1} \right)$$

Trong đó: T : Thời gian trích khấu hao còn lại của tài sản cố định

T<sub>1</sub> : Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định xác định theo quy định tại *Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT- BTC của Bộ Tài chính.*

T<sub>2</sub> : Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định xác định theo quy định tại *Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT- BTC của Bộ Tài chính.*

t<sub>1</sub> : Thời gian thực tế đã trích khấu hao của tài sản cố định

- Xác định mức trích khấu hao hàng năm (cho những năm còn lại của tài sản cố định) như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị còn lại của tài sản cố định}}{\text{Thời gian trích khấu hao còn lại của TSCĐ}}$$

Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

***b. Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh***

Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh được áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực có công nghệ đòi hỏi phải thay đổi, phát triển nhanh.

TSCĐ tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh phải thoả mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Là tài sản cố định đầu tư mới (chưa qua sử dụng);
- Là các loại máy móc, thiết bị; dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm.

➤ **Nội dung của phương pháp:**

- Xác định thời gian khấu hao của TSCĐ: Doanh nghiệp xác định thời gian khấu hao của TSCĐ theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

- Xác định mức trích khấu hao năm của tài sản cố định trong các năm đầu theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao hàng năm của tài sản cố định} = \text{Giá trị còn lại của tài sản cố định} \times \text{Tỷ lệ khấu hao nhanh}$$

**Trong đó:**

Tỷ lệ khấu hao nhanh xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh (\%)} = \text{Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng} \times \text{Hệ số điều chỉnh}$$

Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng (\%)} = \frac{1}{\text{Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định}} \times 100$$

Hệ số điều chỉnh xác định theo thời gian trích khấu hao của tài sản cố định quy định tại bảng dưới đây:

Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định	Hệ số điều chỉnh (lần)
Đến 4 năm ( t ≤ 4 năm)	1,5
Trên 4 đến 6 năm (4 năm < t ≤ 6 năm)	2,0
Trên 6 năm ( t > 6 năm)	2,5

- Những năm cuối, khi mức khấu hao năm xác định theo phương pháp số dư giảm dần nói trên bằng (hoặc thấp hơn) mức khấu hao tính bình quân giữa giá trị còn lại và số năm sử dụng còn lại của tài sản cố định, thì kể từ năm đó mức khấu hao được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định chia cho số năm sử dụng còn lại của tài sản cố định.

- Mức trích khấu hao hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

**c. Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm.**

TSCĐ tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp này là các loại máy móc, thiết bị thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Trực tiếp tham gia đến việc sản xuất sản phẩm;
- Xác định được tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của tài sản cố định;
- Công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính không thấp hơn 100% công suất thiết kế.

➤ **Nội dung của phương pháp:**

Tài sản cố định trong doanh nghiệp được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm như sau:

- Căn cứ vào hồ sơ kinh tế - kỹ thuật của tài sản cố định, doanh nghiệp xác định tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của tài sản cố định, gọi tắt là sản lượng theo công suất thiết kế.

- Căn cứ tình hình thực tế sản xuất, doanh nghiệp xác định số lượng, khối lượng sản phẩm thực tế sản xuất hàng tháng, hàng năm của tài sản cố định.

- Xác định mức trích khấu hao trong tháng của tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trong tháng của tài sản cố định} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong tháng}}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}} \times \text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm}$$

**Trong đó:**

$$\text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản cố định}}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}$$

- Mức trích khấu hao năm của tài sản cố định bằng tổng mức trích khấu hao của 12 tháng trong năm, hoặc tính theo công thức sau:

$$\text{Mức trích khấu hao năm của TSCĐ} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong năm}}{\text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm}}$$

Trường hợp công suất thiết kế hoặc nguyên giá của tài sản cố định thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định.

**1.2.3.3 Chứng từ và tài khoản sử dụng.**

• **Chứng từ sử dụng:**

- Bảng tính và phân bổ khấu hao.

• **Tài khoản sử dụng:**

*Tài khoản 214 – Hao mòn TSCĐ.*

Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình tăng, giảm giá trị hao mòn và giá trị hao mòn lũy kế của các loại TSCĐ và bất động sản (BDS) đầu tư trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ, BDS đầu tư và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ, BDS đầu tư.

**\* Kết cấu và nội dung phản ánh TK 214:**

**Bên Nợ:** Giá trị hao mòn TSCĐ, BDS đầu tư giảm do TSCĐ, BDS đầu tư thanh lý, nhượng bán, điều động cho đơn vị khác, góp vốn liên doanh.

**Bên Có:** Giá trị hao mòn TSCĐ, BDS đầu tư tăng do trích khấu hao TSCĐ, BDS đầu tư.

**Số dư bên Nợ:** Giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ, BDS đầu tư hiện có ở đơn vị.

**\* TK 214 chi tiết thành 4 tiểu khoản:**

- 2141: Hao mòn TSCĐ hữu hình
- 2142: Hao mòn TSCĐ thuê tài chính
- 2143: Hao mòn TSCĐ vô hình.
- 2147: Hao mòn TSCĐ bất động sản đầu tư.

**1.2.3.4 Phương pháp hạch toán.****Phương pháp hạch toán khấu hao TSCĐ - Một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:**

(1). Định kỳ tính, trích khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác, ghi:

Nợ TK 623 - Chi phí sử dụng máy thi công (6234)

Nợ TK 627, TK 641, TK 642, TK 811

Có TK 214 - Hao mòn TSCĐ (TK cấp 2 phù hợp).

(2). TSCĐ đã sử dụng, nhận được do điều chuyển trong nội bộ Tổng công ty, ghi:

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình (Nguyên giá)

Có TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh (Giá trị còn lại)

Có TK 214 - Hao mòn TSCĐ (2141) (Giá trị hao mòn).

(3). Thanh lý, nhượng bán TSCĐ dùng cho hoạt động SXKD:

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (2141) (Giá trị đã hao mòn)

Nợ TK 811 - Chi phí khác (Giá trị còn lại)

Có TK 211 - TSCĐ hữu hình (Nguyên giá TSCĐ)

(4). Đối với TSCĐ dùng cho hoạt động sự nghiệp, dự án, khi tính hao mòn vào thời điểm cuối năm tài chính, ghi:

Có TK 466 - Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ

Có TK 214 - Hao mòn TSCĐ.

(5). Đối với TSCĐ dùng cho hoạt động văn hoá, phúc lợi, khi tính hao mòn vào thời điểm cuối năm tài chính, ghi:

Nợ TK 353 - Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ

Có TK 214 - Hao mòn TSCĐ.

**1.2.4 Kế toán sửa chữa TSCĐ.**

Sửa chữa TSCĐ là việc bảo dưỡng, sửa chữa TSCĐ bị hỏng trong quá trình hoạt động kinh doanh nhằm khôi phục lại năng lực hoạt động bình thường của TSCĐ đó. Cách thức tiến hành sửa chữa TSCĐ có thể là do doanh nghiệp tự làm hoặc do doanh nghiệp thuê ngoài. Những chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để sửa chữa TSCĐ gọi là chi phí sửa chữa TSCĐ.



### **1.2.4.1 Sửa chữa thường xuyên TSCĐ.**

- Sửa chữa thường xuyên TSCĐ (sửa chữa nhỏ) là hình thức sửa chữa mang tính bảo dưỡng thường xuyên, có thời gian sửa chữa ngắn và chi phí sửa chữa phát sinh thường chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng chi phí của doanh nghiệp.

- Khối lượng công việc không nhiều, vì vậy chi phí sửa chữa phát sinh được tính thẳng vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kì (nếu sửa chữa cho TSCĐ phục vụ cho hoạt động phúc lợi thì hạch toán thẳng vào TK353).

**\* Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT sửa chữa, Biên lai thu phí  
- Các chứng từ khác liên quan như: phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, phiếu quyết toán sửa chữa chung,....

**\* Tài khoản sử dụng:**

- Các tài khoản chi phí: TK 627, 641, 642...  
- Các TK liên quan: TK 133, 111, 112, 152, 331,....

**\* Phương pháp hạch toán:**

Khi phát sinh chi phí này, kế toán phản ánh ngay vào chi phí của từng bộ phận sử dụng tài sản đó:

Nợ TK 627, 641, 642...

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào (nếu thuê ngoài)

Có TK 111, 112, 152, 331,....

### **1.2.4.2 Sửa chữa lớn TSCĐ.**

Sửa chữa lớn TSCĐ là việc cải tạo, thay thế các bộ phận trong TSCĐ, công việc có thể do doanh nghiệp tự thực hiện hoặc phải thuê ngoài, thời gian sửa chữa kéo dài và TSCĐ phải ngưng hoạt động, chi phí phát sinh thường lớn nên không thể tính hết vào chi phí của đối tượng sử dụng mà phải phân bổ hợp lý vào chi phí SXKD.

**\* Chứng từ sử dụng:**

- Hợp đồng kinh tế về sửa chữa lớn.  
- Bảng dự toán chi phí sửa chữa, Hóa đơn GTGT sửa chữa, Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn TSCĐ hoàn thành....

**\* TK sử dụng:**

- TK 241 (TK 2413): Sửa chữa lớn TSCĐ (Trường hợp sửa chữa thường xuyên TSCĐ thì không hạch toán vào tài khoản này mà tính thẳng vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ).

- TK 242: Chi phí trả trước .

- Các tài khoản liên quan: TK111,112.....

**\* Phương pháp hạch toán:**

Công tác sửa chữa lớn TSCĐ của doanh nghiệp có thể tiến hành theo phương thức tự làm hoặc giao thầu:

**• Theo phương thức tự làm:**

- Khi chi phí sửa chữa lớn phát sinh, căn cứ chứng từ phát sinh chi phí để hạch toán:

+ Nếu sửa chữa lớn TSCĐ phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 241 - XDCB dở dang (2413) (Giá mua chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ (1332)

Có các TK111, 112, 152, 214,.. .

+ Nếu sửa chữa lớn TSCĐ phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, ghi:

Nợ TK 241 - XDCB dở dang (2413) (Tổng giá thanh toán)

Có các TK111, 112, 152, 214,334. . (Tổng giá thanh toán)

- Khi công trình sửa chữa lớn đã hoàn thành, kế toán phải tính giá thành thực tế của từng công trình sửa chữa lớn để quyết toán số chi phí này theo các trường hợp sau:

+ Trường hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ có giá trị nhỏ ghi:

Nợ TK 623, 627, TK 641, TK 642

Có TK 241 - XDCB dở dang (2413).

+ Trường hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ có giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất, kinh doanh, khi công việc sửa chữa lớn TSCĐ hoàn thành, tiến hành kết chuyển vào tài khoản chi phí trả trước (Phân bổ dần) hoặc chi phí phải trả (Trường hợp đã trích trước chi phí sửa chữa lớn) về sửa chữa lớn TSCĐ, ghi:

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước

Nợ TK 335 - Chi phí phải trả

Có TK 241 - XDCB dở dang (2413).

+ Trường hợp sửa chữa lớn hoặc cải tạo, nâng cấp thoả mãn điều kiện ghi tăng nguyên giá TSCĐ, ghi:

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình

Có TK 241 - XDCB dở dang (2413).

- **Theo phương thức giao thầu:**

Khi nhận khối lượng sửa chữa lớn do bên nhận thầu bàn giao, ghi:

Nợ TK 241 - XDCB dở dang (2413)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1332) (nếu có)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

### **1.3 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.**

Theo chế độ kế toán hiện hành, có 5 hình thức kế toán mà các đơn vị kinh tế có thể chọn áp dụng. Các hình thức kế toán hiện hành bao gồm:

- Hình thức Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức Nhật ký - chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Việc áp dụng hình thức kế toán này hay hình thức kế toán khác là tùy thuộc vào quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh và trình độ quản lý của các doanh nghiệp và quy định về đối tượng mà đơn vị kế toán lựa chọn cho phù hợp.

Tại Công ty CPXD Bạch Đằng 234 – công ty em thực tập, đang áp dụng hình thức kế toán máy. Với phần mềm kế toán được viết riêng cho công ty, hệ thống sổ sách và báo cáo được thiết kế theo nguyên tắc của hình thức kế toán Nhật ký chung.

Do đó, em xin trình bày cụ thể hơn về đặc trưng cơ bản và trình tự ghi sổ của hình thức kế toán máy hiện hành.

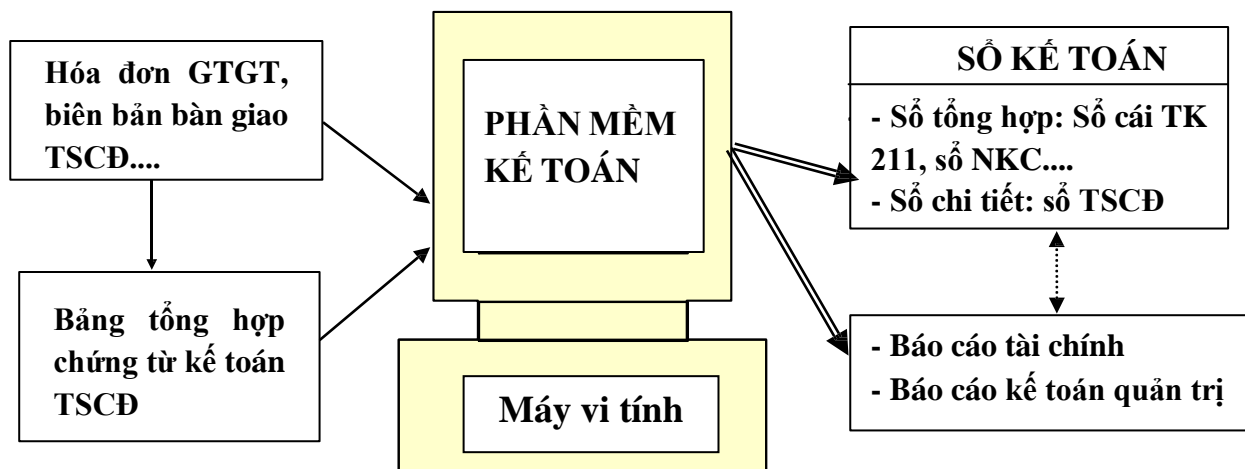
**\* *Đặc trưng cơ bản và các loại sổ kế toán của hình thức kế toán trên máy vi tính:***

- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính, phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

- Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay. Tùy theo yêu cầu

quản lý mà kế toán sử dụng các loại sổ, in ấn lưu trữ cho phù hợp.

**\* Trình tự ghi sổ kế toán:**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày  →

Ghi hàng tháng  →

Ghi đối chiếu kiểm tra  →

**Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Kế toán trên máy vi tính.**

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

**CHƯƠNG 2****THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234.****2.1 Khái quát chung về Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đăng 234.****2.1.1 Sự hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đăng 234.**

Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đăng 234 được cổ phần từ doanh nghiệp Nhà nước: Công ty Xây dựng 234 theo quyết định số 69/QĐ-BXD ngày 12/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, hiện nay phần vốn Nhà nước tại Công ty chiếm 51% vốn điều lệ do Tổng công ty xây dựng Bạch Đăng quản lý phần vốn nhà nước.

Tiền thân của Công ty Xây dựng 234 là Xí nghiệp Mộc và xây dựng trực thuộc Công ty xây dựng số 6 (Nay là Tổng công ty xây dựng Bạch Đăng) ra đời năm 1980.

Ngày 5 tháng 7 năm 1993, Giám đốc Công ty Xây dựng số 16 đã ra Quyết định số 55 về hợp nhất 2 đơn vị là Xí nghiệp Mộc – xây dựng và Đội xây dựng 205 thành một xí nghiệp lấy tên là Xí nghiệp Xây dựng và trang trí nội thất.

Năm 1998, Bộ xây dựng quyết định đổi tên Xí nghiệp xây dựng và trang trí nội thất thành Công ty xây dựng 234 theo QĐ số 85 / BXD – TCLĐ của Bộ trưởng Bộ xây dựng.

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234
- Tên giao dịch quốc tế: Bach Dang 234 Construction Joint Stock Company.
- Địa chỉ: Số 2B đường Trường Chinh - Kiến An – Hải Phòng
- Điện thoại: 031.3878073 - 031.3878792
- Fax: 031.3876149
- Email: [bachdang234@gmail.com](mailto:bachdang234@gmail.com)
- Mã số thuế: 0200742545

**2.1.2 Chức năng, nhiệm vụ của Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đăng 234.**

Công ty CPXD Bạch Đăng 234 là đơn vị sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng. Hoạt động chính của công ty là: Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ, công trình lợi ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất các cấu kiện điện kim loại, thùng, bể chứa và dụng cụ chứng đựng bằng kim loại; Sản xuất nồi hơi; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi,

điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

Địa bàn hoạt động của công ty trải rộng trên khắp lãnh thổ Việt Nam. Với đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật giỏi, công ty đã trúng thầu nhiều công trình lớn trải rộng theo chiều dài đất nước, các công trình luôn đảm bảo về chất lượng, kỹ thuật và được chủ đầu tư đánh giá cao như: Công trình nhà máy lọc dầu Dung Quất (50 tỷ), Nhà máy nhiệt điện Na Dương (25 tỷ), NM NĐ Uông Bí (40 tỷ), NM xi măng Hạ Long (42 tỷ) ...

Công ty thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước, hoàn thành mọi kế hoạch mà Tổng công ty đã đề ra. Bên cạnh đó, công ty không ngừng nghiên cứu chiến lược để sản xuất kinh doanh có hiệu quả hơn, thắng thầu nhiều công trình, đảm bảo đời sống cán bộ công nhân viên ổn định, thu được doanh thu cao nhất nhằm tạo thế và lực mạnh cho công ty trên thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt.

Sau đây là một số kết quả đạt được tại Công ty CP xây dựng Bạch Đằng 234 trong những năm qua :

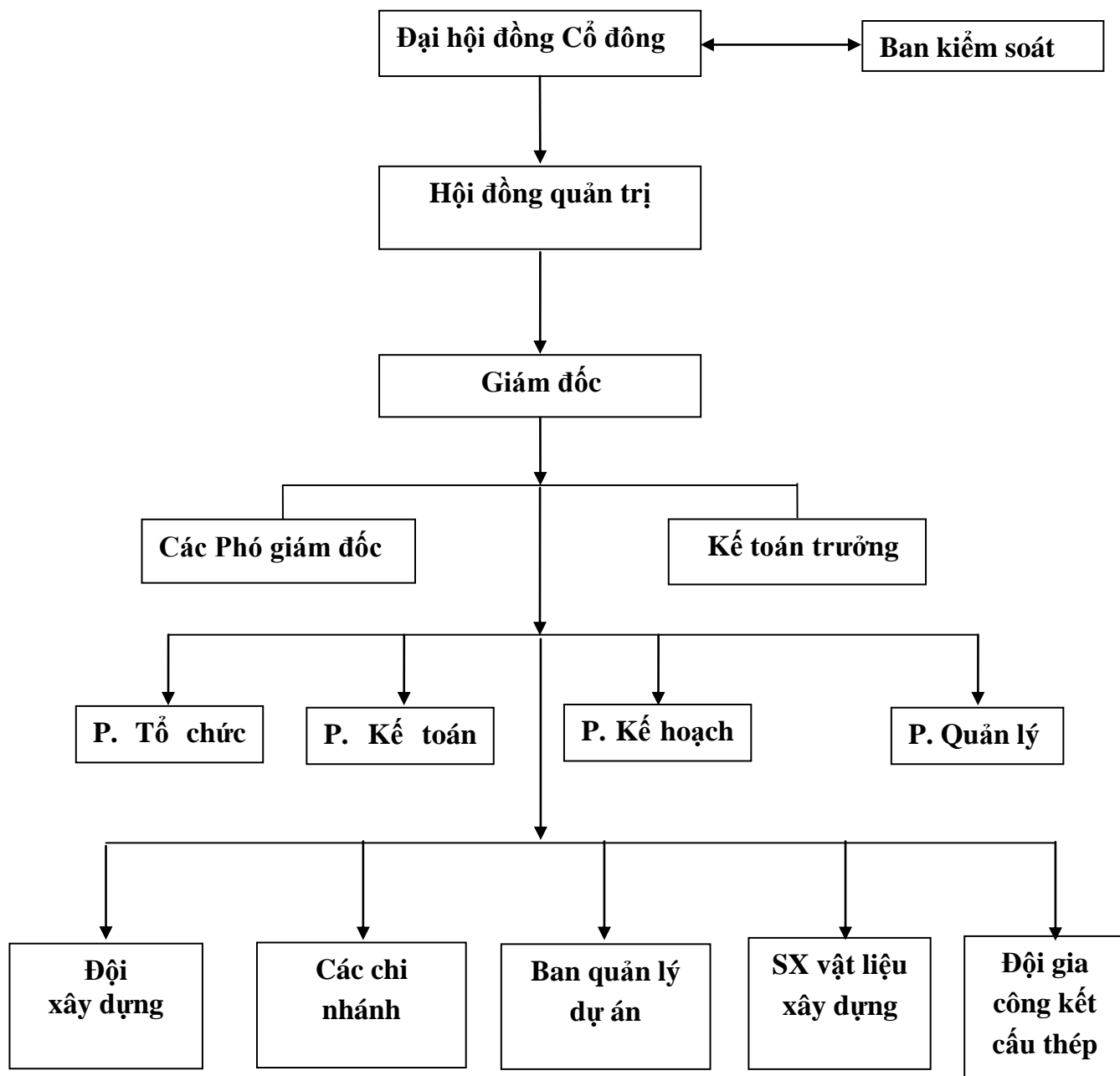
<b>Danh mục</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2014</b>
<b>Tổng tài sản</b>	80.761.245.152	73.541.026.797	76.407.762.820
<b>Doanh thu bán hàng</b>	151.896.590.313	193.770.270.400	164.222.363.492
<b>Giá vốn hàng bán</b>	147.299.828.016	183.618.391.350	157.468.088.318
<b>Tổng LN kế toán trước thuế</b>	2.515.447.311	4.792.603.512	3.060.458.430

Qua bảng thành tích trên cho thấy nhịp độ tăng trưởng của Công ty trong những năm qua luôn ổn định. Có thể thấy để có được kết quả trên ngoài những nỗ lực của cán bộ công nhân viên chức trong công ty cùng với sự quan tâm giúp đỡ từ phía Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng còn có sự đóng góp mang tính quyết định đó chính là chủ trương đúng đắn của công ty .

Lĩnh vực xây dựng trong giai đoạn hiện nay, khi mà ngày càng có nhiều tỉnh, thành phố vươn lên đô thị loại I đi liền với việc quy hoạch đô thị đòi hỏi sử dụng nhiều máy móc thiết bị, phương tiện kỹ thuật hiện đại thì mới đáp ứng được tiến độ thi công của các công trình mà các chủ đầu tư yêu cầu và có thể cạnh tranh, đứng vững trên thị trường ngành xây dựng.

**2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty.**

**Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức quản lý của Công ty CPXD Bạch Đằng 234**



**a. Tổ chức quản lý:**

Bộ máy quản lý của công ty được chia thành các phòng chức năng bố trí theo sơ đồ hỗn hợp trực tuyến.

- **Đại hội đồng cổ đông** là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty là cơ quan cao nhất của Công ty giữa hai kỳ đại hội đồng cổ đông quyết định phương án sản xuất kinh doanh, phương án tổ chức bộ máy công ty, cơ chế quản lý của Công ty để thực hiện nghị quyết của đại hội đồng cổ đông công ty.

- **Ban kiểm soát** là người đại diện cho cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và điều hành Công ty.

Công ty được điều hành bởi Giám đốc và các Phó giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và các phòng ban giúp việc theo phương án tổ chức được Hội đồng quản trị phê duyệt.

- **Hội đồng quản trị:** Do Đại hội cổ đông công ty bầu ra. Hội đồng quản trị có toàn quyền để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông.

- **Giám đốc:** điều hành chính toàn bộ các mặt hoạt động của toàn công ty, trực tiếp phụ trách công tác tài chính kế toán và tổ chức của công ty.

- **Phó giám đốc:** 2 người (01 Phó giám đốc phụ trách quản lý kỹ thuật thi công; 01 Phó giám đốc phụ trách dự án và kinh doanh ). Do HĐQT bổ nhiệm có trách nhiệm tham mưu cho giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý nguồn lực công ty, chỉ đạo sản xuất....

- **Phòng kế hoạch đầu tư:** có chức năng tham mưu, đề xuất các chủ trương, giải pháp cho Giám đốc trong việc chỉ đạo, quản lý, điều hành Công ty về các lĩnh vực: xây dựng kế hoạch sản xuất, đầu tư; kế hoạch tiền lương; chiến lược phát triển của công ty,...

- **Phòng kế toán tài chính:** tham mưu cho giám đốc chỉ đạo các đơn vị thực hiện các chế độ quản lý tài chính tiền tệ theo quy định của Bộ tài chính, ghi chép phản ánh chính xác, kịp thời và có hệ thống sự diễn biến của các nguồn vốn, vốn vay, giải quyết các loại vốn phục vụ cho việc sản xuất, tổng hợp kế quả hoạt động sản xuất kinh doanh, lập báo cáo tài chính....

- **Phòng tổ chức hành chính:** Có nhiệm vụ thực hiện các công việc hành chính như tiếp nhận, phát hành và lưu trữ công văn, giấy tờ tài liệu. Quản lý nhân sự, nghiên cứu, xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý công ty. Thực hiện một số công việc về chế độ chính sách cũng như vấn đề lương bổng khen thưởng. Quản trị tiếp nhận lưu trữ công văn từ trên xuống, chuyển giao cho các bộ phận có liên quan.



- **Phòng quản lý thi công:** quản lý và tổ chức thực hiện xây dựng cơ bản theo quy chế và pháp luật của Nhà nước hiện hành, đồng thời nghiên cứu các tiến bộ kỹ thuật ứng dụng vào thi công, hướng dẫn nâng cao tay nghề cho công nhân. Theo dõi bám sát tiến độ thi công, quản lý số lượng NVL nhập và định mức tiêu hao ôn định hợp lý. Tổ chức nghiệm thu khối lượng công trình, duyệt quyết toán công trình hình thành.

- **Các đội sản xuất, trạm bê tông TP :** Tùy thuộc vào thực tế

- **Các ban quản lý dự án :** Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể

**b. Tổ chức sản xuất:**

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Công ty và đặc điểm của ngành xây dựng, việc tổ chức sản xuất được chia làm các khối như sau:

- **Đội xây dựng:** Toàn công ty có 8 đội xây dựng. Do đặc điểm ngành xây dựng, mỗi công trình ở một vị trí khác nhau nên các đội xây dựng này thường xuyên phải di chuyển, không cố định.

- **Đội cấp pha:** Có nhiệm vụ chuyên trách về cấp pha cho các dự án công trình lớn.

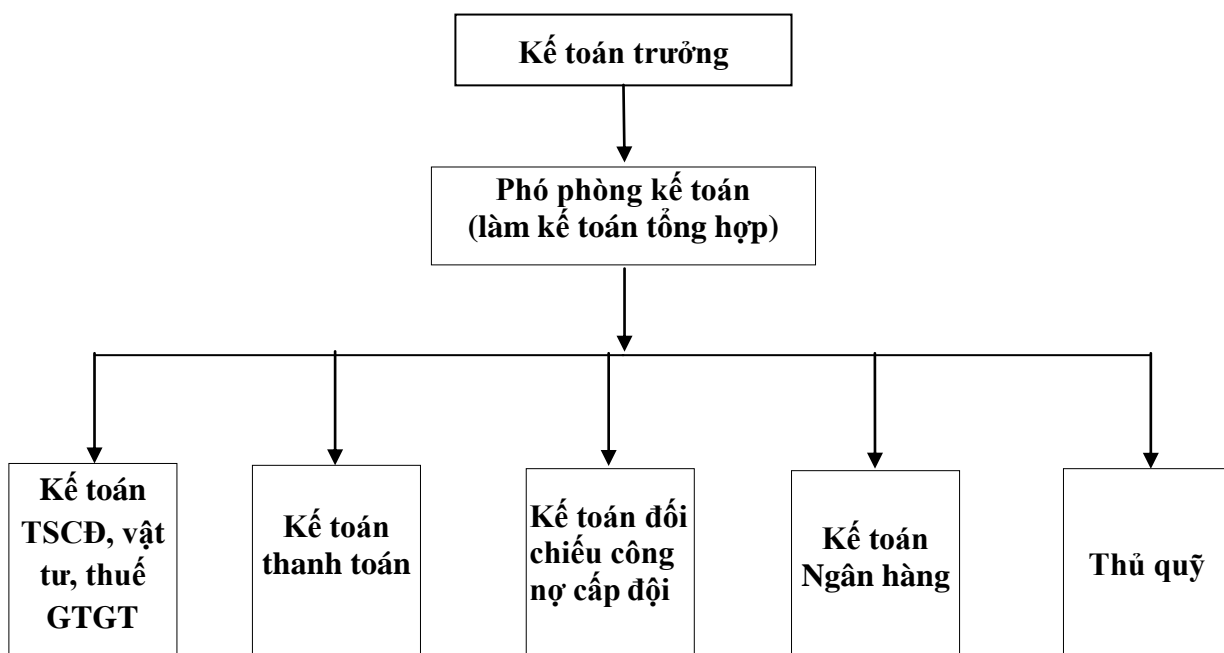
- **Trạm trộn bê tông:** Công ty có hai trạm trộn bê tông - một trạm đặt tại NM XM Hạ Long, một trạm đặt tại Thái Nguyên.

Ngoài chức năng cung cấp bê tông kịp thời cho các công trình, trạm trộn bê tông còn kinh doanh bán bê tông cho các công trình của các đơn vị khác.

**2.1.4 Công tác kế toán tại công ty CPXD Bạch Đằng 234.**

**2.1.4.1 Bộ máy kế toán.**

Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán Công ty CPXD Bạch Đằng 234



Mô hình kế toán của Công ty xây dựng 234 là mô hình kế toán tập trung.

**Trong phòng Tài chính – Kế toán**, mỗi cán bộ kế toán phụ trách theo dõi một vài tài khoản có liên quan tới phần hành của mình. Cuối tháng kế toán tổng hợp hợp chi phí, tính giá thành sản xuất của từng công trình xây dựng, hoạt động kinh doanh, xác định doanh thu ...

❖ **Kế toán trưởng:**

- Là người chịu trách nhiệm phụ trách chung, thực hiện việc tổ chức toàn bộ công tác kế toán trong công ty theo chế độ hiện hành.

- Kế toán trưởng là người trực tiếp báo cáo định kỳ các thông tin về tình hình tài chính kế toán của công ty lên giám đốc, chịu trách nhiệm trước công ty, cơ quan pháp luật về mọi thông tin của số liệu đã báo cáo.

- Tiến hành phân tích kinh tế, tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh.

❖ **Phó phòng kế toán:**

Tổng hợp toàn bộ các phần hành kế toán khác nhau để hoàn thiện công tác kế toán đồng thời kiểm tra việc ghi chép ban đầu, việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê định kỳ, lập báo cáo tài chính, tổ chức bảo quản hồ sơ tài liệu kế toán.

❖ **Kế toán Ngân hàng:**

Thực hiện việc ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi ngân hàng của Công ty, đối chiếu các chứng từ liên quan đến việc trích TGNH thông qua việc khớp đúng giữa hoá đơn chứng từ gốc và sổ phụ của ngân hàng.

❖ **Kế toán thanh toán :**

Theo dõi các khoản phải thu, phải trả của khách hàng

❖ **Kế toán đối chiếu công nợ cấp đội :**

Do công ty sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng cho nên công ty có kế toán đối chiếu công nợ cấp đội riêng với nhiệm vụ theo dõi công nợ của từng đội xây dựng.

❖ **Kế toán TSCĐ, vật tư, thuế GTGT:**

Theo dõi tình hình tăng giảm tài sản cố định, tính và phân bổ khấu hao TSCĐ trong doanh nghiệp; thực hiện việc ghi chép, phản ánh, tổng hợp số liệu về tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu, tính trị giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho, đồng thời theo dõi tình hình xuất dùng và phân bổ công cụ dụng cụ trong kỳ và theo dõi tình hình các khoản thuế phải nộp, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

❖ **Thu quỹ:**

Có trách nhiệm thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến thu chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt kiêm báo cáo quỹ.

### **2.1.4.2 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.**

- Chế độ kế toán áp dụng: Doanh nghiệp áp dụng chế độ toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ -BTC ngày 20-3-2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng BTC. Ngoài ra công ty còn mở thêm các tài khoản chi tiết cấp 2 (tài khoản 4 số như TK3331...) cho phù hợp với yêu cầu của việc quản lý.

- Niên độ kế toán công ty áp dụng từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ mà công ty sử dụng trong ghi chép kế toán, báo cáo quyết toán là đồng nội tệ: đồng Việt Nam (VND).

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác: theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

- Phương pháp hạch toán: Công ty sử dụng phương pháp Kế khai thường xuyên.

- Phương pháp tính giá trị hàng xuất kho: phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp tính Khấu hao tài sản cố định: Khấu theo phương pháp đường thẳng (KH đều). Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- + Nhà cửa, vật kiến trúc : 20 năm
- + Máy móc, thiết bị : 03- 08 năm
- + Phương tiện vận tải : 05 – 10 năm
- + Thiết bị văn phòng : 05 năm

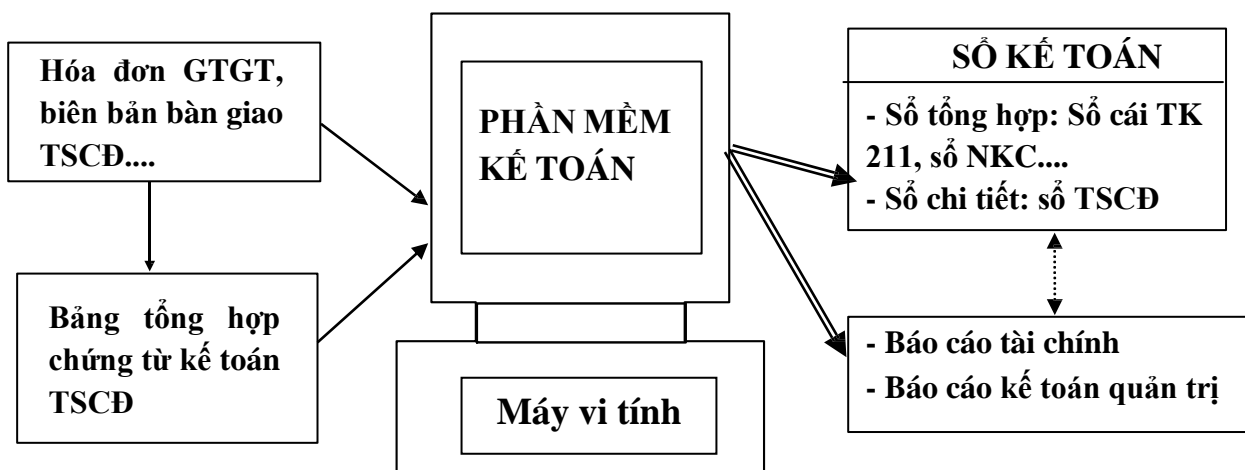
- Phương pháp tính thuế GTGT: Công ty áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung với chương trình kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán công ty sử dụng là phần mềm được thiết kế rất thuận lợi cho người sử dụng với hệ thống sổ sách và báo cáo đầy đủ.

Công ty sử dụng các loại sổ sách chủ yếu sau:

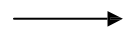
- . Sổ nhật ký chung
- . Sổ cái
- . Các loại sổ và thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán kế toán trên máy vi tính:



Ghi chú:

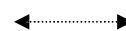
Nhập số liệu hàng ngày (kế toán làm):



In sổ, báo cáo cuối quý, cuối năm (máy làm):

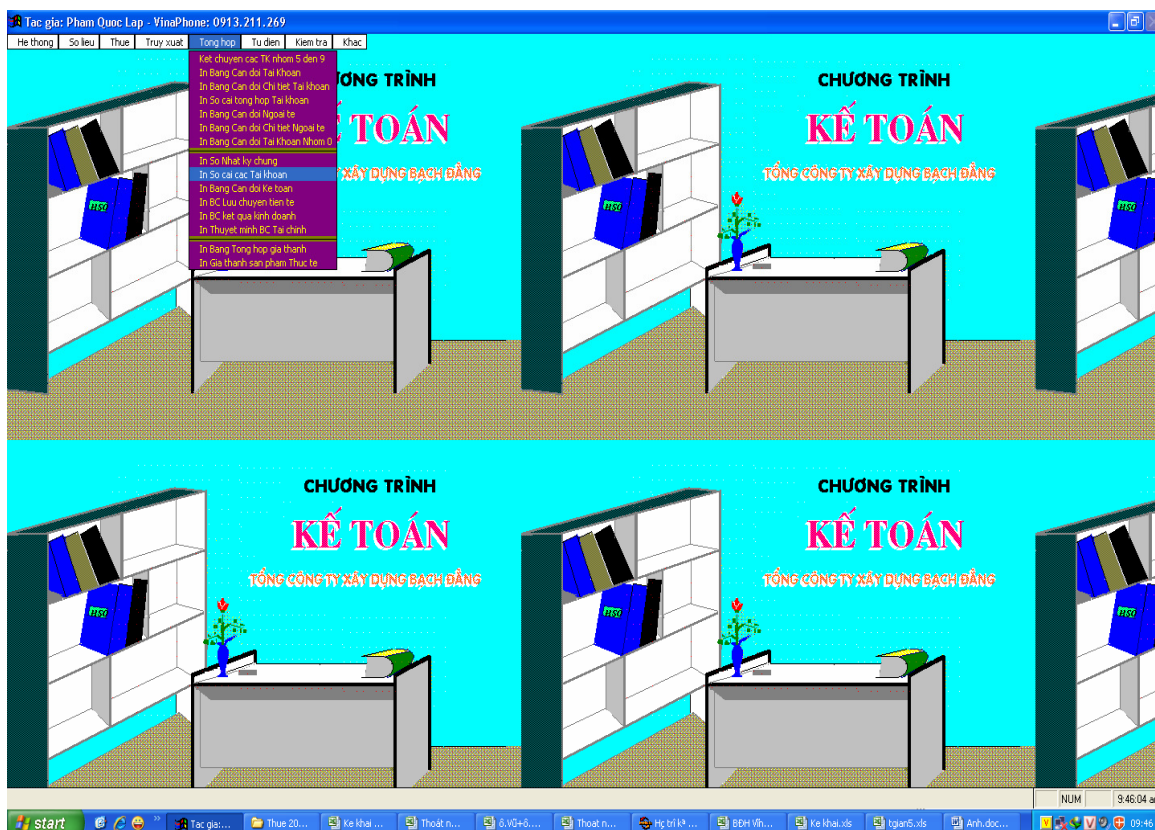


Đối chiếu, kiểm tra (kế toán làm sau nó in ra giấy):



Từ màn hình nền của Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm kế toán, nhập tên và mật khẩu người dùng, giao diện sẽ hiện ra như sau:

Màn hình chính của giao diện phần mềm kế toán:



## **2.2 Thực trạng công tác kế toán TSCĐ tại Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.**

### **2.2.1 Phân loại và đánh giá TSCĐ tại công ty.**

#### **❖ Phân loại:**

Tài sản cố định của công ty bao gồm nhiều loại khác nhau cùng tham gia vào quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Để có thể quản lý tốt tài sản cố định đòi hỏi Công ty phải thực hiện phân loại một cách hợp lý.

#### **\* TSCĐ của Công ty chia thành 4 loại:**

- + Loại 1: Nhà ở, vật kiến trúc.
- + Loại 2: Máy móc thiết bị.
- + Loại 3: Phương tiện vận tải.
- + Loại 4: Thiết bị, dụng cụ quản lý.

#### **Biểu số 2.1 Tình hình TSCĐ tại công ty ngày 31/12/2014**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Tỷ trọng (%)</b>
<b>Tổng giá trị TSCĐ</b>	<b>11.687.006.235</b>	<b>100</b>
<b>Trong đó</b>		
Nhà ở, vật kiến trúc	3.691.450.285	31.6
Máy móc thiết bị	4.919.040.188	42.08
Phương tiện vận tải	3.009.553.035	25.75
Thiết bị dụng cụ quản lý	66.962.727	0.57

Như vậy, TSCĐ sử dụng trong doanh nghiệp chủ yếu là máy móc thiết bị chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị TSCĐ của công ty. Thiết bị dụng cụ quản lý: Phản ánh giá trị các loại thiết bị, dụng cụ sử dụng trong quản lý, kinh doanh, quản lý hành chính (Máy vi tính, quạt trần, quạt bàn, bàn ghế, thiết bị, dụng cụ đo lường, kiểm tra chất lượng hút ẩm hút bụi, chống môi mọt. . .). Việc phân loại TSCĐ theo tiêu thức này rất thuận lợi cho công tác quản lý TSCĐ và trích khấu hao TSCĐ phân bổ cho các đối tượng sử dụng. Ngoài ra, đây cũng là cơ sở để kế toán lập các sổ chi tiết TSCĐ và xác định tỷ lệ khấu hao áp dụng cho các nhóm TSCĐ.

Do đặc điểm TSCĐ trong công ty chỉ có TSCĐ hữu hình, lại thêm các biến động tăng giảm là không thường xuyên nên việc theo dõi và quản lý TSCĐ tại công ty không quá phức tạp. Mọi TSCĐ đều được kế toán theo dõi chi tiết trên hệ thống sổ sách phần mềm kế toán một cách rõ ràng.

❖ **Đánh giá TSCĐ tại công ty:**

• **Nguyên giá:**

Tại công ty TSCĐ tăng chủ yếu do mua sắm.

- Đối với những tài sản mua sắm (kể cả mua mới hay mua cũ) thì nguyên giá là giá mua thực tế phải trả; các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại); các chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp đến TSCĐ tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: lãi tiền vay, thuế, phí, lệ phí...(nếu có), trừ chi phí vận chuyển kế toán phân bổ trực tiếp vào chi phí sản xuất chung trong kỳ.

- Đối với những TSCĐ do xây dựng cơ bản bàn giao, hoàn thành thì nguyên giá được tính bằng giá quyết toán công trình được duyệt trong báo cáo.

• **Giá trị hao mòn :**

Giá trị hao mòn của TSCĐ là tổng số khấu hao lũy kế của TSCĐ đã trích được tính đến thời điểm báo cáo.

• **Giá trị còn lại:**

*Giá trị còn lại = Nguyên giá TSCĐ - Hao mòn lũy kế*

**2.2.2 Kế toán TSCĐ tại Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.**

**2.2.2.1 Kế toán chi tiết tăng giảm TSCĐ.**

- Căn cứ vào kế hoạch, phòng Kế hoạch đầu tư lập Tờ trình gửi giám đốc duyệt hồ sơ về việc mua hoặc thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

- Căn cứ vào tờ trình Giám đốc ra Quyết định duyệt mua hoặc thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

- Sau khi tìm được đối tác các bên sẽ lập hợp đồng kinh tế mua bán TSCĐ.

- Biên bản giao nhận TSCĐ sẽ được lập sau khi TSCĐ được hội đồng kiểm tra nghiệm thu.

- Đồng thời bên bán viết hóa đơn GTGT giao cho phòng Kế toán để làm thủ tục thanh toán.

- Căn cứ vào bộ chứng từ, kế toán tiến hành ghi vào thẻ TSCĐ và sổ chi tiết TSCĐ. Từ sổ thẻ chi tiết TSCĐ cuối kỳ kế toán ghi vào “Bảng tổng hợp chi tiết TSCĐ”

- Ngoài ra, đối với việc thanh lý TSCĐ sau khi lập tờ trình, Công ty sẽ tiến hành lập Biên bản giám định và Biên bản đánh giá lại TSCĐ. Căn cứ vào quyết định của giám đốc mới lập Biên bản thống nhất giá khởi điểm để đấu giá. Và sau

đó, có Biên bản làm việc để quyết định bán cho người đầu giá cao nhất trước khi lập Biên bản giao nhận TSCĐ và viết hóa đơn.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT.
- Hợp đồng kinh tế.
- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Sổ sách sử dụng:**

- Thẻ TSCĐ.
- Bảng tổng hợp TSCĐ.

❖ **Ví dụ minh họa:**

**Ví dụ 1:** Ngày 04/09/2014, Công ty tiến hành kí hợp đồng mua Cầu tháp QTZ5015 theo hợp đồng kinh tế số 59/HĐKT/2014 của Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp và Thương mại Anh Sơn với số tiền là 681.818.182đ (chưa bao gồm thuế VAT 10%); chi phí lắp dựng, kiểm định là 63.636.364đ (chưa bao gồm thuế VAT 10%).

Sau khi “Hợp đồng mua bán phương tiện vận tải” – (**Biểu 2.2**) được chứng thực đầy đủ các điều kiện pháp lý và bắt đầu có hiệu lực, Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp và Thương mại Anh Sơn đã tiến hành bàn giao TSCĐ thông qua “Biên bản bàn giao tài sản” – (**Biểu 2.3**) vào ngày 11/11/2014 và trả hóa đơn GTGT – (**Biểu 2.4**) vào ngày 18/12/2014.

**Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 000347, kế toán nhập số liệu vào phần mềm máy tính theo trình tự sau:**

Từ màn hình Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm, kế toán nhập tên và mật khẩu của mình để vào phần mềm. Chọn Số liệu → Chọn Tài khoản 2113 → Xem sửa chứng từ chọn lọc → Nhập mới → Nhập số liệu mới từ hóa đơn vào.

Sau khi nhập đầy đủ số liệu và thông tin từ hóa đơn, kích chọn “Kết thúc”.

Thông qua khai báo chi tiết được cài đặt sẵn trên phần mềm kế toán, số liệu được xử lý và ghi vào Sổ chi tiết TK 2113 (**Biểu số 2.6**) và sổ chi tiết các tài khoản liên quan.

Cuối kỳ từ Sổ chi tiết TK 2113, máy tính sẽ tự động xử lý số liệu để vào “Bảng tổng hợp chi tiết TSCĐ” – (**Biểu số 2.14**).

**Biểu 2.2: Hợp đồng Kinh tế.**









**Biểu 2.3: Biên bản bàn giao Tài sản.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN BÀN GIAO TÀI SẢN**

**BÊN GIAO: CTY CP TBCN & TM ANH SƠN**  
**BÊN NHẬN: CÔNG TY CP XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG 234**

Hôm nay, ngày 11 tháng 11 năm 2014, tại nhà máy Nhiệt điện Đình Trám - Bắc Giang đã tiến hành bàn giao Tài sản giữa bên giao và bên nhận.

**I/ THÀNH PHẦN THAM DỰ:**

**1/ BÊN GIAO: CÔNG TY CP THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI ANH SƠN.**

- Ông: Bùi Thế Át Chức vụ: Giám đốc Công ty
- Ông:..... Chức vụ:.....

**2/ BÊN NHẬN: CÔNG TY CPXD BẠCH ĐẰNG 234.**

- Ông: Trần Văn Vũ Chức vụ: Kỹ thuật
- Ông:..... Chức vụ:.....

**II. NỘI DUNG BÀN GIAO:**

Bên bàn giao thiết bị cho bên nhận theo biểu thống kê sau:

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	TÌNH TRẠNG	GHI CHÚ
	<b>Bộ cầu tháp QTZ5015</b>				
1	Đốt cầu	Đốt	13	(Gồm 12 đốt thân và 1 đốt chân)	
2	Cần	M	50		
3	Hệ thống thủy lực				
4	Toàn bộ mô tơ, tay tời, chốt ắc đủ bộ				

Kể từ ngày: 10/2014 tài sản trên do bên nhận chịu trách nhiệm quản lý.

Biên bản này lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Bên giao giữ 01 bản, bên nhận 01 bản.

**CHỮ KÝ BÊN GIAO**

**CHỮ KÝ BÊN NHẬN**

**Biểu 2.4: Hóa đơn GTGT**

**HÓA ĐƠN  
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/14P

Liên 2: Giao cho người mua

Số: 0000347

Ngày 18 tháng 12 năm 2014

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI ANH SƠN

Mã số thuế: 0105661166

Địa chỉ: Lô B, B20, khu đô thị Định Công, Phường Định Công, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 031.3838444

Fax: 0313.830669

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234

Mã số thuế: 0200742545

Địa chỉ: 2B Trường Chinh, Phường Lãm Hà, quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng.

Hình thức thanh toán: CK

Số tài khoản: 160314851016956

STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	ĐV TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Cầu tháp QTZ5015 theo hợp đồng kinh tế số 59/HĐKT/2014 ký ngày 04/09/2014.	Bộ	01	681.818.182	681.818.182
2	Chi phí vận chuyên lắp dựng và kiểm định cầu tháp.	Máy	01	63.636.364	63.636.364
Cộng tiền hàng:					745.454.545
Thuế suất thuế GTGT: 0%			Tiền thuế GTGT:		74.545.455
Tổng cộng tiền thanh toán:					820.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Tám trăm hai mươi triệu đồng chẵn./.					

**Người mua hàng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người bán hàng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

**Biểu số 2.5: Thẻ TSCĐ.**

**Đơn vị:** Công ty CPXD Bạch Đằng 234.

**Mẫu số S23-DN**

**Địa chỉ:** 2B Trường Chinh, Phường Lãm Hà, quận Kiến An, TP. Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Số: 751

Ngày 18 tháng 12 năm 2014

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ ngày 11 tháng 11 năm 2014

Tên, mã ký hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Cầu tháp QTZ5015

Nước sản xuất (xây dựng): Trung Quốc Năm sản xuất: 2009

Bộ phận quản lý, sử dụng: Đội xây dựng số 4 Năm đưa vào sử dụng: 2014

Công suất (diện tích thiết kế): 6 tấn

Đình chỉ sử dụng TSCĐ ngày .....tháng.....năm.....

Lý do đình chỉ .....

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn TSCĐ		
	Ngày, tháng, năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
A	B	C	1	2	3	4
CF 02/12	18/12/2014	Tăng do mua mới	681.818.182			

**DỤNG CỤ, PHỤ TÙNG KÈM THEO**

STT	Tên quy cách dụng cụ, phụ tùng	ĐVT	Số lượng	Giá trị

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số:.....ngày...tháng...năm.....

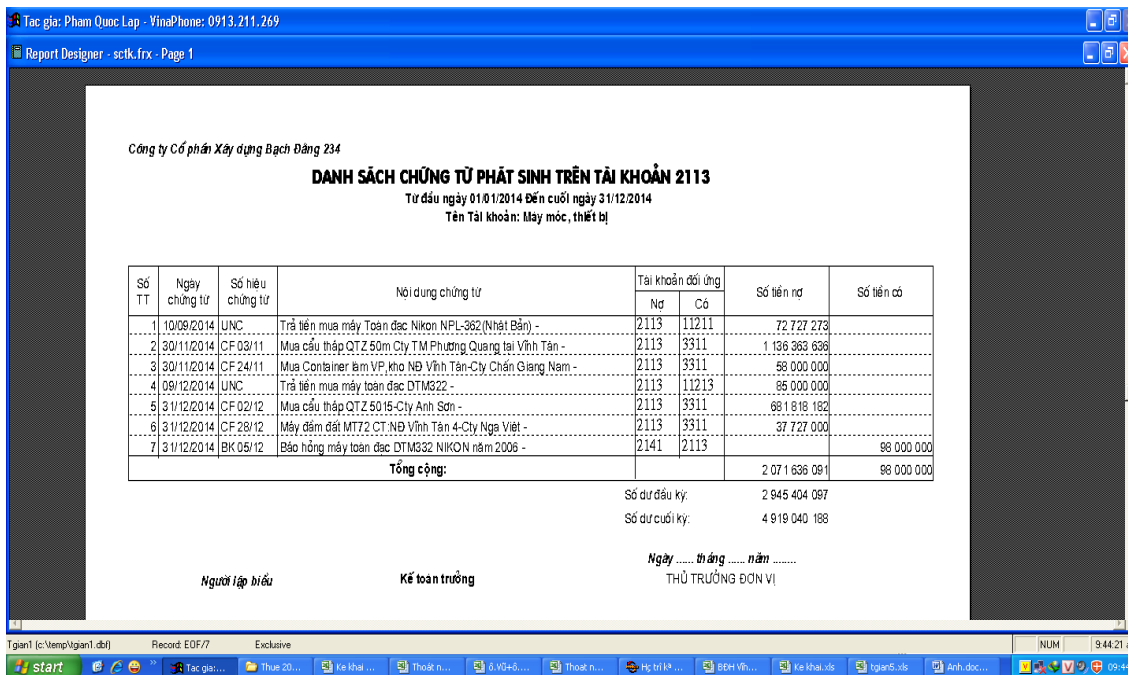
Lý do giảm.....

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Màn hình giao diện Danh sách chứng từ phát sinh trên TK 2113:**



**Biểu số 2.6: Số chi tiết TSCĐ – TK 2113.**

Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234  
Số 2B đường Trường Chinh - Kiến An – Hải Phòng

**SỐ CHI TIẾT TSCĐ**

Năm 2014

Tên tài khoản: TSCĐ hữu hình – Máy móc thiết bị

Số hiệu: 2113

Đơn vị: đồng

Ngày chứng từ	SH chứng từ	Nội dung chứng từ	TK đối ứng	Số tiền nợ	Số tiền có
....	...	...	...	....	...
09/12/2014	UNC	Trả tiền mua máy toàn đạc điện tử DTM322	11213	85.000.000	
....	...	...	...	....	...
31/12/2014	CF02/12	Mua cầu tháp QTZ 5015 – Cty Anh Sơn	3311	681.818.182	
31/12/2014	CF28/12	Mua Máy đầm đất MT72 CT: NĐ Vĩnh Tân 4-Cty Nga Việt	3311	37.727.700	
31/12/2014	BK05/12	Bảo hỏng máy Toàn đạc DTM332 NIKON năm 2006	2141		98.000.000
		<b>Cộng SPS</b>		<b>2.071.636.091</b>	<b>98.000.000</b>

SDDK: 2.945.404.097

SDCK: 4.919.040.188

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Ví dụ 2:**

Ngày 05 tháng 03 năm 2014, Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234 đã lập biên bản thanh lý TSCĐ thống nhất giá khởi điểm để đấu giá TS xe ô tô Toyota Camry 5 chỗ ngồi – (**Biểu 2.7**) với giá 200.000.000 (bao gồm cả VAT 10%). Sau khi kiểm tra đánh giá chất lượng, thông báo bán đấu giá, kết quả theo “Biên bản làm việc” – (**Biểu số 2.8**) là bán cho Ông Xô với giá 220.000.000 đ (giá đã bao gồm cả VAT 10%). Hai bên tiến hành kí kết “Hợp đồng kinh tế” – (**Biểu số 2.9**), tiến hành bàn giao TSCĐ theo “Biên bản bàn giao tài sản” – (**Biểu số 2.10**) và viết “Hóa đơn GTGT” – (**Biểu số 2.11**) cho bên mua.

**Với nghiệp vụ này, kế toán cũng làm các bước tương tự như trên.**

Từ màn hình Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm, kế toán nhập tên và mật khẩu của mình để vào phần mềm. Chọn Số liệu → Chọn Tài khoản 2114 → Xem sửa chứng từ chọn lọc → Nhập mới → Nhập số liệu mới từ chứng từ gốc liên quan đến thanh lý vào.

Với các tài khoản khác chúng ta cũng nhập tương tự và phần mềm kế toán cũng xử lý như trình tự trên.

Sau khi nhập đầy đủ số liệu và thông tin từ hóa đơn, kích chọn “Kết thúc”.

Thông qua khai báo chi tiết được cài đặt sẵn trên phần mềm kế toán, số liệu được xử lý và ghi vào Sổ chi tiết TK 2114 (**Biểu số 2.12**) và sổ chi tiết các tài khoản liên quan.

Cuối kỳ từ Sổ chi tiết TK 2114, máy tính sẽ tự động xử lý số liệu để vào “Bảng tổng hợp chi tiết TSCĐ” – (**Biểu số 2.14**)

**Biểu số 2.7: Biên bản cuộc họp thống nhất giá khởi điểm để đấu giá Tài sản.**

**Biểu 2.8: Biên bản làm việc thông báo kết quả bán đấu giá.**

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG  
CÔNG TY CP XD BẠCH ĐẰNG 234

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

-----\*\*\*-----

-----\*\*\*-----

**BIÊN BẢN LÀM VIỆC**

Về việc “Thông báo kết quả chào bán giá thanh lý xe ô tô Toyota camry 5 chỗ”  
Hôm nay, vào hồi 13h ngày 12 tháng 03 năm 2014 tại công ty Cổ phần XD Bạch Đằng 234.

**I. THÀNH PHẦN.**

**1. BÊN CHÀO GIÁ TÀI SẢN: HỘI ĐỒNG THANH LÝ TÀI SẢN – CÔNG TY CPXD BẠCH ĐẰNG 234.**

- |                          |                   |                 |
|--------------------------|-------------------|-----------------|
| - Ông Trần Huy Thắng     | - Giám đốc        | - Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Phạm Tiến Hòa      | - Phó Giám đốc    | - Ủy viên       |
| - Ông Lê Trọng Nghĩa     | - Phó Giám đốc    | - Ủy viên       |
| - Ông Nguyễn Quốc Huy    | - Trưởng phòng KT | - Ủy viên       |
| - Bà Phạm Thị Ngọc Yến   | - TP Kế hoạch     | - Ủy viên       |
| - Ông Nguyễn Thanh Quảng | - TP TCHC         | - Ủy viên       |
| - Ông Phạm Văn Xô        | - TP QLTC         | - Ủy viên       |

**2. CÁC BÊN THAM GIA CHÀO GIÁ MUA TÀI SẢN.**

- Ông/bà: Phạm Văn Xô.
- Ông/bà: Nguyễn Tiến Khoa.
- Ông/bà: Nguyễn Văn Phương

**II. NỘI DUNG.**

Đại diện bên bán, ông Phạm Tiến Hòa – thông báo quy chế chào giá tài sản.  
Cuộc họp tiến hành thông báo chào giá các cá nhân đã chào giá đã bao gồm cả thuế GTGT như sau:

- Ông/bà: Phạm Văn Xô : 220.000.000 đồng
- Ông/bà: Nguyễn Tiến Khoa: 210.000.000 đồng
- Ông/bà: Nguyễn Văn Phương: 215.000.000 đồng

**III. KẾT LUẬN:**

- Căn cứ quy chế chào giá, ông Phạm Văn Xô đã chào giá trọn gói (bao gồm thuế GTGT 10%) cao nhất là 220.000.000 (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi triệu đồng) và là cá nhân được quyền mua xe Toyota Camry 05 chỗ.

- Các bên cùng nhau ghi nhận nội dung trên để trình Hội đồng quản trị Công ty CPXD Bạch Đằng 234 xem xét phê duyệt kết quả chào giá trên và tiếp tục thực hiện các nội dung tiếp theo.

- Biên bản được lập xong vào hồi 13h30' ngày 12 tháng 03 năm 2014 đã đọc cho những người tham dự cùng nghe, thống nhất và ký tên.

**ĐẠI DIỆN BÊN BÁN ĐẤU GIÁ**



**Biểu 2.9: Hợp đồng kinh tế.**



**Biểu 2.10: Biên bản bàn giao tài sản.**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

-----\*\*\*-----

**BIÊN BẢN BÀN GIAO TÀI SẢN**

- Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 29B/HĐKT ngày 14 tháng 03 năm 2014 giữa Công ty Cổ phần XD Bạch Đằng 234 và ông Phạm Văn Xô về việc: Mua xe ô tô Toyota Camry 05 chỗ ngồi.

- Căn cứ tình hình hiện trạng thực tế của xe.

Hôm nay, ngày 15 tháng 03 năm 2014, tại văn phòng Công ty.

**I. THÀNH PHẦN:**

**1. BÊN GIAO: CÔNG TY CỔ PHẦN XD BẠCH ĐẰNG 234**

- Ông: Nguyễn Thanh Quảng - Chức vụ: Trưởng Phòng tổ chức.

- Ông: Phạm Quang Trung - Chức vụ: Lái xe.

**2. BÊN NHẬN:**

- Ông Phạm Văn Xô - Chức vụ: TP QLTC

**II. NỘI DUNG:**

- Sau khi các bên cùng nhau xem xét, kiểm tra hiện trạng thực tế của xe, Công ty Cổ phần XD Bạch Đằng 234 tiến hành bàn giao cho ông Phạm Văn Xô xe ô tô Toyota Camry 05 chỗ ngồi biển kiểm soát 16k-7813.

- Tình trạng xe: hoạt động bình thường.

**III. KẾT LUẬN.**

- Công ty CPXD Bạch Đằng 234 đồng ý giao và ông Phạm Văn Xô đồng ý nhận xe ô tô Toyota Camry 05 chỗ ngồi biển kiểm soát 16K-7813 theo nội dung trên cùng với giấy tờ kèm theo dung số lượng, chất lượng, kỹ thuật, đặc điểm theo quy định tại Hợp đồng kinh tế số 29B/HĐKT ngày 14 tháng 03 năm 2014.

- Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

**BÊN NHẬN**

**BÊN GIAO**

**Biểu 2.11: Hóa đơn GTGT.**

**HÓA ĐƠN  
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/13P

Liên 3: Nội bộ

Số: 0000206

Ngày 26 tháng 05 năm 2014

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234

Mã số thuế: 0200742545

Địa chỉ: 2B Trường Chinh, Phường Lãm Hà, quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 031.3878073

Fax: 0313.876149

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng: Phạm Văn Xô

Tên đơn vị:

Mã số thuế:

Địa chỉ: Liên Sơn – Văn Đẩu – Kiến An – Hải Phòng.

Hình thức thanh toán: TM

Số tài khoản:

STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	ĐV TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Xe Toyota Camry 05 chỗ ngồi biển kiểm soát 16k-7813 (Số khung 200X779222)				200.000.000
Cộng tiền hàng:					200.000.000
Thuế suất thuế GTGT: 0%			Tiền thuế GTGT:		20.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					220.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn./.					

**Người mua hàng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người bán hàng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

**Biểu số 2.12: Sổ chi tiết TSCĐ - TK 2114.**

Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234  
Số 2B đường Trường Chinh - Kiến An – Hải Phòng

**SỔ CHI TIẾT TSCĐ**

Năm 2014

Tên tài khoản: TSCĐ hữu hình – Phương tiện vận tải

Số hiệu: 2114

Đơn vị: đồng

Ngày chứng từ	SH chứng từ	Nội dung chứng từ	TK đối ứng	Số tiền nợ	Số tiền có
....	...	...	...		
30/06/2014	DT 07/6	Giảm nguyên giá xe Toyota Camry 16K7813 thanh lý	2141		588.780.500
31/10/2014	CF 02/10	Mua xe TOYOTA LANDCRUISER PRADO TX-L	3311	1.878.181.818	
31/10/2014	CF 02/10	Mua xe TOYOTA LANDCRUISER PRADO TX-L	3388	248.520.000	
		<b>Cộng SPS</b>		<b>2.126.701.818</b>	<b>588.780.500</b>

**SDDK: 1.471.631.717**

**SDCK: 3.009.553.035**

Ngày...tháng...năm....

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.13: Bảng tổng hợp TSCĐ.**

**BẢNG TỔNG HỢP TSCĐ TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2014**

TT	Tên TSCĐ	Nước SX	Năm SD	Nguyên giá đầu năm	Nguyên giá tăng trong kỳ	Nguyên giá giảm trong kỳ	Nguyên giá cuối kỳ	Đã khấu hao đầu năm (01/1/2014)	Khấu hao tăng trong kỳ	Khấu hao giảm trong kỳ	Khấu hao cuối kỳ	Giá trị còn lại cuối kỳ	Ghi chú
<b>A</b>	<b>TSCĐ hữu hình</b>												
<b>I</b>	<b>Nhà ở, vật kiến trúc</b>												
	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
2	Trụ sở công ty (2 tầng)	VN	2012	2.115.905.285			2.115.905.285	105.195.264	105.795.264		211.590.528	1.904.314.757	
3	Nhà kho công ty	VN	2011	143.325.000			143.325.000	19.707.186	7.166.250		26.873.436	116.415.564	
	<b>Cộng (I)</b>			<b>3.691.450.285</b>			<b>3.691.450.285</b>	<b>579.022.996</b>	<b>184.572.514</b>		<b>763.595.510</b>	<b>2.927.854.775</b>	
<b>II</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>												
1	Máy phát điện 125KVA	Nhật	1997	120.980.460			120.980.460				120.980.460		
2	Máy Toàn đạc DTM332 Nikon		T7/06	98.000.000		98.000.000		91.875.000	6.125.000	98.000.000			T/lý
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
9	Máy đầm cóc Mikasa MT72		12/14		37.727.000		37.727.000					37.727.000	Vĩnh Tân
10	Container Văn phòng 20feet		11/14		58.000.000		58.000.000		1.208.333		1.208.333	56.791.667	Vĩnh Tân
11	Cầu tháp QTZ5015		12/14		681.818.182		681.818.182					681.818.182	YO BG
12	Máy Toàn đạc DTM332Nikon		12/14		85.000.000		85.000.000					85.000.000	ND Thái Bình
	<b>Cộng (II)</b>			<b>2.945.404.097</b>	<b>2.071.636.091</b>	<b>98.000.000</b>	<b>4.919.040.188</b>	<b>1.136.926.381</b>	<b>544.758.823</b>	<b>98.000.000</b>	<b>1.583.685.204</b>	<b>3.335.354.984</b>	
<b>III</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>												
1	Ô tô TOYOTA-Camry	Nhật	2003	588.780.500		588.780.500		588.780.500		588.780.500			T/lý
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
4	Xe ô tô PRÁDO 15A15123	Nhật	10/14		526.701.818		526.701.818		8.778.364		8.778.364	517.923.454	
	<b>Cộng (III)</b>			<b>1.471.631.717</b>	<b>2.126.701.818</b>	<b>588.780.500</b>	<b>3.009.553.035</b>	<b>1.112.973.413</b>	<b>145.801.433</b>	<b>588.780.500</b>	<b>669.994.346</b>	<b>2.339.558.689</b>	
<b>IV</b>	<b>Thiết bị dụng cụ QL</b>												
1	Máy Photo Sharp Ar M206-P.QLTC		12/08	36.962.727			36.962.727	36.962.727			36.962.727		
2	Máy Photo Ricoh Mp5001 P.KH		4/14	30.000.000			30.000.000		4.000.000		4.000.000	26.000.000	
	<b>Cộng (IV)</b>			<b>36.962.727</b>	<b>30.000.000</b>		<b>66.962.727</b>	<b>36.962.727</b>	<b>4.000.000</b>		<b>40.962.727</b>	<b>26.000.000</b>	
<b>Tổng cộng(A= I+II+III+IV)</b>				<b>8.145.448.826</b>	<b>4.228.337.909</b>	<b>686.780.500</b>	<b>11.687.006.235</b>	<b>2.865.885.517</b>	<b>879.132.770</b>	<b>686.780.500</b>	<b>3.058.237.787</b>	<b>8.628.768.448</b>	

**Biểu 2.14: Bảng tổng hợp chi tiết TSCĐ.**

Công ty CPXD Bạch Đằng 234  
Số 2B - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TSCĐ**

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

STT	Số hiệu TK	Tên TK	SDDK	Số tiền nợ	Số tiền có	SDCK
1	2112	Nhà cửa, vật kiến trúc	3.691.450.285	-	-	3.691.450.285
2	2113	Máy móc thiết bị	2.945.404.097	2.071.636.091	98.000.000	4.919.040.188
3	2114	Phương tiện vận tải	1.471.631.717	2.126.701.818	588.780.500	3.009.553.035
4	2115	Máy móc thiết bị quản lý	36.962.727	30.000.000	-	66.962.727
<b>Tổng cộng</b>			<b>8.145.448.826</b>	<b>4.228.337.909</b>	<b>686.780.500</b>	<b>11.687.006.235</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**2.2.2.2 Kế toán tổng hợp TSCĐ.****❖ Tài khoản sử dụng:**

- + TK 211: TSCĐ hữu hình
  - TK 2112: Nhà cửa, vật kiến trúc
  - TK 2113: Máy móc, thiết bị
  - TK 2114: Phương tiện vận tải
  - TK 2115: Thiết bị, dụng cụ quản lý
- + TK 214: Hao mòn TSCĐ
- + Các TK khác có liên quan như: TK 111, TK112, TK 331, TK627, TK642

Do công ty không có TSCĐ vô hình và TSCĐ thuê tài chính nên kế toán không sử dụng tài khoản 212, 213.

**❖ Chứng từ sử dụng:**

Mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan tới tài sản cố định đều được lập chứng từ kế toán. Những chứng từ kế toán Công ty đang sử dụng làm căn cứ để hạch toán các nghiệp vụ về tài sản cố định bao gồm: Biên bản giao nhận TSCĐ, Biên bản kiểm kê TSCĐ, Bảng tính & phân bổ khấu hao TSCĐ....

Hợp đồng mua bán, hoá đơn mua bán, và các chứng từ liên quan khác.

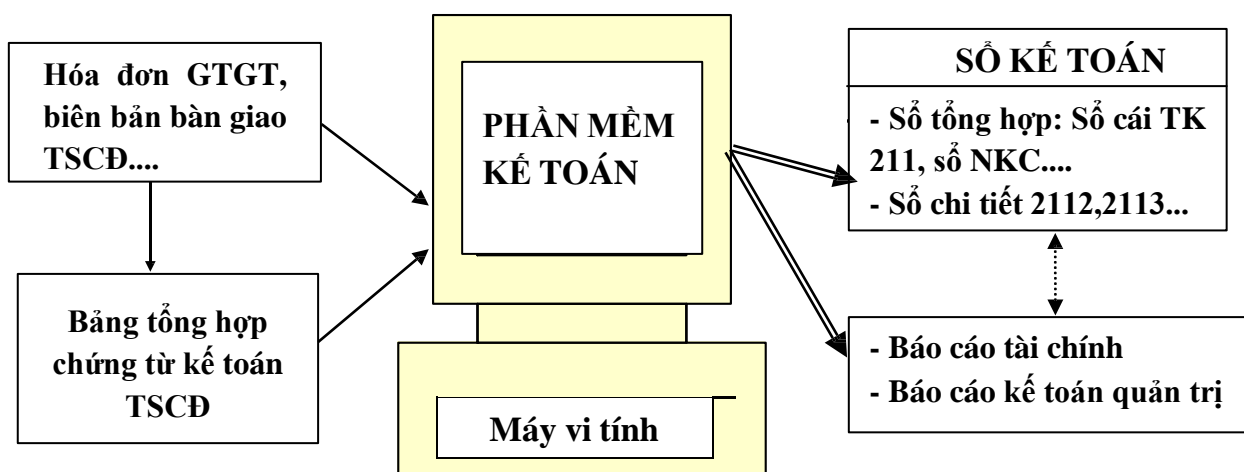
**❖ Sổ sách sử dụng:**

- Thẻ TSCĐ
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 211, TK 214, TK241.
- Sổ chi tiết TK 211, TK 331...
- Bảng tổng hợp tình hình tăng giảm TSCĐ

**❖ Quy trình hạch toán:**

Quy trình hạch toán TSCĐ tại Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234 được tóm tắt qua sơ đồ sau





Ghi chú: Ghi hàng ngày :  $\longrightarrow$   
 Ghi cuối kỳ :  $\longrightarrow$   
 Đối chiếu :  $\longleftarrow$

### Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ TSCĐ theo hình thức Nhật ký chung

- Hàng ngày khi có quyết định của Công ty về việc tăng hoặc giảm tài sản, kế toán thực hiện việc nhập vào phần mềm (Trong trường hợp mua tài sản đã thanh toán kế toán căn cứ trực tiếp vào chứng từ gốc để nhập vào phần mềm như thanh toán bằng tiền mặt căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi; bằng tiền gửi ngân hàng căn cứ vào UNC.; nếu chưa thanh toán kế toán phải lập chứng từ hạch toán dựa trên chứng từ gốc rồi mới nhập số liệu vào phần mềm).

Theo trình tự được cài đặt sẵn, máy tính sẽ tự động xử lý số liệu để ghi vào sổ nhật ký chung. Từ sổ nhật ký chung sẽ được ghi vào sổ cái các tài khoản liên quan như TK 211,214,...Đồng thời, từ các chứng từ gốc thông qua khai báo chi tiết trên phần mềm kế toán, máy tính cũng tự xử lý số liệu ghi vào các sổ chi tiết các tài khoản có liên quan như sổ chi tiết TK 211,214...(Với bảng tính và phân bổ khấu hao kế toán tự tính bằng phần mềm excel và đưa số liệu vào phần mềm kế toán xử lý).

Cuối quý (hoặc bất cứ thời điểm nào cần thiết) kế toán thực hiện các bút toán khóa sổ trên phần mềm kế toán để lập các báo cáo. Máy tính tự động xử lý số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh và sổ chi tiết để lập bảng tổng hợp chi tiết. Sau đó, theo chương trình cài đặt sẵn số liệu được xử lý để lập Báo cáo tài chính.

- Cuối kỳ, các sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết sẽ được in đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về ghi chép và lưu trữ sổ sách.

❖ Ví dụ minh họa:

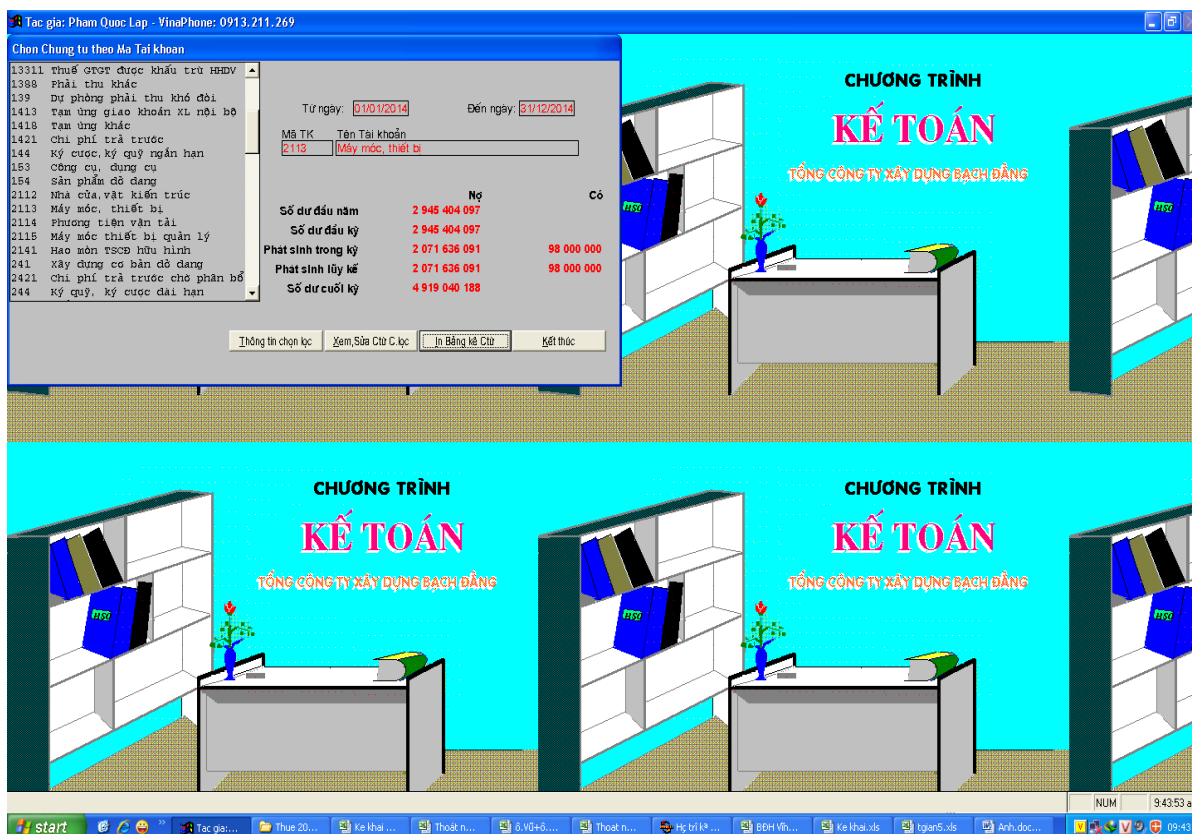
**Ví dụ 3:** Lấy lại ví dụ 1, trích nghiệp vụ ngày 04/09/2014 mua Cầu tháp QTZ5015 theo hợp đồng kinh tế số 59/HĐKT/2014 của Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp và Thương mại Anh Sơn với giá mua là 681.818.182đ, chi phí lắp đặt, kiểm định là 63.636.364đ, chưa thanh toán (Thuế VAT 10%).

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 000347 (Biểu 2.4) và các chứng từ có liên quan kế toán lập “Chứng từ hạch toán số CF 02/12” (Biểu số 2.15) để định khoản cho nghiệp vụ kinh tế vừa phát sinh. Từ chứng từ hạch toán, kế toán nhập số liệu vào phần mềm máy tính theo trình tự sau:

Từ màn hình Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm, kế toán nhập tên và mật khẩu của mình để vào phần mềm. Chọn Số liệu → Chọn Tài khoản 2113 → Xem sửa chứng từ chọn lọc → Nhập mới → Nhập số liệu mới từ hóa đơn vào.

Với các TK khác cũng nhập tương tự, chúng ta có thể lựa chọn tài khoản để nhập. Nếu lựa chọn một tài khoản để nhập định khoản và số liệu thì tài khoản đối ứng với nó cũng xuất hiện định khoản tương tự. (Ví dụ với định khoản “1” trên bạn chọn TK 2113 để nhập định khoản như trên thì khi vào TK 3311 bạn cũng xem được giống như vậy).

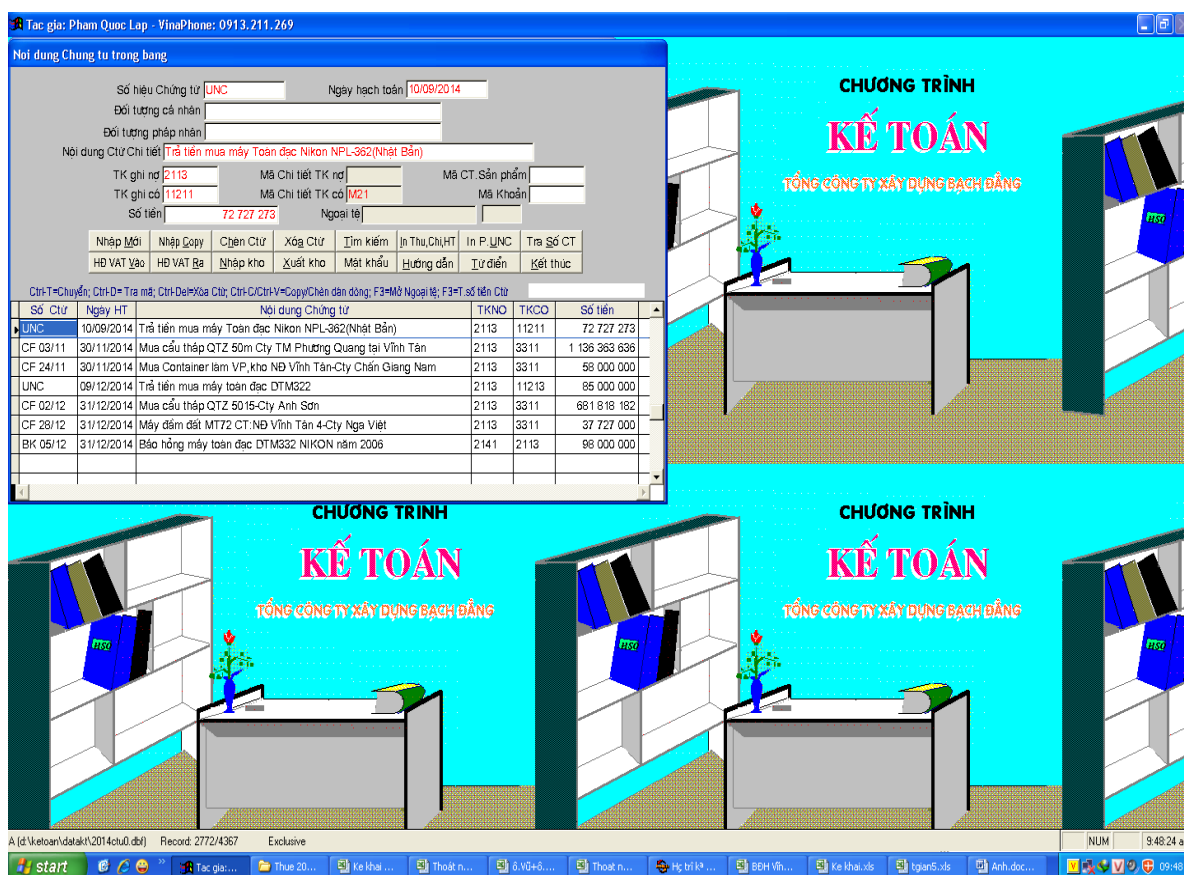
**Màn hình giao diện TK 2113:**



Để in hay xem các loại sổ như Sổ nhật ký chung, Sổ cái tài khoản,...kế toán chọn tổng hợp, chọn in sổ mình muốn in. Ví dụ muốn in Sổ cái, kế toán chọn Tổng hợp → In sổ cái các tài khoản → Màn hình hiện các tài khoản như ở phần nhập → Chọn tài khoản muốn xem → In bảng kê chứng từ.

Với phần mềm này khi muốn sửa số liệu kế toán chọn Số liệu → Chọn tài khoản mình sửa số liệu → Xem sửa chứng từ chọn lọc.

**Màn hình giao diện khi nhập số liệu từ hóa đơn vào:**



Sau khi nhập đầy đủ số liệu và thông tin từ hóa đơn, kích chọn “Kết thúc”. Máy tính tự động xử lý số liệu để ghi vào Sổ Nhật ký chung - (Biểu số 2.17). Từ sổ Nhật ký chung, phần mềm kế toán tự động ghi vào Sổ cái TK 211 - (Biểu số 2.18) và sổ cái các tài khoản liên quan.

**Biểu số 2.15: Chứng từ hạch toán.****Công ty CPXD Bạch Đằng 234****CT số: CF 02/12/TCKT****CHỨNG TỪ HẠCH TOÁN**

Tháng 12 năm 2014

Căn cứ quy chế tài chính của Công ty CPXD Bạch Đằng 234

Căn cứ hóa đơn GTGT số 000347 ngày 18 tháng 12 năm 2014

Nay phòng kế toán hạch toán như sau:

1. Nợ TK 2113 : 681.818.182  
    Có TK 3311 : 681.818.182
2. Nợ TK 6278: 63.636.364  
    Có TK 3311: 63.636.364
3. Nợ TK 13311: 74.545.455  
    Có TK 3311: 74.545.455

*Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2014*

Người lập

Kế toán trưởng

**Ví dụ 4:** Với nghiệp vụ như ở ví dụ 2, Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234 thanh lý được TSCĐ xe ô tô Toyota Camry 5 chỗ ngồi với giá trọn gói 220.000.000 đồng (bao gồm cả VAT 10%).

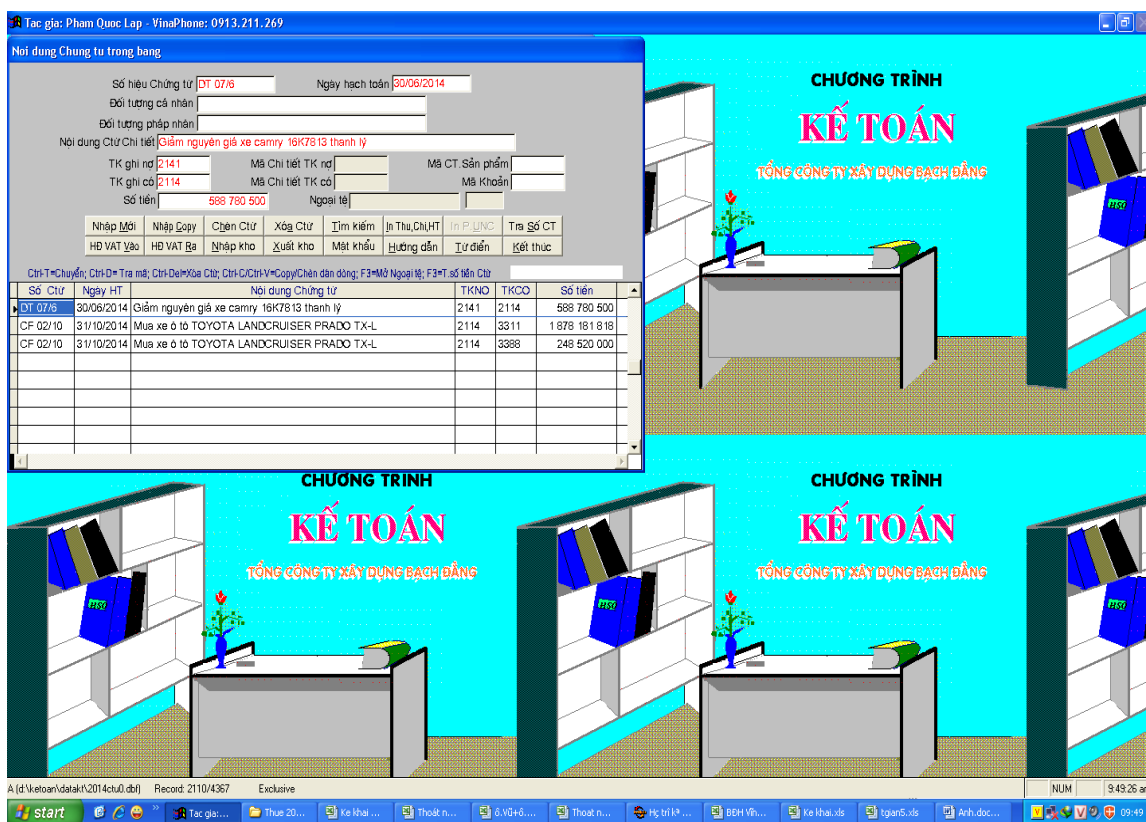
Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000206 (Biểu 2.11) và các chứng từ có liên quan kế toán lập “Chứng từ hạch toán số DT 07/6” (Biểu số 2.16) để định khoản cho nghiệp vụ kinh tế vừa phát sinh. Từ chứng từ hạch toán, kế toán nhập số liệu vào phần mềm máy tính theo trình tự sau:

Với nghiệp vụ này, kế toán cũng làm các bước tương tự như trên.

Từ màn hình Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm, kế toán nhập tên và mật khẩu của mình để vào phần mềm. Chọn Số liệu → Chọn Tài khoản 2114 → Xem sửa chứng từ chọn lọc → Nhập mới → Nhập số liệu mới từ chứng từ gốc liên quan đến thanh lý vào.

Với các tài khoản khác chúng ta cũng nhập tương tự và phần mềm kế toán cũng xử lý như trình tự trên.

**Màn hình giao diện khi nhập TK 2114.**



Sau khi nhập đầy đủ số liệu và thông tin từ hóa đơn, kích chọn “Kết thúc”. Máy tính tự động xử lý số liệu để ghi vào Sổ Nhật ký chung – (Biểu số 2.17). Từ sổ Nhật ký chung, phần mềm kế toán tự động ghi vào Sổ cái TK 211 – (Biểu số 2.18) và sổ cái các tài khoản liên quan.



**Biểu số 2.17 :Sổ nhật ký chung.**

Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234  
Số 2B đường Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2014

Đơn vị: Đồng

Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ	Nội dung chứng từ	TK đối ứng		Số tiền
			Nợ	Có	
09/12/2014	UNC	Trả tiền mua máy toàn đạc điện tử DTM322	2113	11213	85.000.000
...	....	...	...	...	...
30/06/2014	DT07/6	Giảm nguyên giá xe Toyota Camry 16K7813 thanh lý	2141	2114	588.780.500
30/06/2014	DT07/6	Thu tiền thanh lý xe Camry 16K7813	1111	711	200.000.000
30/06/2014	DT07/6	Thu tiền thanh lý xe Camry 16K7813	1111	3331	20.000.000
....	....	....	....	....	....
31/12/2014	CF 02/12	Mua Cầu tháp QTZ 5015-Cty Anh Sơn	2113	3311	681.818.182
31/12/2014	CF 02/12	Mua Cầu tháp QTZ 5015-CF v/c, lắp dựng, kiểm định	6278	3311	63.636.363
31/12/2014	CF 02/12	Mua Cầu tháp QTZ 5015- VAT	13311	3311	75.545.455
....	....	....	....	....	....
31/12/2014	BK05/12	Bảo hỏng máy toàn đạc DTM332 NIKON năm 2006	2141	2113	98.000.000
		<b>Cộng phát sinh năm</b>			<b>1546.504.079.076</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.18: Sổ cái TSCĐ.**

Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234  
Số 2B đường Trường Chinh - Kiến An – Hải Phòng

**SỔ CÁI**

( Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2014

Tên tài khoản: TSCĐ hữu hình

Số hiệu: 211

Đơn vị: đồng

Ngày chứng từ	SH chứng từ	Nội dung chứng từ	TK đối ứng		Số tiền nợ	Số tiền có
			Nợ	Có		
09/12/2014	UNC	Trả tiền mua máy toàn đạc điện tử DTM322	2113	11213	85.000.000	
....	...	...	...			
30/06/2014	DT07/6	Giảm nguyên giá xe Toyota Camry 16K7813 thanh lý	2141	2114		588.780.500
31/10/2014	CF 02/10	Mua xe TOYOTA LANDCRUISER PRADO TX-L	2114	3311	1.878.181.818	
31/12/2014	CF02/12	Mua cầu tháp QTZ 5015 – Cty Anh Sơn	2113	3311	681.818.182	
31/12/2014	CF28/12	Máy đầm đất MT72 CT:NĐ Vĩnh Tân 4 – Cty Nga Việt	2113	3311	37.727.700	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2014	BK05/12	Bảo hỏng máy Toàn đạc DTM322 NIKON năm 2006	2141	2113		98.000.000
		<b>Cộng SPS</b>			<b>4.228.337.909</b>	<b>686.780.500</b>

**SDDK : 8.145.448.826**

**SDCK : 11.687.006.235**

Ngày...tháng...năm....

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

( Ký, họ tên, đóng dấu)



### **2.2.2.3 Kế toán khấu hao TSCĐ.**

Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234 thực hiện việc tính và trích khấu hao theo **Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013**. Công ty đang áp dụng khấu hao theo đường thẳng với tất cả các TSCĐ đang sử dụng. Căn cứ xác định mức khấu hao là nguyên giá TSCĐ và số năm sử dụng của từng loại TSCĐ.

#### **❖ Hạch toán khấu hao**

- Khấu hao TSCĐ tại Công ty khi dùng cho hoạt động SXKD trong kỳ hạch toán vào chi phí SXKD như nhà cửa, máy móc thiết bị, dụng cụ quản lý. Khấu hao TSCĐ chưa dùng, không cần dùng, chờ thanh lý hạch toán vào chi phí khác.

- Trường hợp đặc biệt như: TSCĐ dự trữ, TSCĐ dùng cho hoạt động xã hội không phải trích khấu hao, Công ty phải thực hiện theo chính sách tài chính hiện hành.

- Đối với TSCĐ dùng cho hoạt động sự nghiệp, dùng vào mục đích phúc lợi thì không phải trích khấu hao tính vào chi phí nhưng vẫn phải tính hao mòn TSCĐ.

#### **❖ Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định.**

- Khấu hao TSCĐ theo **Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013**. Khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

$$\text{Mức khấu hao trung bình hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng (năm)}}$$

$$\text{Mức khấu hao trung bình tháng của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Số năm sử dụng} \times 12 \text{ tháng}}$$

$$\text{Mức khấu hao theo quý} = \text{Mức khấu hao trung bình của tháng} \times 3$$

**Ví dụ minh họa:** Cuối quý 4, kế toán lập “Bảng trích khấu hao TSCĐ quý 4 năm 2014” – (**Biểu 2.19**) (Kế toán làm trên Excel). Sau đó, kế toán lập “Bảng trích khấu hao chi tiết” - (**Biểu 2.20**) phân bổ khấu hao cho từng công trình.

Màn hình Bảng tính khấu hao trên phần mềm Excel.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG 234											
BẢNG TRÍCH KHẤU HAO TSCĐ QUÝ 4 NĂM 2014											
(Theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013)											
TT	Tên TSCĐ	Nước SX	Năm SD	Theo sổ sách kế toán		Số năm trích khấu hao	Mức khấu hao năm	Khấu hao kỳ này	Chi chú	Bổ sung khấu hao	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại						
2	Trụ sở làm việc công ty	Việt Nam	2012	2,115,305,285	2,010,110,021	20	105,795,264	26,448,816.1			
3	Nhà kho Công ty		2011	143,325,000	123,617,814	20	7,166,250	1,791,561.0			
	Công (I)			3,691,450,285	3,112,427,289		184,572,514	46,143,127.1			
II	Máy móc thiết bị:										
1	Máy phát điện 125KVA	Nhật	1997	120,980,460	-			-			
2	Máy toàn đạc DTM332 NIKON		T7/06	98,000,000	6,125,000	8	6,125,000		hết KH		
3	Máy toàn đạc DTM332 NIKON		T3/08	90,060,000	14,473,928	7	12,865,714	3,216,427.0			
4	Trạm trộn 60m <sup>3</sup> /h Youngone		12/11	1,690,909,091	1,127,272,727	6	281,818,182	70,454,547.0			
5	Máy xúc lật bánh lốp		12/11	581,818,182	387,878,788	6	96,969,697	24,242,425.0			
6	Máy ép cọc FT70		T4/13	363,636,364	272,727,273	3	121,212,121	30,303,031.0			
7	Máy toàn đạc NIKON NBL362 YOBB		6/9/14	72,727,273	72,727,273	7	10,389,610	2,597,403.1	Cty	704,501	
8	Đảm cọc Mikasa MT72		5/12/14	37,727,000		8	4,715,875	-	Vinh Tân	335,925	
9	Cầu thép QTZ5512 50m		18/11/14	1,136,363,636		8	142,045,455	11,837,121.2	Vinh Tân 1 th	4,897,001	
10	Container Văn phòng 20feet		20/11/14	58,000,000		4	14,500,000	1,208,333.3	Vinh Tân 1 th	420,434	
11	Cầu thép QTZ5015 50m YOBB		18/12/14	681,818,182		8	85,227,273		YOBB	3,035,492	
12	Máy toàn đạc DTM332 NIKON		9/12/14	85,000,000		7	12,142,857		Cty	731,898	
	Công (II)			5,017,040,188	1,881,204,989		788,011,784	143,859,287.6			

**Biểu 2.19: Trích “Bảng tính khấu hao trên phần mềm excel”.**

**BẢNG TRÍCH KHẤU HAO TSCĐ QUÝ 4 NĂM 2014**

TT	Tên TSCĐ	Nước SX	Năm SD	Theo sổ sách kế toán		Số năm trích KH	Mức khấu hao năm	Khấu hao kỳ này	Ghi chú
				Nguyên giá	GTCL				
<b>I</b>	<b>Nhà ở, vật kiến trúc</b>								
1	Tầng 2 nhà làm việc	Việt Nam	1998	1.432.220.000	978.689.454	20	71.611.000	17.902.750	
2	Trụ sở làm việc công ty	Việt Nam	2012	2.115.905.285	2.010.110.021	20	105.795.264	26.448.816,1	
3	Nhà kho công ty	Việt Nam	2011	143.325.000	123.671.814	20	7.166.250	1.791.561	
	<b>Cộng (I)</b>			<b>3.691.450.285</b>	<b>3.112.427.289</b>		<b>184.572.514</b>	<b>46.143.127,1</b>	
<b>II</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>								
1	Máy phát điện 125KVA	Nhật	1997	120.980.460	-	-	-	-	-
2	Máy Toàn đạc DTM332 Nikon		T7/06	98.000.000	6.125.000	8	6.125.000	-	Hết KH Hồng
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
6	Máy ép cọc FT70		T4/13	363.636.364	272.727.273	3	121.212.121	30.303.031	Nước HP
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
9	Cầu tháp QTZ 5512 50m		18/11/14	1.136.363.636	-	8	142.045.455	11.837.121,2	Vĩnh Tân
10	Container văn phòng 20feet		20/11/14	58.000.000	-	4	14.500.000	1.208.333,3	Vĩnh Tân
11	Cầu tháp QTZ 5015 50m YOBG		18/12/2014	681.818.182		8	85.227.273		YOBG
12	Máy Toàn đạc DTM332Nikon		09/12/14	85.000.000		7	12.142.857		CTY
	<b>Cộng (II)</b>			<b>5.017.040.188</b>	<b>1.881.204.989</b>		<b>788.011.784</b>	<b>143.859.287,6</b>	
<b>III</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>								
1	Ô tô Camry	Nhật	2003	588.780.500	-	-	-	-	Thanh lý
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
3	Xe ô tô PRADO 15A15123	Nhật	T11/2014	1.600.000.000		10	160.000.000	26.666.667	2 tháng
3	Xe ô tô PRADO 15A15123	Nhật	T11/2014	526.701.818		10	52.670.182	8.778.364	2 tháng
	<b>Cộng (III)</b>			<b>3.598.333.535</b>	<b>358.658.304</b>		<b>323.026.584</b>	<b>63.034.131</b>	
<b>IV</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>								
1	Máy Photo Sharp Ar M206-P.QLTC		T12/08	36.962.727	-	5	-	-	
2	Máy Photo Ricoh Mp5001 P.KH		T4/14	30.000.000	30.000.000	5	6.000.000	1.500.000	
	<b>Cộng (IV)</b>			<b>66.962.727</b>	<b>30.000.000</b>		<b>6.000.000</b>	<b>1.500.000</b>	
	<b>Tổng cộng</b>			<b>12.373.786.735</b>	<b>5.382.290.582</b>		<b>1.301.610.882</b>	<b>254.536.545,7</b>	

**Biểu 2.20: Bảng tính và phân bổ khấu hao chi tiết.**

**BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO CHI TIẾT QUÝ 4 NĂM 2014**

Số hiệu TK: 2141

Tên TK: Khấu hao cơ bản

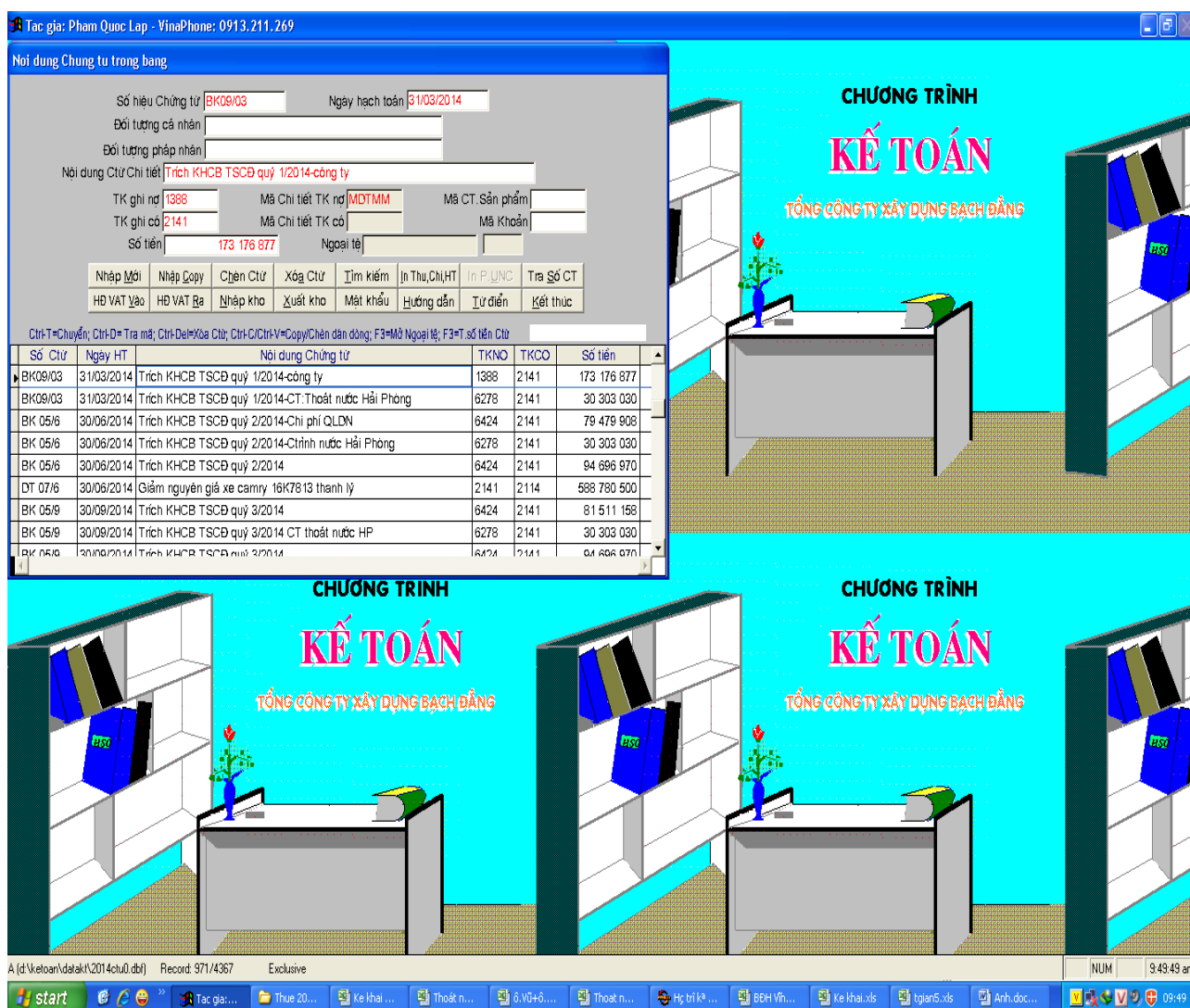
Chứng từ: BK 05/12

TT	Tên TSCĐ	Phân bổ cho đối tượng sử dụng					Mức khấu hao kỳ này
		TK 642(4)		TK 642(9)	TK 627(8)		
		Công ty	Tổng Công ty		CT. Vinh Tân	CT. Thoát nước HP	
<b>I</b>	<b>Nhà ở, vật kiến trúc</b>						
1	Tầng 2 nhà làm việc	17.902.750					17.902.750
2	Trụ sở làm việc công ty	26.448.816,1					26.448.816,1
3	Nhà kho công ty	1.791.561					1.791.561
	<b>Cộng (I)</b>	<b>46.143.127,1</b>					<b>46.143.127,1</b>
<b>II</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>						
3	Máy Toàn đặc DTM332 nikon	3.216.427					3.216.427
4	Trạm trộn 60m3h Youngone		70.454.547				70.454.547
5	Máy xúc lật bánh lốp		24.242.425				24.242.425
6	Máy ép cọc FT70					30.303.031	30.303.031
7	Máy Toàn Đặc Nikon YOBG	2.597.403,1					2.597.403,1
9	Cầu tháp QTZ 5512 50m				11.837.121,2		11.837.121,2
10	Container văn phòng 20feet				1.208.333,3		1.208.333,3
	<b>Cộng (II)</b>	<b>5.813.830,1</b>	<b>94.696.972</b>		<b>13.045.455</b>		<b>143.859.287,6</b>
<b>III</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>						
2	Xe ô tô TOYOTA RAV.4	27.589.100					27.589.100
3	Xe ô tô PRADO 15A15123	26.666.667					26.666.667
3	Xe ô tô PRADO 15A15123			8.778.364			8.778.364
	<b>Cộng (III)</b>	<b>54.255.767</b>		<b>8.778.364</b>	<b>13.045.455</b>	<b>30.303.031</b>	<b>63.034.131</b>
<b>IV</b>	<b>Thiết bị dụng cụ quản lý</b>						
2	Máy Photo Ricoh Mp5001 P.KH	1.500.000					
	<b>Cộng (IV)</b>	<b>1.500.000</b>					<b>1.500.000</b>
<b>Cộng (I+II+III+IV)</b>		<b>107.712.724</b>	<b>94.696.972</b>	<b>8.778.364</b>	<b>13.045.455</b>	<b>30.303.031</b>	<b>254.536.545,7</b>

Căn cứ vào “Bảng tính và phân bổ khấu hao quý 4 năm 2014” – (Biểu số 2.19), “Bảng tính và phân bổ khấu hao chi tiết” – (Biểu 2.20), kế lập “Chứng từ hạch toán BK 05/12” – (Biểu số 2.21). Từ chứng từ hạch toán, kế toán nhập số liệu vào phần mềm máy tính theo trình tự sau:

Từ màn hình Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm, kế toán nhập tên và mật khẩu của mình để vào phần mềm. Chọn số liệu → Chọn chứng từ theo mã tài khoản → Chọn tài khoản 2141 → Chọn xem sửa chứng từ chọn lọc → Nhập mới → Nhập định khoản và số liệu mới vào.

**Màn hình giao diện khi nhập vào phần mềm TK 2141:**



Sau khi đã nhập số liệu xong, phần mềm kế toán sẽ tự động xử lý số liệu để vào sổ “Nhật ký chung” – (Biểu 2.22). Từ sổ Nhật ký chung, phần mềm kế toán tự động ghi vào “Sổ cái TK 214” – (Biểu 2.23) và Sổ cái các tài khoản liên quan. Thông qua khai báo chi tiết được cài đặt sẵn trên phần mềm kế toán, số liệu được xử lý và ghi sổ chi tiết TK 2141 – (Biểu 2.24).

**Biểu 2.21: Chứng từ hạch toán.**

**Công ty CPXD Bạch Đằng 234**

**CT số: BK 05/12/TCKT**

**CHỨNG TỪ HẠCH TOÁN**

**Tháng 12 năm 2014**

Căn cứ quy chế tài chính của Công ty CPXD Bạch Đằng 234

Căn cứ “Bảng tính và phân bổ khấu hao quý 4 năm 2014”, “Bảng tính và phân bổ khấu hao chi tiết” ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Nay phòng kế toán hạch toán như sau:

- a. Nợ TK 6429 (Ô tô vượt quá 1,6 tỷ) : 8.778.364  
 Nợ TK 6278 – CT thoát nước HP : 30.303.031  
 Nợ TK 6278 – CT Vĩnh Tân : 13.045.455  
 Nợ TK 6424 – KH TSCĐ : 94.696.972  
 Nợ TK 6424 : 107.712.724  
 Có TK 2141 : 254.536.546
- b. Nợ TK 2141: 98.000.000  
 Có TK 2113: 98.000.000

***Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2014***

Người lập

Kế toán trưởng

**Biểu 2.22: Nhật ký chung.**

Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234  
Số 2B đường Trường Chinh - Kiến An – Hải Phòng

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2014

Đơn vị: Đồng

Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ	Nội dung chứng từ	TK đối ứng		Số tiền
			Nợ	Có	
30/06/2014	DT07/6	Giảm nguyên giá xe Toyota Camry 16K7813 thanh lý	2141	2114	588.780.500
...		...	...	...	...
31/12/2014	PHT	NH thu phí kiểm đếm ngày 26/12/2014	6427	11211	255.518
31/12/2014	PHT	NH thu phí kiểm đếm ngày 26/12/2014	13311	11211	25.552
...	...	...	...	...	...
31/12/2014	BK05/12	Trích khấu hao cơ bản Q4/14 xe ô tô vượt quá 1,6 tỷ	6429	2141	8.778.364
31/12/2014	BK05/12	Trích khấu cơ bản Q4/14 TSCĐ công trình thoát nước HP	6278	2141	30.303.031
31/12/2014	BK05/12	Trích khấu hao cơ bản Q4/14 TSCĐ công trình NĐ-Vĩnh Tân	6278	2141	13.045.455
...	...	...	...	...	...
31/12/2014	BK05/12	Bảo hỏng máy Toàn đạc DTM332 NIKON năm 2006	2141	2113	98.000.000
....		....	....	....	....
		<b>Cộng phát sinh năm</b>			<b>1546.504.079.076</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.23: Sổ cái TK 214.**

Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234  
Số 2B đường Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

**SỔ CÁI**

( Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2014

Tên tài khoản: Hao mòn TSCĐ

Số hiệu: 214

Đơn vị: đồng

Ngày chứng từ	SH chứng từ	Nội dung chứng từ	TK đối ứng		Số tiền nợ	Số tiền có
			Nợ	Có		
30/06/2014	DT07/6	Giảm nguyên giá xe Toyota Camry 16K7813 thanh lý	2141	2114	588.780.500	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2014	BK05/12	Trích khấu hao cơ bản Q4/14 xe ô tô vượt quá 1,6 tỷ	6429	2141		8.778.364
31/12/2014	BK05/12	Trích KHCB Q4/14 TSCĐ công trình thoát nước HP	6278	2141		30.303.031
31/12/2014	BK05/12	Trích KHCB Q4/14 TSCĐ công trình NĐ-Vĩnh Tân	6278	2141		13.045.455
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2014	BK05/12	Bảo hỏng máy Toàn đạc DTM332 NIKON năm 2006	2141	2113	98.000.000	
		<b>Cộng SPS</b>			<b>686.780.500</b>	<b>879.132.770</b>

**SDDK: 2.865.885.517**

**SDCK: 3.058.237.787**

Ngày...tháng...năm....

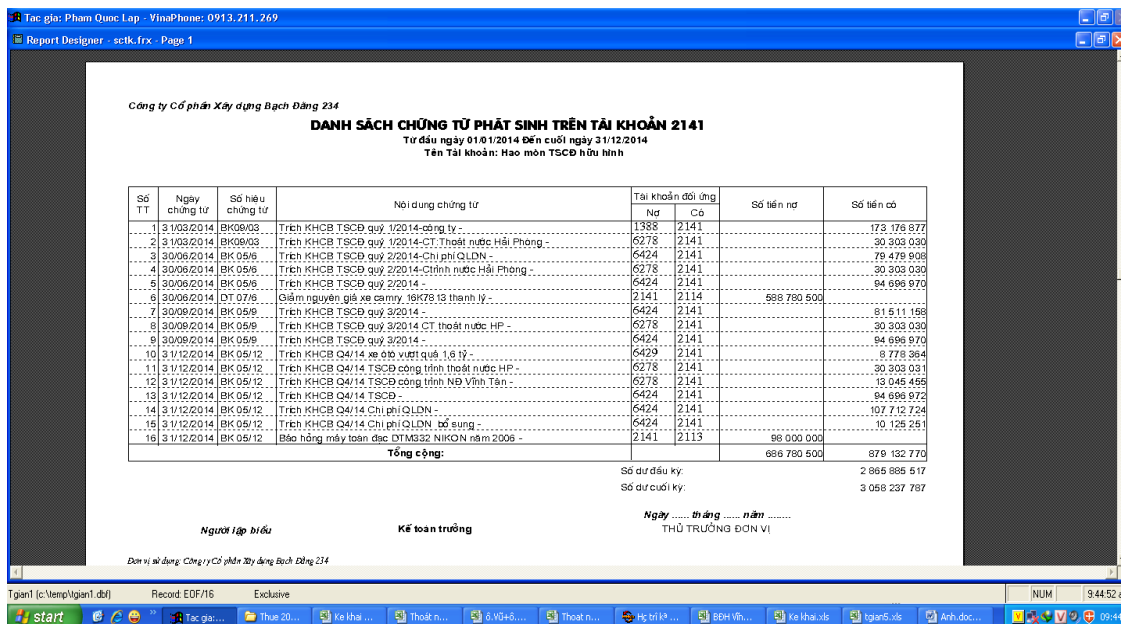
**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Màn hình giao diện “Danh sách chứng từ phát sinh trên TK 2141”:**



**Biểu số 2.24: Sổ chi tiết TK 2141.**

Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234  
Số 2B đường Trường Chinh - Kiến An – Hải Phòng

**SỔ CHI TIẾT**

Năm 2014

Tên tài khoản: Hao mòn TSCĐ hữu hình

Số hiệu: 2141

Đơn vị: đồng

Ngày chứng từ	SH chứng từ	Nội dung chứng từ	TK đối ứng	Số tiền nợ	Số tiền có
...	...	...	...	...	...
31/12/2014	BK05/12	Trích khấu hao cơ bản Q4/14 xe ô tô vượt quá 1,6 tỷ	6429		8.778.364
31/12/2014	BK05/12	Trích khấu cơ bản Q4/14 TSCĐ công trình thoát nước HP	6278		30.303.031
31/12/2014	BK05/12	Trích khấu hao cơ bản Q4/14 TSCĐ công trình NĐ-Vĩnh Tân	6278		13.045.455
...	...	...	...	...	...
31/12/2014	BK05/12	Báo hỏng máy toàn đạc DTM332 NIKON năm 2006	2113	98.000.000	
		<b>Cộng SPS</b>		<b>686.780.500</b>	<b>879.132.770</b>

SDDK: 2.865.885.517

SDCK: 3.058.237.787

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.2.4 Kế toán sửa chữa TSCĐ.****a) Sửa chữa thường xuyên Tài sản cố định .**

Với các máy móc thiết bị đã sử dụng, việc sửa chữa nhỏ diễn ra thường xuyên nhằm duy trì khả năng hoạt động bình thường của các tài sản. Công việc sửa chữa thường xuyên TSCĐ có thể do tổ sửa chữa của Công ty thực hiện hoặc thuê ngoài.

Công việc sửa chữa được tiến hành thường xuyên, thời gian sửa chữa ngắn nên chi phí sửa chữa phát sinh thường không lớn, do vậy Công ty không phải lập dự toán sửa chữa. Chi phí sửa chữa thường xuyên TSCĐ phát sinh được tập hợp và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của bộ phận có tài sản sửa chữa.

**Ví dụ minh họa:** Chi tiền sửa chữa, kiểm định và phí đường bộ xe cho ông Đới Hồng Đăng với tổng số tiền là 6.587.240 đồng (đã bao gồm VAT 10%). Trong đó: Phí đường bộ là 3.136.000; Dịch vụ đăng kiểm: 218.182 (chưa VAT 10%) + Lệ phí đăng kiểm: 100.000 (không thuế VAT); Sửa xe: 2.858.400 (chưa VAT 10%)

Sau khi nhận được các chứng từ biên lai thu tiền, Hóa đơn GTGT, phiếu quyết toán sửa chữa chung.... Kế toán nhập số liệu vào phần mềm kế toán theo định khoản sau:

1. Nợ TK 6422: 6.282.582	2. Nợ TK 13311: 304.658
Có TK 1111: 6.282.582	Có TK 1111: 304.658

Căn cứ vào các chứng từ gốc kế toán nhập số liệu vào phần mềm theo trình tự sau:

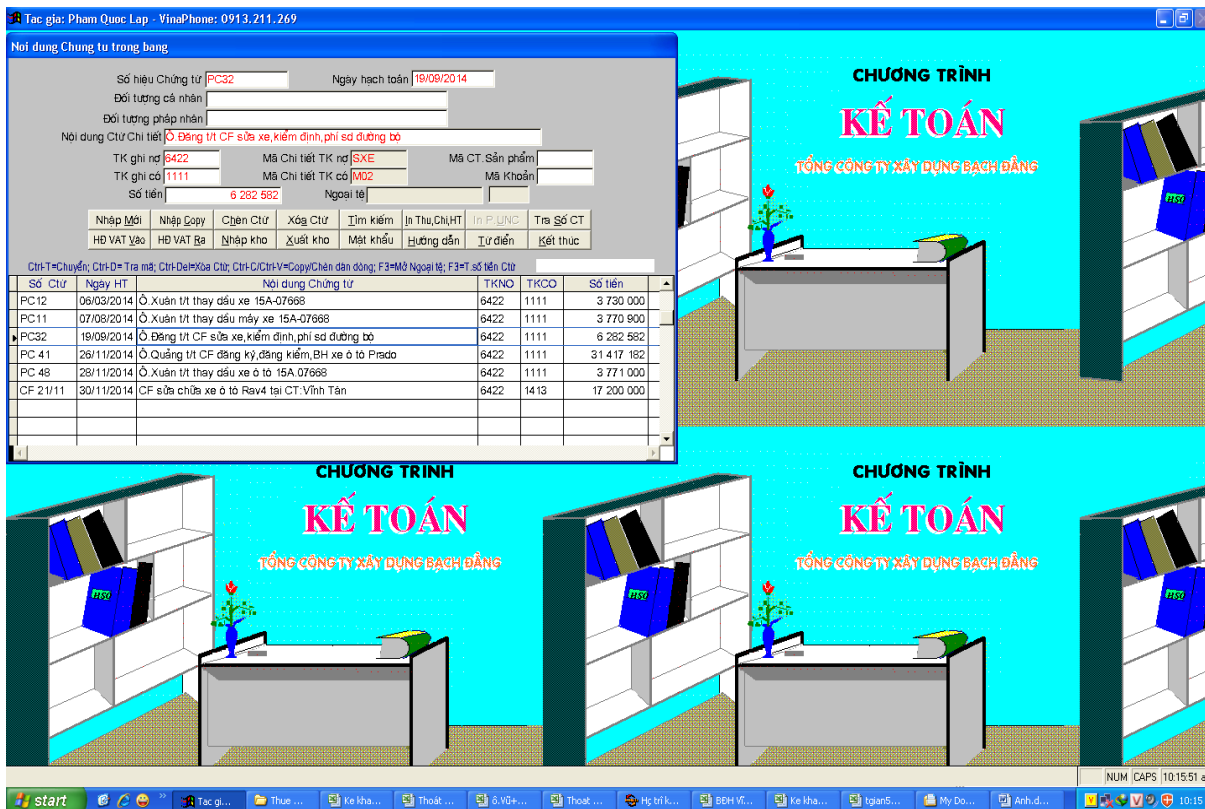
Từ màn hình window, kế toán kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm trên màn hình máy tính, kế toán nhập tên và mật khẩu của mình để vào phần mềm. Chọn Số liệu → Chọn chứng từ theo mã tài khoản → Chọn tài khoản 6422 → Chọn xem sửa chứng từ chọn lọc → Nhập mới → Nhập định khoản và số liệu mới vào.

Sau khi đã nhập số liệu xong, phần mềm kế toán sẽ tự động xử lý số liệu để vào sổ “Nhật ký chung” – (Biểu 2.25). Từ sổ Nhật ký chung, phần mềm kế toán tự động ghi vào “Sổ cái TK 642” – (Biểu 2.26) và Sổ cái các tài khoản liên quan. Thông qua khai báo chi tiết được cài đặt sẵn trên phần mềm kế toán, số liệu được xử lý và ghi “Sổ chi tiết TK 6422” – (Biểu 2.27).

Cuối kỳ, máy tính sẽ tự động xử lý số liệu để lập Bảng tổng hợp chi tiết tài khoản 642.

Với tài khoản 1331 kế toán nhập tương tự và phần mềm kế toán cũng xử lý với trình tự như trên.

**Màn hình khi nhập số liệu vào TK 6422:**



**Biểu 2.25: Phiếu chi.**

Đơn vị: Công ty Cổ phần xây dựng  
Bạch Đằng 234

Địa chỉ: Số 2B đường Trường Chinh  
- Kiến An – Hải Phòng

**PHIẾU CHI** Số: 32

Ngày 10 tháng 12 năm 2014

Quyển số:

Mẫu số: 02-TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Nợ TK 6422: 6.282.582

Nợ TK 13311: 304.658

Có TK 1111 : 6.587.240

Họ và tên người nhận tiền: Đới Hồng Đăng

Địa chỉ: Lái xe 16M-4639

Lý do nộp: Chi phí sửa xe, kiểm định và phí sử dụng đường bộ (từ ngày 22/09/2014  
đến ngày 17/03/2016)

Số tiền: 6.587.240 đ (Viết bằng chữ): (Sáu triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn hai  
trăm bốn mươi đồng).

Kèm theo:.....01.....Chứng từ gốc.

Ngày 19 tháng 09 năm 2014

Người lập phiếu  
(ký, họ tên)

Người nhận tiền  
(ký, họ tên)

Thủ quỹ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên đóng dấu)

**Biểu số 2.26: Biên lai thu tiền phí sử dụng đường bộ.**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01BL2-001  
Ký hiệu: AG-14  
Số: 0019891

**BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ**

(Liên 2: Giao cho người nộp phí)

Tên người nộp tiền: Công ty CP XD Bạch Đằng 234.

Địa chỉ: Trường Chinh, Kiến An, Hải Phòng.

Phương tiện: Ô tô con.

Số tiền phải nộp (từ ngày: 22/09/2014 đến ngày: 17/03/2016): 3.136.000

Tổng số tiền được giảm trừ: 0 đồng.

Tiền phí phải nộp (1-2): **3.136.000 đồng**

( Bằng chữ): Ba triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng./.

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

Ngày 18 tháng 09 năm 2014

**Người thu tiền**

**Vũ Thị Thu Vân**

Mã kiểm tra: EAD134F5

*Phần mềm tự in biên lai được cung cấp bởi Cục Đăng kiểm Việt Nam, MST: 0100109120*

**Biểu 2.27: Hóa đơn GTGT kiểm định xe ô tô.**

**HÓA ĐƠN GTGT  
(DỊCH VỤ ĐĂNG KIỂM)**

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/13P

*Liên 2: Giao khách hàng*

Số: 0642625

Ngày 18 tháng 09 năm 2014

Đơn vị thu tiền: TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI SỐ 15-01V

Địa chỉ: Km 90+500, Quốc lộ 5, Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng.

Số tài khoản: 0000000705793 Tại ngân hàng: TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hải Phòng

Điện thoại: 0313.824.769 Mã số thuế: 0100109120027

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234

Số tài khoản:..... Tại ngân hàng:.....

Địa chỉ: 2B Trường Chinh, Phường Lãm Hà, quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng.

Hình thức thanh toán: TM

Mã số thuế: 0200742545

STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	ĐV TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Kiểm định xe ô tô dưới 10 ghế, Cthg (BĐK: 16M-4639)	xe	01	218.182	218.182
Cộng tiền hàng:					218.182
	<i>Thuế suất thuế GTGT: 0%</i>		<i>Tiền thuế GTGT:</i>		21.818
			Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng kiểm:		100.000
			<i>Tổng cộng tiền thanh toán:</i>		340.000
	<i>Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn./.</i>				

**Khách hàng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người viết hóa đơn**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

**Biểu số 2.28: Hóa đơn sửa xe.**



**XÍ NGHIỆP TOYOTA HẢI PHÒNG**

Mã số thuế: **0200581023-001**

Địa chỉ: Số 274 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng.

ĐT: 0313.641785 Fax: 0313.641272 Web: www.toyotahai phong.vn

TK:

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT3/001

*Liên 2: Giao khách hàng*

Ký hiệu: AA/13P

*Ngày 18 tháng 09 năm 2014*

Số: 0014990

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234

Mã số thuế: 0200742545

Địa chỉ: 2B Trường Chinh, Phường Lãm Hà, quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng.

Hình thức thanh toán: TM

Số tài khoản: .....

STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	ĐV TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Sửa xe Rav4 16M-4639	xe	01		2.828.400
Cộng tiền hàng:					2.828.400
<i>Thuế suất thuế GTGT: 0%</i>					<i>Tiền thuế GTGT: 282.840</i>
<i>Tổng cộng tiền thanh toán:</i>					<i>3.111.240</i>
<i>Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu một trăm mười một nghìn hai trăm bốn mươi đồng chẵn./.</i>					

**Người mua hàng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người bán hàng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

*(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)*

**Biểu 2.29: Phiếu quyết toán sửa chữa chung.**

**PHIẾU QUYẾT TOÁN SỬA CHỮA CHUNG**

Tên người sửa: Đỗ Hồng Đăng

Biên số: 16M-4639

Đơn vị: Công ty CPXD Bạch Đằng 234

Mã hiệu xe: QACV38L-ANXPKA

Địa chỉ: 2B - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng.

Số VIN/khung: JTMZD35V885096587

Mã màu: (1B2) ghi nâu

Số niên thoại: 0989.631.030

Fax:

Loại máy:

Ngày KH tới: 12/09/2014 08:24

Ngày s/c xong: 18/09/2014 10:21

Nhu cầu sửa chữa:

Kiểm tra báo đèn động cơ, đèn tron trượt.

**CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN**

**NỘI DUNG CÔNG VIỆC:**

STT	MÃ C.VIỆC	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN GIÁ	GIẢM GIÁ	THÀNH TIỀN	THUẾ	GHI CHÚ
1		Kiểm tra xe báo đèn động cơ, đèn tron trượt	350.000	0	350.000	10	
2		Rửa họng hút, bép phun	600.000	0	600.000	10	
3		Thay bu gi	80.000	0	80.000	10	
4		Thay gioăng lắp máy	120.000	0	120.000	10	
			1.150.000	0	1.150.000	(A)	

**PHỤ TÙNG/VẬT TƯ**

STT	MÃ PT	TÊN PHỤ TÙNG	S/L	Đ/VỊ	ĐƠN GIÁ	GIẢM GIÁ	THÀNH TIỀN	THUẾ	GHI CHÚ
1	9091901210	BU GI	4	Cái	302.300	0	1.209.200	10	
2	1121328021	Gioăng nắp che bụi phía trên động cơ	1	Cái	369.200	0	369.200	10	
3	VTP11VTP11	Dung dịch rửa bép phun, họng hút	1	xe	100.000	0	100.000	10	
					681.500	0	1.678.400	(B)	

C: Chi phí-sau giảm giá: (A+B) 2.828.400

D: Thuế VAT: 282.840

E: Tổng chi phí (Sau VAT): (C+D) 3.111.240

**Biểu 2.30: Giấy đề nghị thanh toán.**

**Đơn vị:** Công ty Công ty Cổ phần xây dựng

Bạch Đằng 234

**Bộ phận:** Phòng TCHC

Mẫu số 05-TT ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN**

Ngày 19 tháng 09 năm 2014

Kính gửi: Ông Trần Huy Thắng – Giám đốc công ty

Họ và tên người đề nghị thanh toán: Đới Hồng Đăng

Bộ phận (hoặc địa chỉ): Lái xe 16M-4639

Nội dung thanh toán:

Nội dung	Số tiền
- Thanh toán Sửa xe thay phụ tùng	3.111.240
- Kiểm định xe	340.000
- Phí sử dụng đường bộ	3.136.000
....	.....
<b>Cộng số tiền</b>	<b>6.587.240</b>

Viết bằng chữ: Sáu triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn./.  
(Kèm theo 02 HĐGTGT + 01 Biên lai Chứng từ gốc)

**Giám đốc**      **Kế toán trưởng**      **Kế toán thanh toán**      **Phụ trách bộ phận**      **Người đề nghị thanh toán**  
(Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)



**Biểu số 2.31: Nhật ký chung.**

Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234  
Số 2B đường Trường Chinh - Kiến An – Hải Phòng

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2014

Đơn vị: Đồng

Ngày chứng từ	Số hiệu chứng từ	Nội dung chứng từ	TK đối ứng		Số tiền
			Nợ	Có	
07/08/2014	PC11	Ông Xuân thanh toán thay dầu xe máy 15A-07668	6422	1111	3.770.900
...		...	...	...	...
19/09/2014	PC32	Ô. Đăng thanh toán chi phí sửa xe, kiểm định, phí sử dụng đường bộ	6422	1111	6.282.582
...	...	...	...	...	...
26/11/2014	PC48	Ô. Xuân thanh toán chi phí thay dầu xe ô tô 15A07668	6422	1111	3.771.000
...	...	...	...	...	...
31/12/2014	PHT	NH thu phí kiểm đếm ngày 26/12/2014	6427	11211	255.518
31/12/2014	PHT	NH thu phí kiểm đếm ngày 26/12/2014	13311	11211	25.552
...	...	...	...	...	...
31/12/2014	BK05/12	Trích KHCB Q4/14 TSCĐ công trình thoát nước HP	6278	2141	30.303.031
...	...	...	...	...	...
31/12/2014	BKQT12	Kết chuyển TK 6422	911	6422	274.837.014
...	...	...	...	...	...
		<b>Cộng phát sinh năm</b>			<b>1546.504.079.076</b>

**Người lập biểu**  
( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.32: Sổ cái TK 642.**

Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234  
Số 2B đường Trường Chinh - Kiến An – Hải Phòng

**SỔ CÁI**

( Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 642

Đơn vị: đồng

Ngày chứng từ	SH chứng từ	Nội dung chứng từ	TK đối ứng		Số tiền nợ	Số tiền có
			Nợ	Có		
07/08/2014	PC11	Ông Xuân thanh toán thay dầu xe máy 15A-07668	6422	1111	3.770.900	
...	...	...	...	...	...	...
19/09/2014	PC32	Ô. Đăng thanh toán chi phí sửa xe, kiểm định, phí sử dụng đường bộ	6422	1111	6.282.582	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2014	PHT	NH thu phí kiểm đếm ngày 26/12/2014	6427	11211	255.518	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2014	BKQT12	Kết chuyển TK 6422	911	6422		274.837.014
...	...	...	...	...	...	...
		<b>Cộng SPS</b>			274.837.014	274.837.014

**SĐĐK:**

**SĐCK:**

Ngày...tháng...năm....

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
( Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.33: Sổ chi tiết TK 6422.**

Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234  
Số 2B đường Trường Chinh - Kiến An – Hải Phòng

**SỔ CHI TIẾT**

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí vật liệu quản lý

Số hiệu: 6422

Đơn vị: đồng

Ngày chứng từ	SH chứng từ	Nội dung chứng từ	TK đối ứng	Số tiền nợ	Số tiền có
07/08/2014	PC11	Ông Xuân thanh toán thay dầu xe máy 15A-07668	1111	3.770.900	
...	...	...	...	...	...
19/09/2014	PC32	Ô. Đăng thanh toán chi phí sửa xe, kiểm định, phí sử dụng đường bộ	1111	6.282.582	
...	...	...	...	...	...
26/11/2014	PC48	Ô. Xuân thanh toán chi phí thay dầu xe ô tô 15A07668	1111	3.771.000	
...	...	...	...	...	...
31/12/2014	BKQT12	Kết chuyển TK 6422	911		274.837.014
...	...	...	...	...	...
		<b>Cộng SPS</b>		274.837.014	274.837.014

**SĐĐK:**

**SĐCK:**

Ngày...tháng...năm....

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**b) Sửa chữa lớn Tài sản cố định**

Định kỳ 3 năm 1 lần, nhằm củng cố năng lực sản xuất của TSCĐ, Công ty tiến hành lập kế hoạch sửa chữa lớn cho các tài sản căn cứ vào khối lượng công tác đã hoàn thành hoặc thời gian đã hoạt động. Phòng kế hoạch lập kế hoạch sửa chữa lớn kèm theo dự toán chi phí sửa chữa. Kế toán tiến hành trích trước chi phí theo kế hoạch để tránh sự biến động lớn trong chi phí sản xuất giữa các tháng.

Công việc sửa chữa lớn TSCĐ có thể do Công ty tự sửa chữa hoặc thuê ngoài. Do mức độ hư hỏng nặng, kỹ thuật sửa chữa phức tạp, thời gian sửa chữa dài và TSCĐ phải ngừng hoạt động nên chi phí sửa chữa lớn, không thể tính hết 1 lần vào chi phí sản xuất kinh doanh của đối tượng sử dụng mà phải phân bổ dần bằng các phương pháp thích hợp.

Trong năm 2014, Công ty không phát sinh khoản sửa chữa lớn nào.

**2.2.2.5 Kiểm kê TSCĐ tại doanh nghiệp.****❖ Nội dung:**

Trong doanh nghiệp, việc kiểm kê tài sản nói chung và TSCĐ nói riêng là công tác quan trọng trong việc quản lý sử dụng TSCĐ tại doanh nghiệp. Căn cứ vào tài liệu của đợt kiểm kê để có tài liệu đối chiếu giữa số thực tế với số trên sổ sách, qua đó xác định nguyên nhân gây ra số chênh lệch, xác định người có trách nhiệm về tình hình mất mát, hư hỏng... cũng như phát hiện những đơn vị, cá nhân giữ gìn, sử dụng tốt TSCĐ, đồng thời báo cáo lên cấp trên về tình hình đã phát hiện ra để có những kiến nghị và giải quyết nhất là đối với trường hợp thừa TSCĐ.

**❖ Xử lý thừa thiếu TSCĐ:**

Mọi trường hợp phát hiện thừa thiếu TSCĐ đều phải tìm nguyên nhân. Căn cứ vào “Biên bản kiểm kê TSCĐ” và kết luận của hội đồng kiểm kê để hạch toán theo từng nguyên nhân cụ thể:

Nếu TSCĐ thừa do để ngoài sổ sách (chưa ghi sổ), kế toán căn cứ vào hồ sơ TSCĐ để ghi tăng TSCĐ tùy theo từng trường hợp cụ thể.

Nếu TSCĐ thừa đang sử dụng thì ngoài nghiệp vụ ghi tăng TSCĐ hữu hình, căn cứ vào nguyên giá và tỷ lệ khấu hao để xác định giá trị hao mòn làm căn cứ tính trích bổ sung khấu hao TSCĐ vào chi phí kinh doanh, ghi :

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 214 – Hao mòn tài sản cố định (2141)

Nếu TSCĐ phát hiện thừa được xác định là TSCĐ của đơn vị khác thì phải báo ngay cho đơn vị chủ tài sản đó biết. Nếu chưa xác định được đơn vị

chủ tài sản, trong thời gian chờ xử lý, kế toán phải căn cứ vào tài liệu kiểm kê, tạm thời phản ánh vào tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán để theo dõi giữ hộ.

TSCĐ phát hiện thiếu trong kiểm kê phải được truy cứu nguyên nhân, xác định người chịu trách nhiệm và xử lý theo đúng quy định hiện hành của chế độ tài chính. Trường hợp có quyết định xử lý ngay, căn cứ “Biên bản xử lý TSCĐ thiếu” đã được duyệt y và hồ sơ TSCĐ kế toán phải xác định chính xác nguyên giá, giá trị hao mòn của TSCĐ đó làm căn cứ để ghi giảm TSCĐ và xử lý phần vật chất phân giá trị còn lại của TSCĐ. Tùy thuộc vào quyết định xử lý, ghi:

Nợ TK 214 – Hao mòn tài sản cố định (phần giá trị hao mòn )

Nợ TK 138 – Phải thu khác (1388) (nếu người có lỗi phải bồi thường)

Nợ TK 411 – Nguồn vốn kinh doanh (nếu được phép ghi giảm vốn)

Nợ TK 811 – Chi phí khác (Nếu doanh nghiệp chịu tổn thất)

Có TK 211 – TSCĐ hữu hình

***Trường hợp phải chờ quyết định xử lý:***

Nợ TK 214 – Hao mòn tài sản cố định (2141) (phần giá trị hao mòn)

Nợ TK 138 – Phải thu khác(1381 – TS thiếu chờ xử lý) (phần giá trị còn lại)

Có TK 211 – Tài sản cố định hữu hình

***Khi có quyết định xử lý, ghi :***

Nợ TK 138 – Phải thu khác (1388) (người có lỗi phải bồi thường )

Nợ TK 411 – Nguồn vốn kinh doanh (Nếu được phép ghi giảm vốn )

Nợ TK 811 – Chi phí khác ( Nếu doanh nghiệp chịu tổn thất )

Có TK 138 – Phải thu khác (1381)

**❖ Chứng từ sử dụng:**

- Biên bản kiểm kê TSCĐ

**Biểu 2.34: Biên bản kiểm kê TSCĐ.**

Đơn vị: Công ty CPXD Bạch Đằng 234  
 Bộ phận: Phòng Kế toán

Mẫu số: 05-TSCĐ  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Thời điểm kiểm kê: 09h 00' ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ban kiểm kê gồm:

Ông: Trần Huy Thắng Chức vụ: Giám đốc công ty Đại diện:.....Trưởng ban

Ông: Nguyễn Quốc Huy Chức vụ: Kế toán trưởng Đại diện:.....Ủy viên

Bà : Ngô Thị Kim Anh Chức vụ: Kế toán TSCĐ Đại diện:.....Ủy viên

Đã thực hiện kiểm kê TSCĐ, kết quả như sau:

TT	Tên TSCĐ	Tình trạng kỹ thuật			Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch		
		Đang SD	Hỏng	Không cần SD		SL	Nguyên giá	Giá trị còn lại	SL	Nguyên giá	Giá trị còn lại	SL	Nguyên giá	GTCL
<b>I</b>	<b>Nhà ở, vật kiến trúc</b>													
1	Tầng 2 nhà làm việc	x			Cty	01	1,432,220,000	907,088,454	01	1,432,220,000	907,088,454	0	0	0
2	Trụ sở công ty 2 tầng	x				01	2,115,905,285	1,904,314,757	01	2,115,905,285	1,904,314,757	0	0	0
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	..	...
	<b>Cộng (I)</b>						<b>3,691,450,285</b>	<b>2,927,854,775</b>		<b>3,691,450,285</b>	<b>2,927,854,775</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>													
...	...				...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
11	Cầu tháp QTZ 5015	x			YOBG	01	681,818,182	681,818,182	01	681,818,182	681,818,182	0	0	0
12	Máy Toàn đạc DTM332Nikon	x			NĐ TB	01	85,000,000	85,000,000	01	85,000,000	85,000,000	0	0	0
	<b>Cộng (II)</b>						<b>49,190,040,188</b>	<b>3,345,480,236</b>		<b>49,190,040,188</b>	<b>3,345,480,236</b>		0	0
<b>III</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>													
1	Ô tô TOYOTA Camry 05 chỗ ngồi	x				01	588,780,500	0	01	588,780,500	0	0	0	0
...	...				...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
	<b>Cộng (III)</b>						<b>3,009,553,035</b>	<b>2,339,558,688</b>		<b>3,009,553,035</b>	<b>2,339,558,688</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV</b>	<b>Thiết bị dụng cụ quản lý</b>													
1	Máy Photo Sharp Ar M206-P.QLTC			x		01	36,962,727	0	01	36,962,727	0	0	0	0
...	...				...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
	<b>Cộng (IV)</b>						<b>66,962,727</b>	<b>26,000,000</b>		<b>66,962,727</b>	<b>26,000,000</b>	0	0	0
	<b>Cộng</b>				<b>x</b>	<b>x</b>	<b>11,687,006,235</b>	<b>8,638,893,699</b>	<b>x</b>	<b>11,687,006,235</b>	<b>8,638,893,699</b>	<b>x</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

Ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc

Kế toán trưởng

Trưởng ban kiểm kê

### **CHƯƠNG 3**

## **MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CPXD BẠCH ĐẰNG 234.**

### **3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán TSCĐ tại Công ty CPXD Bạch Đằng 234.**

Cùng với sự chuyên đổi của nền kinh tế, các doanh nghiệp sản xuất nói chung và công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234 nói riêng đã phải vượt qua những khó khăn ban đầu. Trong những năm đầu doanh thu từ hoạt động xây lắp của DN chiếm tỷ trọng nhỏ. Nhưng từ khi cơ chế thay đổi, hoạt động xây dựng cơ bản mang lại doanh thu lớn cho công ty.

Các đơn vị trực thuộc công ty đã năng động, với đội ngũ đông đảo kỹ sư và công nhân lành nghề đã thi công và hoàn thiện nhiều hạng mục công trình quan trọng, đã lập nên uy tín và thu hút nhiều nhà chỉ định thầu.

Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234 hoạt động với tinh thần mới mẻ cả về phương thức hạch toán kế toán lẫn chế độ kế toán áp dụng.

Qua quá trình thực tập tìm hiểu về công tác Kế toán tại công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234 nói chung và công tác kế toán TSCĐ nói riêng đã mang đến cho em một số nhìn nhận cơ bản, một số đánh giá chung về công tác kế toán của công ty như sau:

#### **3.1.1 Ưu điểm.**

##### ***(1) Về bộ máy quản lý của Công ty cổ phần xây dựng Bạch Đằng 234.***

- Bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban chức năng của công ty thực sự là cơ quan tham mưu giúp việc cho giám đốc một cách hiệu quả giúp cho lãnh đạo công ty đưa ra các quyết định sản xuất kinh doanh hiệu quả.

- Công ty xây dựng được bộ máy kế toán hợp lý, khoa học và có hiệu quả phù hợp với tính chất, đặc điểm của ngành xây dựng.

- Công ty không ngừng nâng cao trình độ sản xuất, quản lý công nghệ, ký nhiều hợp đồng và thi công nhiều công trình lớn.

- Đội ngũ nhân viên công ty nhiệt tình, tận tụy với công việc, chịu khó tìm tòi học hỏi để đổi mới công ty, xây dựng công ty ngày càng lớn mạnh.

- Vận dụng sáng tạo, linh hoạt cơ chế thị trường, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, đời sống của công nhân viên.

## **(2) Về công tác quản lý TSCĐ**

TSCĐ được công ty kiểm kê, đánh giá theo quý và tổng hợp vào cuối năm. Việc này giúp cho công ty có khả năng kiểm soát được tình hình giá trị và hiện trạng của TSCĐ đang được sử dụng tại công ty. Căn cứ vào kết quả kiểm kê hàng năm, công ty đã có những biện pháp giải quyết kịp thời (phát hiện sửa chữa TSCĐ hư hỏng, mất mát...). Ngoài ra việc kiểm kê giúp cho các nhà quản lý định ra được phương hướng đầu tư vào TSCĐ cũng như việc đề ra những biện pháp thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ.

## **(3). Bộ máy kế toán.**

- Bộ máy kế toán gọn nhẹ, quy trình kế toán hợp lý và đội ngũ kế toán có chuyên môn cao... hình thức kế toán kiêm nhiệm đã tạo điều kiện cho việc nâng cao chuyên môn và khả năng tổng hợp của kế toán.

- Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và chịu trách nhiệm về một hoặc một số phần hành kế toán nhất định nào đó nhưng đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, thống nhất và tập trung của kế toán trưởng. Điều này, giúp công tác kế toán của công ty giảm thiểu được những sai sót đáng kể do nhầm lẫn hoặc gian lận gây nên, tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm giữa các bộ phận.

- Trong công ty có sự phân chia và phối hợp công việc hợp lý giữa các nhân viên phòng tài chính kế toán và nhân viên kế toán các đội đã góp phần giảm khối lượng công việc, có hiệu quả trong công tác kế toán của các bộ phận như bộ phận kế toán TSCĐ của công ty.

- Kế toán TSCĐ không chỉ đảm bảo được tính chính xác cao về mặt số liệu, tính đầy đủ về mặt nội dung và sự khoa học trong cách trình bày và báo cáo đã giúp các nhà quản lý nắm bắt được tình hình sử dụng TSCĐ trong Công ty một cách chi tiết, đúng đắn nhằm đưa ra các quyết định sáng suốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Về công tác tổ chức kế toán nhìn chung được tổ chức hợp pháp, hợp lệ đầy đủ.

- Cách thức hạch toán của công ty nhìn chung khá hữu hiệu, phù hợp với chế độ kế toán mới.



**(3). Về hình thức sổ sách kế toán, chứng từ, phương pháp hạch toán tại công ty CP xây dựng Bạch Đằng 234.**

- Hình thức sổ sách kế toán tại công ty là hình thức Nhật ký chung với chương trình kế toán trên máy vi tính. Đây là hình thức đơn giản, gọn nhẹ, dễ theo dõi.

- Cách thức ghi chép và phương thức hạch toán khoa học, hợp lý phù hợp với yêu cầu, nguyên tắc của chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Công ty đã tổ chức vận dụng chế độ kế toán doanh nghiệp một cách linh hoạt và phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của đơn vị xây lắp. Công ty áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC. Cùng các biểu mẫu, chứng từ, sổ sách kế toán công ty đã xây dựng được hệ thống sổ sách kế toán, cách ghi chép khoa học, hợp lý, phù hợp với yêu cầu, mục đích của chế độ kế toán, tổ chức công tác kế toán quản trị, kế toán tài chính rõ ràng....đáp ứng được đầy đủ thông tin hữu dụng đối với từng yêu cầu quản lý của công ty và các đối tượng khác có liên quan.

**(4). Công tác theo dõi và tính khấu hao TSCĐ.**

Công tác kế toán khấu hao TSCĐ được tính và trích đầy đủ, được lập bảng phân bổ theo quý chi tiết cho từng đối tượng sử dụng.

Kế toán đã lựa chọn phương thức khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng đơn giản để thực hiện.

**(5). Về ứng dụng công nghệ thông tin.**

Nhận thức được tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin vào tổ chức kế toán, công ty đã mua bản quyền sử dụng phần mềm kế toán được thiết kế dành riêng cho công ty do Phạm Quốc Lập viết phần mềm.

Phần mềm kế toán có nhiều tính năng ưu việt, sử dụng dễ dàng và đơn giản hóa. Khi sử dụng phần mềm này, kế toán chỉ việc cập nhật các số liệu đầu vào, phần mềm sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo kế toán. Ngoài ra, phần mềm kế toán được thiết kế đảm bảo có thể cung cấp các báo cáo kế toán quản trị tổng hợp và chi tiết theo nhiều chiều phục vụ tối đa cho công tác quản trị điều hành. Việc sử dụng phần mềm kế toán đem lại những lợi ích thiết thực trong tổ chức kế toán tại công ty nói chung cũng như tổ chức kế toán TSCĐ nói riêng cũng như giúp tiết kiệm thời gian, giảm bớt được đáng kể khối lượng công việc so với kế toán ghi sổ nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác trong kế toán.

**3.1.2 Hạn chế.**

- Về việc khai thác sử dụng phần mềm kế toán, Công ty CPXD Bạch Đằng 234 ứng dụng CNTT vào công tác kế toán bằng việc sử dụng phần mềm được thiết kế riêng làm cho công việc kế toán được đơn giản, gọn nhẹ hơn nhưng công ty lại chưa khai thác hết những thế mạnh của phần mềm như chưa hỗ trợ về thẻ TSCĐ, Bảng tính và phân bổ khấu hao – (Biểu 2.19)...vẫn phải thực hiện thủ công, tính tay bên ngoài làm cho việc theo dõi chung còn hạn chế, tốn thời gian và công sức.

Hình ảnh “Bảng trích khấu hao TSCĐ quý 4 năm 2014” trên phần mềm excel:

TT	Tên TSCĐ	Quốc SX	Năm SD	Theo sổ sách kế toán		Số năm trích khấu hao	Mức khấu hao năm	Khấu hao lũy này	Ghi chú	Bổ sung khấu hao
				Nguyên giá	Giá trị còn lại					
2	Trụ sở làm việc công ty	Việt Nam	2012	2,115,905,285	2,010,110,021	20	105,795,264	26,448,816.1		
3	Nhà kho Công ty		2011	143,325,000	123,617,814	20	7,166,250	1,791,561.0		
	<b>Công (I)</b>			<b>3,691,450,285</b>	<b>3,112,427,289</b>		<b>184,572,514</b>	<b>46,143,127.1</b>		
	<b>II Máy móc thiết bị:</b>									
1	Máy phát điện 125KVA	Nhật	1997	120,980,460	-			-		
2	Máy toàn đặc DTM332 NIKON		T7/06	98,000,000	6,125,000	8	6,125,000		hết KH	
3	Máy toàn đặc DTM332 NIKON		T3/08	90,080,000	14,473,928	7	12,865,714	3,216,427.0		
4	Trạm trộn 60m3/h Youngone		12/11	1,690,909,091	1,127,272,727	6	281,818,182	70,454,547.0		
5	Máy xúc lật bánh lốp		12/11	581,818,182	387,878,788	6	96,969,697	24,242,425.0		
6	Máy ép cọc FT70		T4/13	363,636,364	272,727,273	3	121,212,121	30,303,031.0		
7	Máy toàn đặc NIKON NBL362 YOBG		6/9/14	72,727,273	72,727,273	7	10,389,610	2,597,403.1	Cty	704,501
8	Đầm cóc Mikasa MT72		5/12/14	37,727,000		8	4,715,875	-	Vinh Tân	335,925
9	Cầu thép QTZ5512 50m		18/11/14	1,136,363,636		8	142,045,455	11,837,121.2	Vinh Tân 1 th	4,897,001
10	Container Văn phòng 20feet		20/11/14	58,000,000		4	14,500,000	1,208,333.3	Vinh Tân 1 th	420,434
11	Cầu thép QTZ5015 50m YOBG		18/12/14	681,818,182		8	85,227,273		YOBG	3,035,492
12	Máy toàn đặc DTM332 NIKON		9/12/14	85,000,000		7	12,142,857		Cty	731,898
	<b>Công (II)</b>			<b>5,017,040,188</b>	<b>1,881,204,989</b>		<b>788,011,784</b>	<b>143,859,287.6</b>		

- Về việc hạch toán chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử, công ty hạch toán trực tiếp vào chi phí sản xuất chung trong kỳ. Việc không đưa chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử vào nguyên giá TSCĐ mà phản ánh trực tiếp vào chi phí SXC trong kỳ (Ví dụ 3), điều này có thể làm cho giá thành sản phẩm tăng cao, làm tăng chi phí, ảnh hưởng đến việc xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ và không phản ánh đúng nguyên giá của TSCĐ như trong quy định tại Điều 4/Thông tư 45: “...Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có tài sản cố định hữu hình tính đến

thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng...” mà công ty đang thực hiện theo.

- **Về khấu hao theo dõi cho từng công trình**, kế toán dùng chung một tài khoản để theo dõi chi tiết cho từng công trình. Công ty trích khấu hao TSCĐ chi tiết cho từng loại TSCĐ theo từng công trình cụ thể rất thuận lợi và dễ dàng trong việc theo dõi. Tuy nhiên, khi phân bổ khấu hao, kế toán lại dùng chung một tài khoản cho tất cả công trình (VD biểu 2.19 Công trình Vĩnh Tân hay Thoát nước HP đều sử dụng TK 6278) điều này rất dễ gây nhầm lẫn khi theo dõi cho từng công trình.

- **Về công tác sửa chữa TSCĐ**, do địa bàn hoạt động của công ty rộng trên khắp cả nước nên có những nơi thời tiết khắc nghiệt, địa hình đi lại khó khăn ảnh hưởng đến việc hoạt động của máy móc cũng như sửa chữa khi hư hỏng. Điều này gây ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công trình đang thi công.

- **Về việc mua sắm và điều chuyển tài sản giữa các đơn vị nội bộ**:

+ Công ty không được giao quyền mua TSCĐ, không được chủ động trong việc chọn cho mình đối tác mua bán mà chỉ được chọn thông số kỹ thuật còn chủ yếu là do sự giao dịch của Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng nên công ty còn bị động trong công tác mua sắm mới những tài sản cố định cần thiết trong quá trình hoạt động kinh doanh. Điều này đôi khi làm cho công ty phải chờ đợi trong khi công ty đang rất có nhu cầu sử dụng TSCĐ.

+ Trong trường hợp Công ty nhận điều chuyển TSCĐ từ đơn vị khác đến thì giá trị của TSCĐ được ghi nhận theo giá trị của bên đơn vị điều chuyển, điều này không phản ánh đúng thực tế giá trị của tài sản.

→ Tất cả những điều này đều tác động không nhỏ đến giá thành và tuổi thọ của TSCĐ cũng như hiệu quả của các thiết bị đó.

- **Về việc quản lý TSCĐ tại nơi sử dụng**, công ty không theo dõi chi tiết tình hình sử dụng các tài sản cố định ở các đơn vị sử dụng. Điều này dẫn đến việc quản lý về giá trị không thống nhất với việc quản lý về mặt hiện vật, không ràng buộc trách nhiệm vật chất của người sử dụng tài sản cố định trong trường hợp xảy ra mất mát hư hỏng.

- **Về công tác luân chuyển chứng từ kế toán và bộ máy kế toán**, nhìn chung chứng từ luân chuyển trong công ty còn chậm ảnh hưởng đến tốc độ hạch toán kế toán tại doanh nghiệp, dẫn đến khối lượng công việc dồn vào cuối kỳ. Việc chứng từ luân chuyển chậm như trên chủ yếu là do các nguyên nhân sau:

+ *Thứ nhất*, do công ty có địa bàn hoạt động rộng, các công trình thi công được tiến hành ở khắp các địa phương, các tỉnh thành nên việc luân chuyển chứng từ giữa các đơn vị trực thuộc với phòng tài chính - kế toán của công ty vẫn còn chậm trễ.

+ *Thứ hai*, do trình độ kế toán trong công ty chưa đồng đều dẫn đến việc chứng từ được lưu chuyển từ các công trình về còn chậm.

+ *Thứ ba*, do quan niệm về công tác kế toán của cán bộ công nhân viên chức nói chung và cán bộ kế toán nhiều khi còn coi nhẹ, không tập trung vào công tác đẩy mạnh việc đưa chứng từ vào lưu chuyển, việc xử lý chứng từ không được giải quyết kịp thời.

### **3.2 Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty CPXD Bạch Đằng 234.**

Trong bối cảnh nền kinh tế đang trong thời kỳ hội nhập đòi hỏi tất cả các thành phần kinh tế, các tổ chức kinh doanh không ngừng đổi mới vận động để thích nghi với môi trường kinh doanh.

Với chỉ tiêu trên Công ty có kế hoạch đầu tư XD CB, đầu tư trang bị các máy móc thiết bị để đảm bảo tốt kế hoạch trong năm. Đầu tư bổ sung thiết bị nhằm từng bước chủ động để tiến đến không phải thuê ngoài, quyết tâm nâng cao chất lượng công trình.

Trong một thời gian ngắn thực tập Công ty CPXD Bạch Đằng 234, em đã được tiếp cận và có sự nhìn nhận thực tế hơn đối với công tác kế toán TSCĐ của một Doanh nghiệp. Thực trạng kế toán TSCĐ tại Công ty nhìn chung có công tác quản lý, hạch toán TSCĐ trong Công ty là khá tốt, tuân thủ theo quy định kế toán hiện hành. Tuy nhiên bên cạnh đó còn tồn tại một số vấn đề trong kế toán TSCĐ cần hoàn thiện để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

#### **3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty.**

Ngày nay, kế toán không chỉ làm công tác tính toán ghi chép đơn thuần về tài sản và sự vận động của tài sản mà nó còn là một bộ phận chủ yếu của hệ thống thông tin, là công cụ quản lý thiết yếu. Dựa trên những thông tin trung thực, chính xác nhà quản trị mới có thể đưa ra được những quyết định kinh doanh hữu hiệu nhất. Như vậy về mặt sử dụng thông tin, kế toán là một công cụ không thể thiếu trong công cụ quản lý kinh doanh có hiệu quả, giúp nhà quản lý đánh giá được các hoạt động của mọi tổ chức, mọi Doanh nghiệp.

Hoàn thiện quá trình này sẽ giúp cho khối lượng công việc kế toán được giảm nhẹ, hệ thống sổ sách đơn giản, dễ ghi chép, đối chiếu, kiểm tra xác định chính xác thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế... tạo điều kiện cho việc lên các báo cáo tài chính cuối kỳ đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế cho các đối tượng quan tâm.

Quá trình này được hoàn thiện sẽ giúp cho việc tổ chức chứng từ ban đầu và quá trình luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm được chi phí và thời gian tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán cuối kỳ để phản ánh một cách chính xác, trung thực, đầy đủ tình hình kinh doanh của Doanh nghiệp để từ đó xác định chính xác được hiệu quả của một kỳ kinh doanh và tình hình tài chính của Doanh nghiệp và đưa ra những phương hướng kinh doanh kỳ tới.

### **3.2.2. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán TSCĐ tại Công ty CPXD Bạch Đằng 234.**

Việc hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán tài sản cố định nói riêng cần dựa trên những cơ sở sau:

*Thứ nhất*, đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung. Bởi vì mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm riêng, do đó vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tích chất hoạt động và quy mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.

*Thứ hai*, đảm bảo sự tuân thủ thống nhất, chặt chẽ giữa những quy định trong điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước, trong chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù ngành sản xuất kinh doanh.

*Thứ ba*, đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy, phải tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán để chất lượng công tác kế toán đạt được hiệu quả cao nhất với chi phí thấp nhất.

*Thứ tư*, đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị ra các quyết định đúng đắn.

### **3.2.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty CPXD Bạch Đằng 234.**

Qua thời gian thực tập tại Công ty CPXD Bạch Đằng 234, tìm hiểu thực tế công tác kế toán TSCĐ tại Công ty, em nhận thấy việc hạch toán kế toán tài sản cố định ở Công ty có nhiều ưu điểm song vẫn còn những nhược điểm nên được sửa đổi và củng cố thêm. Mặc dù kiến thức thực tế còn hạn hẹp, em xin mạnh dạn đưa ra ý kiến đề xuất và mong rằng những ý kiến này sẽ là những giải pháp để tổ chức tốt hơn công tác kế toán tài sản cố định của Công ty.

#### ***Thứ nhất: Về khai thác phần mềm kế toán.***

Việc sử dụng phần mềm vẫn chưa mang lại hiệu quả cao. Kế toán vẫn phải làm thủ công bằng tay nhiều công đoạn trước khi vào phần mềm như việc tính khấu hao: phần mềm chưa hỗ trợ tính khấu hao, thẻ tài sản, bảng tổng hợp kiểm kê...vẫn phải lập thủ công bằng tay. Phần mềm còn quá đơn giản. Công ty cần có sự sửa đổi trong phần mềm kế toán. Công ty cần yêu cầu, đặt hàng người viết cải tiến phần mềm được hoàn thiện, phù hợp hơn với đặc điểm riêng của công ty xây dựng hơn.

#### ***Thứ hai: Về việc hạch toán chi phí lắp đặt, chạy thử.***

Công ty cần điều chỉnh lại việc đánh giá nguyên giá TSCĐ theo Điều 4, Thông tư 45 về việc Xác định nguyên giá TSCĐ: “Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm (kể cả mua mới và cũ): là giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: lãi tiền vay phát sinh trong quá trình đầu tư mua sắm tài sản cố định; chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác”.

Cụ thể, ở ví dụ 3: trích nghiệp vụ ngày 04/09/2014 mua Cầu tháp QTZ5015 theo hợp đồng kinh tế số 59/HĐKT/2014 của Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp và Thương mại Anh Sơn với giá mua là 681.818.182đ, chi phí vận chuyển, lắp dựng và kiểm định là 63.636.364đ, chưa thanh toán (Thuế VAT 10%).

#### **Kế toán định khoản:**

1.Nợ TK 2113: 681.818.182

Có TK 3311: 681.818.182

2. Nợ TK 6278: 63.636.364

Có TK 3311: 63.636.364

3. Nợ TK 13311: 74.545.455

Có TK 3311: 74.545.455

**Có thể sửa như sau:**

1. Nợ TK 2113: 745.454.545

Có TK 3311: 745.454.545

2. Nợ TK 13311: 74.545.455

Có TK 3311: 74.545.455

***Thứ ba: Về việc theo dõi chi phí khấu hao TSCĐ***

Về chi phí khấu hao của những TSCĐ mà công ty đã tính riêng cho từng công trình thì kế toán nên mở tài khoản tài khoản chi tiết để hạch toán riêng cho từng công trình chứ không hạch toán chung đến cuối kỳ lại tiến hành phân bổ cho từng công trình. Việc công ty sử dụng tài khoản chi tiết hạch toán riêng từng công trình như thế sẽ làm cho việc tính giá thành cho từng công trình được chính xác hơn. Cụ thể, kế toán có thể mở chi tiết với công trình Vĩnh Tân - TK 6278(1); Công trình thoát nước Hải Phòng - TK 6278(2)....

***Thứ tư: Về công tác sửa chữa tài sản cố định***

Công ty cần có đội sửa chữa có kinh nghiệm lưu động theo công trình ở nơi khó khăn về địa hình và khí hậu để khi máy móc hư hỏng, gặp sự cố có thể khắc phục nhanh chóng. Cần lập các phương án dự trù thay thế phụ tùng dễ hư hỏng trong trường hợp không thể sửa chữa; lên các kế hoạch vận chuyển máy móc nhanh chóng và an toàn nhất trong trường hợp máy móc cần thay mới hoặc thiên tai xảy ra, nếu không thể đủ phương tiện chuyên dụng có thể thuê các công ty vận chuyển gần nhất. Nếu công tác sửa chữa tài sản được thực hiện tốt sẽ đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng công trình,...

***Thứ năm: Về việc mua sắm và nhận điều chuyển TSCĐ từ các đơn vị nội bộ:***

+ Về việc mua sắm TSCĐ Công ty cần đề nghị, xin phép đơn vị cấp trên để được giao quyền mua TSCĐ cho đơn vị. Điều này sẽ làm cho công ty vừa chủ động về thời gian vừa đảm bảo về giá cả. Vì đơn vị có thể mua của nhà cung ứng với giá rẻ hơn, chất lượng được đảm bảo hơn thời gian nhanh chóng hơn.

Nếu không được chủ động mua có thể giới thiệu nhà cung ứng với mức giá thấp cho tổng công ty.

+ Nếu phải nhận điều chuyển, thì yêu cầu được đánh giá lại tài sản và lập biên bản đánh giá lại TSCĐ. Mục đích của việc lập biên bản này nhằm xác nhận việc đánh giá lại TSCĐ và làm căn cứ để ghi sổ kế toán và các tài liệu liên quan đến số chênh lệch (tăng, giảm) do đánh giá lại TSCĐ.

Sau đây là mẫu Biên bản đánh giá lại TSCĐ:

**Đơn vị:** .....

**Bộ phận:** .....

**Mẫu số: 04-TSCĐ**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ LẠI TSCĐ**

Ngày.....tháng.....năm

Số:.....

Nợ:.....

Có:.....

Căn cứ Quyết định số:.....ngày.....tháng.....năm .... của Chủ tịch hội đồng về việc đánh giá lại TSCĐ

Ông: ..... Chức vụ:..... Đại diện:..... Chủ tịch hội đồng

Ông: ..... Chức vụ:..... Đại diện:..... Ủy viên

Ông: ..... Chức vụ:..... Đại diện:..... Ủy viên

Đã thực hiện đánh giá lại giá trị các TSCĐ sau đây:

TT	Tên, ký mã hiệu quy cách(cấp hạng)TSCĐ	Số hiệu TSCĐ	Số thẻ TSCĐ	Giá trị đang ghi sổ			Giá trị còn lại theo đánh giá lại	Chênh lệch	
				Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại		Tăng	Giảm
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
1									
2									
3									
4									
5									
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
	<b>Cộng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>						

Kết

luận:.....

Ngày.....tháng.....năm

**Ủy viên/ Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Chủ tịch hội đồng**  
(Ký, họ tên)



***Thứ sáu: Về công tác quản lý TSCĐ***

Khi đưa TSCĐ vào sử dụng cần phân rõ trách nhiệm quyền hạn cho các bộ phận, phòng ban, tránh tình trạng chồng chéo chức năng. Tại các bộ phận sử dụng cần mở “Sổ theo dõi TSCĐ tại đơn vị sử dụng” để theo dõi cả về nguyên giá và số lượng nhằm phục vụ nhu cầu quản lý tài sản đã cấp cho các phòng, ban là căn cứ để đối chiếu khi tiến hành kiểm kê định kỳ.

Căn cứ để ghi sổ theo dõi TSCĐ theo đơn vị sử dụng là các chứng từ gốc về tăng, giảm TSCĐ và thẻ TSCĐ.

Vì vậy để thuận tiện và đảm bảo tính chặt chẽ trong công tác quản lý TSCĐ, giúp đơn vị sử dụng theo dõi nắm bắt được giá trị và thời điểm tăng giảm TSCĐ tại đơn vị mình quản lý. Công ty mở thêm sổ chi tiết TSCĐ tại đơn vị sử dụng theo mẫu sổ S22 – DN theo quy định của BTC.

***Thứ bảy, Về công tác luân chuyển chứng từ:***

Việc luân chuyển chứng từ còn chậm chễ một phần lớn là do trình độ kế toán và trình độ, ý thức của cán bộ công nhân viên nói chung chưa được phát huy tốt. Công nghệ thông tin bây giờ rất hiện đại, nếu ở nơi có địa hình khó khăn thì chứng từ có thể thống nhất gửi vào một ngày nào đó trong tháng qua việc sử dụng e-mail... Vì vậy, để công tác kế toán được thực hiện một cách đúng đắn, chuyên nghiệp và phù hợp với quy định của Nhà nước, công ty nên thường xuyên có thêm các hoạt động như: cho cán bộ, CNV đi học bổ sung, nâng cao nghiệp vụ và kinh nghiệm về công nghệ thông tin, về chuyên môn...

Sau đây là “Sổ theo dõi TSCĐ và CCDC tại nơi sử dụng” công ty nên sử dụng:

Đơn vị: Công ty CPXD Bạch Đằng 234

Địa chỉ: Số 2B Trường Chinh, Phường Lãm Hà, quận Kiến An,  
Hải Phòng.

**Mẫu số S22-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ THEO DÕI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI NƠI SỬ DỤNG**

**Năm:2014**

**Tên đơn vị (phòng ban hoặc người sử dụng): Đội xây dựng số 4**

Ghi tăng tài sản cố định và công cụ dụng cụ							Ghi giảm tài sản cố định và công cụ dụng cụ				Ghi chú	
Chứng từ		Tên, nhãn hiệu, quy cách tài sản cố định và công cụ, dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Chứng từ		Lý do	Số lượng		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng						Số hiệu	Ngày, tháng				
A	B	C	D	1	2	3 = 1x2	E	G	H	4	5	I
CF 02/12	18/12/2014	Máy cầu tháp QTZ 5015	cái	01	681.818.182	681.818.182						
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	

- Sổ này có .....trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## KẾT LUẬN

TSCĐ là cơ sở vật chất không thể thiếu trong quá trình sản xuất kinh doanh tại mỗi doanh nghiệp nói riêng và trong nền kinh tế Quốc dân nói chung. Kế toán TSCĐ và phân tích tình hình sử dụng TSCĐ không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng quản lý, sử dụng TSCĐ mà còn có ý nghĩa thiết thực trong quá trình định hướng đầu tư.

Công ty CPXD Bạch Đằng 234 đã nắm bắt được vấn đề này và đi sâu vào khai thác TSCĐ một cách có hiệu quả. Công ty đã đầu tư đúng đắn vào TSCĐ, đổi mới trang thiết bị, quản lý và sử dụng tài sản có hiệu quả để nâng cao năng lực sản xuất để tạo ra các công trình luôn đảm bảo về chất lượng, kỹ thuật và được các chủ đầu tư đánh giá cao. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được Công ty vẫn còn những tồn tại cần khắc phục.

Trong quá trình thực tập tại công ty CPXD Bạch Đằng 234, em đã có điều kiện tìm hiểu thực tế quá trình hạch toán kế toán TSCĐ tại công ty, giúp em vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tế. Đồng thời, từ quá trình thực tập đã giúp em học hỏi được nhiều điều từ sự vận dụng linh hoạt chế độ kế toán cho phù hợp với từng đặc điểm riêng biệt của từng đơn vị, từng công ty.

Do trình độ lý luận và thực tiễn còn hạn chế, thời gian thực tập có hạn, nên bài khóa luận tốt nghiệp của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự giúp đỡ, góp ý của thầy, cô giáo và của phòng kế toán công ty để chuyên đề của em được phong phú và lý luận sát với thực tiễn ở công ty.

Qua đây, em xin chân thành cảm ơn các anh, các chị trong Công ty CP xây dựng Bạch Đằng 234. Cảm ơn các thầy cô trong Khoa Quản trị kinh doanh và đặc biệt là thầy giáo Ths. Nguyễn Văn Thụ đã giúp em trong quá trình thực tập để em có thể hoàn thiện bài khóa luận tốt nghiệp của mình.

*Hải Phòng, ngày.....tháng....năm 2015*

SINH VIÊN

NGUYỄN THỊ HUẾ

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC của bộ trưởng Bộ tài chính.
2. Thông tư 45/2013/TT-BTC về “Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ”.
3. Chuẩn mực kế toán.
4. Tài liệu, các chứng từ, sổ sách kế toán năm 2014 của Công ty CPXD Bạch Đằng 234.
5. PGS. TS Nguyễn Văn Công (2006), “Lý thuyết thực hành kế toán tài chính”, NXB Đại học kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
6. Khóa luận các khóa trên.
7. Tài liệu trên trang [Webketoan.com](http://Webketoan.com), [Vndoc.com](http://Vndoc.com)....